



NGUYỄN DU

Truyện Kiều

Kể về một cô gái tài hoa



HOANG PHU



HOANG PHU

Truyện Kiều

Tác giả: Nguyễn Du

Kiều thăm mộ Đạm Tiên
Trăm năm trong cõi người ta, (1)
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
Lạ gì bỉ sắc tư phong, (5)
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.
Cảo thơm lần giở trước đèn,
Phong tình có lục còn truyền sử xanh.
Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng. (10)
Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bực trung.
Một trai con thứ rất lòng,
Vương Quan là chữ, nổi dòng nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga, (15)
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Một người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang. (20)
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo, mặn mà,
So bề tài, sắc, lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn, (25)
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một, hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tư trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm. (30)
Cung thương lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên bạc mệnh, lại càng não nhân.
Phong lưu rất mực hồng quần, (35)
Xuân xanh sắp xỉ tới tuần cập kê

Êm đêm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.
Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi. (40)
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là đạp Thanh.
Gần xa nô nức yến anh, (45)
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử, giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay. (50)
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh, (55)
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đàng,
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng: Sao trong tiết thanh minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà? (60)
Vương Quan mới dẫn gần xa:
Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi.
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiềm gì yến anh.
Kiếp hồng nhan có mong manh, (65)
Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương.
Có người khách ở viễn phương,
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ. (70)
Buồng không lạnh ngắt như tờ,
Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.
Khóc than khôn xiết sự tình,
Khéo vô duyên ấy là mình với ta.
Đã không duyên trước chẳng mà, (75)

Thì chi chút ước gọi là duyên sau.
Sắc xanh nếp tử xe châu,
Vùi nông một nắm mặc dầu cỏ hoa.
Trai bao thả lặn ác tà,
Ấy mồi vô chủ, ai mà viếng thăm! (80)
Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa.
Đau đón thay phận đàn bà!
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
Phũ phàng chi bấy hoá công, (85)
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.
Sống làm vợ khắp người ta,
Khéo thay thác xuống làm ma không chồng.
Nào người phượng chạ loan chung,
Nào người tích lục tham hồng là ai? (90)
Đã không kẻ đoái người hoài,
Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Họa là người dưới suối vàng biết cho.
Lầm rầm khăn khứa nhỏ to, (95)
Sụp ngời vài gậy trước mồi bước ra.
Một vùng cỏ áy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn. (100)
Lại càng mê mẩn tâm thần
Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra.
Lại càng ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vẫn dài.
Vân rằng: Chị cũng nức cười, (105)
Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa.
Rằng: Hồng nhan tự thuở xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu?
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào? (110)
Quan rằng: Chị nói hay sao,
Một lời là một vắn vào khó nghe.
Ở đây âm khí nặng nề,
Bóng chiều đã ngả đậm về còn xa.

Kiều rằng: Những đấng tài hoa, (115)
Thác là thể phách, còn là tinh anh,
Dễ hay tình lại gặp tình,
Chờ xem ắt thấy hiển linh bây giờ.
Một lời nói chưa kịp thừa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay. (120)
 Ào ào đổ lộc rung cây,
 Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
 Đề chùng ngọn gió lần theo,
 Dấu giày từng bước in rêu rành rành.
 Mắt nhìn ai nấy đều kinh, (125)
Nàng rằng: Này thực tình thành chẳng xa.
 Hữu tình ta lại gặp ta,
 Chớ nề u hiển mới là chị em.
 Đã lòng hiển hiện cho xem,.
Tạ lòng nàng lại nói thêm vài lời. (130)
 Lòng thơ lai láng bồi hồi,
 Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.
 Dùng dằng nửa ở nửa về,
 Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
 Trông chùng thấy một văn nhân, (135)
Lông buông tay khấu bước lần dặm băng.
 Đề huề lưng túi gió trăng,
 Sau chân theo một vài thằng con con.
 Tuyết in sắc ngựa câu giòn,
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời. (140)
 Nẻo xa mới tỏ mặt người,
 Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.
 Hài văn lần bước dặm xanh,
 Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.
 Chàng Vương quen mặt ra chào, (145)
 Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa.
 Nguyên người quanh quất đâu xa,
 Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.
 Nền phú hậu, bậc tài danh,
Văn chương nét đất, thông minh tính trời. (150)
 Phong tư tài mạo tốt vời,
 Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.
 Chung quanh vẫn đất nước nhà,

Vội Vương Quan trước vẫn là đồng thân.
Vẫn nghe thơm nức hương lân, (155)
Một nền đồng Tước khoá xuân hai Kiều.
Nước non cách mấy buồng thuyền,
Những là trộm nhớ thăm yêu chốc mộng.
May thay giải cầu tương phùng,
Gặp tuần đồ lá thoả lòng tìm hoa. (160)
Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.
Người quốc sắc, kẻ thiên tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê. (165)
Rón ngòi chẳng tiện, dứt về chĩnh khôn.
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha. (170)
Kiều từ trở gót trưởng hoa,
Mặt trời gác núi chiêmng đà thu không.
Mảnh trăng chênh chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
Hải đường lả ngọn đông lân, (175)
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.
Một mình lặng ngắm bóng nga,
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời:
Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi! (180)
Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không?
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.
Chênh chênh bóng nguyệt xế màn, (185)
Tựa nương bên triện một mình thiu thiu.
Thoắt đâu thấy một tiểu kiều,
Có chiều thanh vận, có chiều thanh tân.
Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng lãng đăng như gần như xa. (190)
Chào mừng đón hỏi dò la:
Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây?

Thưa rằng: Thanh khí xưa nay,
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên.
Hàn gia ở mé tây thiên, (195)
Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu.
Mấy lòng hạ cổ đến nhau,
Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng.
Vâng trình hội chủ xem tường,
Mà sao trong sổ đoạn trường có tên. (200)
Âu đành quả kiếp nhân duyên,
Cùng người một hội, một thuyền đầu xa!
Này mười bài mới mới ra,
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ.
Kiều vâng lĩnh ý đề bài, (205)
Tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ nức nở khen thâm:
Giá đành tú khẩu cầm tâm khác thường
Ví đem vào tập đoạn Trường
Thì treo giải nhất chỉ nhường cho ai. (210)
Thêm hoa khách đã trở hài,
Nàng còn cầm lại một hai tự tình.
Gió đầu xịch bức màn mình mình,
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
Trông theo nào thấy đâu nào (215)
Hương thừa đường hãy ra vào đâu đây.
Một mình lưỡng lự canh chầy,
Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.
Hoa trôi bèo dạt đã đành,
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi! (220)
Nổi riêng lớp lớp sóng dồi,
Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn.
Giọng Kiều rên rỉ trưởng loan,
Nhà Huyền chợt tỉnh hỏi: Cơn có gì?
Cớ sao trần trọc canh khuya, (225)
Màu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa?
Thưa rằng: Chút phận ngây thơ,
Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đền.
Buổi ngày chơi mả đạm Tiên,
Nhấp đi thoát thấy ứng liền chiêm bao. (230)
đoạn trường là số thế nào,

Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.
Cứ trong mộng triệu mà suy,
Phận con thôi có ra gì mai sau!
Dạy rằng: Mộng triệu có đâu, (235)
Bỗng không mua nảo chuốc sầu nghĩ nao.
Vâng lời khuyên giải thấp cao,
Chưa xong điều nghĩ đã đào mạch Tương.
Ngoài song thả thả oanh vàng,
Nách tường bông liễu bay ngang trước màn. (240)
Hiên tà gác bóng chênh chênh,
Nỗi riêng, riêng trạnh tắc riêng một mình.
Cho hay là thói hữu tình,
Đố ai gỡ mối tơ màn cho xong.

Kiều gặp Kim Trọng

Chàng Kim từ lại thư song, (245)
Nỗi nằng canh cánh bên lòng biếng khuây.
Sầu đông càng lắt càng đầy,
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê.
Mây Tần khóa kín song the,
Bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao. (250)
Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
Buồng vắng hơi giá như đông,
Trúc se ngọn cỏ, tơ chùng phím loan.
Màn Tương phất phất gió đàn, (255)
Hương gầy mùi nhớ, trà khan giọng tình.
Vì chẳng duyên nợ ba sinh,
Thì chi đem thói khuynh thành trêu người.
Bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người,
Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi. (260)
Một vùng cỏ mọc xanh rì,
Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu!
Gió chiều như gọi cơn sầu,
Vi lô hiu hắt như màu khay trêu.
Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều, (265)
Xăm xăm đề neo Lam Kiều lần sang.
Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh.

Lơ thơ tơ liễu buông mảnh,
Con oanh học nói trên cành mả mai. (270)
Mấy lần cửa đóng then cài,
đầy thềm hoa rụng, biết người ở đâu?
Tần ngần đứng suốt giờ lâu,
Dạo quanh chợt thấy mái sau có nhà.
Là nhà Ngô Việt thương gia, (275)
Buồng không để đó người xa chưa về.
Lấy điều du học hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang.
Có cây, có đá sẵn sàng,
Có hiên Lãm thúy, nét vàng chưa phai. (280)
Mừng thăm chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hấn duyên trời chi đây.
Song hồ nửa khép cánh mây,
Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.
Tắc gang đồng tỏa nguyên phong, (285)
Tuyệt mù nào thấy bóng hồng vào ra.
Nhấn từ quán khách lân la,
Tuần trăng thấm thoát nay đà thêm hai.
Cách tường phải buổi êm trời,
Dưới đào đường có bóng người thướt tha. (290)
Buồng cầm xốc áo vội ra,
Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.
Lần theo tường gấm dạo quanh,
Trên đào nhác thấy một cành kim thoa.
Giơ tay cất lấy về nhà: (295)
Này trong khuê các đâu mà đến đây?
Ngẫm xem người ấy báu này,
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!
Trên tay ngẫm nghĩa mừng thăm
Hãy còn thoang thoảng hương trầm chưa phai. (300)
Tan sương đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn ngơ.
Sinh đà có ý đợi chờ,
Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng:
Thoa đâu bắt được hư không, (305)
Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về?
Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:

Ôn lòng quân tử sá gì của rơi.
Chiếc thoa nào của mấy mươi,
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao! (310)
Sinh rằng: Lân lý ra vào,
Gần đây nào phải người nào xa xôi.
Được rày nhờ chút thơm rơi,
Kể đà thiếu nảo lòng người bấy nay!
Bấy lâu mới được một ngày, (315)
Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là.
Vội về thêm lấy của nhà,
Xuyến vàng đôi chiếc khăn là một vương.
Bạc mây rón bước ngọn tường,
Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe? (320)
Sượng sùng giữ ý rụt rè,
Kẻ nhìn rõ mặt người e cúi đầu.
Rằng: Từ ngẫu nhĩ gặp nhau
Thăm trông trộm nghĩ bấy lâu đã chôn.
Sương mai tính đã rũ mòn, (325)
Lần lừa ai biết hãy còn hôm nay!
Tháng tròn như gởi cung mây,
Trần trần một phận áp cây đã liễu!
Tiện đây xin một hai điều,
Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng? (330)
Ngần ngừ nàng mới thừa rằng:
Thối nhà băng tuyết chất hằng phỉ phong,
Dù khi lá thắm chỉ hồng,
Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha.
Nặng lò xót liễu vì hoa, (335)
Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thừa!
Sinh rằng: Rày gió mai mưa,
Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi!
Dù chẳng xét tấm tình si,
Thiệt đây mà có ích gì đến ai? (340)
Chút chi gấn bó một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh.
Khuôn thiêng dù phụ tác thành,
Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
Lượng xuân dù quyết hẹp hòi, (345)
Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru!

Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng.
Rằng: Trong buổi mới lạ lòng,
Nể lòng có lẽ cảm lòng cho đang! (350)
Đã lòng quân tử đa mang,
Một lời vàng tạc đá vàng thủy chung.
Được lời như cởi tấm lòng,
Giờ kim hoàn với khăn hồng trao tay.
Rằng: Trăm năm cũng từ đây, (355)
Của tin gọi một chút này làm ghi.
Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ,
Với cảnh thoa áy tức thì đổi trao.
Một lời vừa gắn tất giao,
Mái sau dường có xôn xao tiếng người. (360)
Vội vàng lá rụng hoa rơi,
Chàng về viện sách nàng dòi lầu trang.
Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thâm thía dạ càng ngẩn ngơ.
Sông Tương một dải nông sờ, (365)
Bên trông đầu nọ bên chờ suối kia.
Một tường tuyết trở sương che.
Tin xuân đâu dễ đi về cho năng.
Lần lần ngày gió đêm trăng,
Thưa hồng rậm lục đã chùng xuân qua. (370)
Ngày vừa sinh nhật ngoại gia,
Trên hai đường dưới nữa là hai em.
Tưng bừng sắm sửa áo xiêm,
Biện dâng một lễ xa đem tấc thành.
Nhà lan thanh vắng một mình, (375)
Ngẫm cơ hội ngộ đã dành hôm nay.
Thời trân thức thức sẵn bày,
Gót sen thoãn thoát dạo ngay mái tường.
Cách hoa sẽ dậy tiếng vàng,
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông: (380)
Trách lòng hờ hững với lòng,
Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu.
Nhưng là đáp nhớ đôi sầu,
Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râu.
Nàng rằng: Gió bắt mưa cầm, (385)

Đã cam tộ với tri âm bấy chầy.
Vẳng nhà được buổi hôm nay,
Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng!
Lần theo núi giả đi vòng,
Cuối tường dường có nẻo thông mới rào. (390)
Xấn tay mở khóa động đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai.
Mặt nhìn mặt càng thêm tươi,
Bên lời vạn phúc bên lời hàn huyên.
Sánh vai về chốn thư hiên, (395)
Góp lời phong nguyệt nặng nguyên non sông.
Trên yên bút giá thi đồng,
Đạm thanh một bức tranh từng treo trên.
Phong sương được vẽ thiên nhiên,
Mặt khen nét bút càng nhìn càng tươi. (400)
Sinh rằng: Phác họa vừa rồi,
Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.
Tay tiên gió tấp mưa sa,
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.
Khen: Tài nhả ngọc phun châu, (405)
Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này!
Kiếp tu xưa ví chưa dày,
Phúc nào nhắc được giá này cho ngang!
Nàng rằng: Trộm liếc dung quang,
Chẳng sân bội ngọc cũng phường kim môn. (410)
Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay?
Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Có người tướng sĩ đoán ngay một lời:
Anh hoa phát tiết ra ngoài, (415)
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
Trông người lại ngẫm đến ta,
Một dây một mỏng biết là có nên?'
Sinh rằng: Giải cầu là duyên,
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều. (420)
Ví dù giải kết đến điều,
Thì đem vàng đá mà liêu với thân!
Đủ điều trung khúc ân cần,
Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng.

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang, (425)
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài.
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng nàng mới kíp dời song sa.
đến nhà vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về. (430)
Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.
Nhặt thưa gương giọi đầu cành,
Ngon đèn trông lọt trướng huỳnh hắt hiu.
Sinh vừa tựa án thiu thiu, (435)
Dở chiều như tỉnh dở chiều như mê.
Tiếng sen sẽ động giấc hòe,
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần.
Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần,
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng. (440)
Nàng rằng: Khoảng vắng đêm trường,
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.
Bây giờ rõ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?
Vội mừng làm lễ rước vào, (445)
đài sen nổi sập song đào thêm hương.
Tiên thê cùng thảo một chương,
Tóc mây một món dao vàng chia đôi.
Vàng trắng vàng vạc giữa trời,
Đỉnh ninh hai mặt một lời song song. (450)
Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
Chén hà sánh giọng quỳnh tương,
Dải là hương lộn bình gương bóng lồng.
Sinh rằng: Gió mát trăng trong, (455)
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.
Chày sương chưa nện cầu Lam,
Sợ lần khân quá ra sàm sở chẳng?
Nàng rằng: Hồng diệp xích thằng,
Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri. (460)
đừng điều nguyệt nọ hoa kia.
Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.
Rằng: Nghe nổi tiếng cầm đài,

Nước non luống những lảng tai Chung Kỳ.
Thưa rằng: Tiện kỹ sá chi, (465)
đã lòng dạy đến dạy thì phải vâng.
Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
Vội vàng Sinh đã tay nâng ngang mày.
Nàng rằng: Nghề mọn riêng tay,
Làm chi cho bận lòng này lắm thân! (470)
So dần dây vũ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.
Khúc đầu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc đầu Tư mã Phụng cầu, (475)
Nghe ra như oán như sầu phải chăng!
Kê Khang này khúc Quảng lăng,
Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân.
Qua quan này khúc Chiêu Quân,
Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia. (480)
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.
Ngon đèn khi tỏ khi mờ, (485)
Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc khi chau đôi mày.
Rằng: Hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào! (490)
Lựa chi những bậc tiêu tao,
Đột lòng mình cũng nao nao lòng người?
Rằng: Quen mất nét đi rồi,
Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao!
Lời vàng âm lĩnh ý cao, (495)
Họa dần dần bớt chút nào được không.
Hoa hương càng tỏ thức hồng,
đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm có chiều lả lơi. (500)
Thưa rằng: đừng lấy làm chơi,
Dễ cho thừa hết một lời đã nao!

Vẻ chi một đóa yêu đào,
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.
Đã cho vào bậc bố kinh, (505)
Đạo tông phu lấy chữ trình làm đầu
Ra tuồng trên Bộc trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi!
Phải điều ăn xối ở thì,
Tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày! (510)
Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lửa đôi ai đẹp lại tày Thôi Trương.
Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chiều nên đã chán chường yếm anh.
Trong khi chấp cánh liền cành, (515)
Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên.
Mái tây để lạnh hương nguyên,
Cho duyên đầm thắm ra duyên bể bàng.
Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,
Đẻ sau nên thẹn cùng chàng bởi ai? (520)
Vội chi liễu ép hoa nài,
Còn thân ắt lại đền bồi có khi!
Thấy lời đoan chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.
Bóng tàu vừa lạt vẻ ngân, (525)
Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào.
Nàng thì vội trở buồng thêu,
Sinh thì dạo gót sân đào bước ra.
Cửa sài vừa ngỏ then hoa,
Gia đồng vào gởi thư nhà mới sang. (530)
đem tin thúc phụ từ đường,
Bơ vơ lữ thán tha hương đề huề.
Liêu dương cách trở sơn khô,
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.
Mảng tin xiết nỗi kinh hoàng, (535)
Bằng mình lên trước đài trang tự tình.
Gót đầu mọi nỗi đình ninh,
Nỗi nhà tang tóc nỗi mình xa xôi:
Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ, (540)
Trăng thề còn đó tơ tơ,

Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng.
Ngoài nghìn dặm chốc ba đông,
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy!
Gìn vàng giữ ngọc cho hay, (545)
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.
Tai nghe ruột rồi bời bời,
Ngập ngừng nằng mới giải lời trước sau:
Ông tơ ghét bỏ chi nhau,
Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi! (550)
Cùng nhau trót đã nặng lời,
Dẫu thay mái tóc dám dời lòng tơ!
Quản bao tháng đợi năm chờ,
Nghĩ người ăn gió năm mưa xót thâm.
Đã nguyên hai chữ đồng tâm, (555)
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.
Còn non còn nước còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay!
Dùng dằng chưa nỡ rời tay,
Vàng đông trông đã đứng ngay nóc nhà. (560)
Ngại ngừng một bước một xa,
Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.
Buộc yên quải gánh vội vàng,
Mối sầu xẻ nửa bước đường chia hai.
Buồn trông phong cảnh quê người, (565)
đầu cảnh quỳên nhật cuối trời nhận thừa.
Nào người cũ gió tuần mưa,
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.
Nàng còn đứng tựa hiên tây,
Chín hồi vắn vít như vậy mối tơ. (570)
Trông chừng khói ngát song thưa,
Hoa trôi trác thắm, liễu xơ xác vàng.

Kiều bán mình chuộc cha

Tần ngần dạo gót lầu trang,
Một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về,
Hàn huyên chưa kịp giải dề, (575)
Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao.
Người nách thước, kẻ tay đao;
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi.

Già giang một lão một trai,
Một dây vô lại buộc hai thâm tình. (580)
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,
Rụng rời khung dệt, tan tành gói may.
Đồ tể nhuyển, của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham.
Điều đâu bay buộc ai làm? (585)
Này ai dan dậm, giật giàm bỗng dưng?
Hỏi ra sau mới biết rằng:
Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ.
Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ,
Tiếng oan dậy đất, án ngờ lừa mây. (590)
Hạ từ van lạy suốt ngày,
Điếc tai lân tuất, phũ tay tồi tàn.
Rường cao rút ngược dây oan,
Dầu là đá cũng nát gan, lọ người.
Mặt trông đau đón rụng rời, (595)
Oan này còn một kêu trời, nhưng xa.
Một ngày lạ thói sai nha,
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.
Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao? (600)
Duyên hội ngộ, đức cù lao,
Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?
Để lời thệ hải minh sơn,
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.
Quyết tình nằng mới hạ tình: (605)
Để cho để thiếp bán mình chuộc cha!
Họ Chung có kẻ lại già,
Cũng trong nha dịch lại là từ tâm.
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
Vì nàng nghĩ cũng thương thâm xót vay. (610)
Tính bài lót đó luôn đây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.
Hãy về tạm phó giam ngoài,
Dặn nàng qui liệu trong đôi ba ngày.
Thương tình con trẻ thơ ngây, (615)
Gặp cơn vạ gió tai bay bất kỳ!
Đau lòng tử biệt sinh ly,

Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên!
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liều đem tắc cỏ quyết đền ba xuân. (620)
Sự lòng ngỏ với băng nhân,
Tin sương đồn đại xa gần xôn xao.
Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vắn danh.
Hỏi tên rằng: Mã Giám sinh. (625)
Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần.
Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ lao xao
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang. (630)
Ghế trên ngồi tót sỗ sàng,
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
Nổi mình thêm tức nổi nhà,
Thêm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng!
Ngại ngừng giọng gió e sương, (635)
Nhìn hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.
Đắn đo cân sắc cân tài,
ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ. (640)
Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt dìu.
Rằng: Mua ngọc đến Lam Kiều,
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?
Mối rằng: đáng giá nghìn vàng, (645)
Gấp nhà nhờ lượng người thương dám nài.
Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.
Một lời thuyên đã êm dằm
Hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi. (650)
Định ngày nạp thái vu qui,
Tiền lưng đã sẵn việc gì chẳng xong!
Một lời cạy với Chung công,
Khất từ tạm lĩnh Vương ông về nhà.
Thương tình con trẻ cha già, (655)
Nhìn nàng ông những máu sa ruột đau:

Nuôi con những ước về sau,
Trao tơ phải lúa, gieo cầu đáng nơi.
Trời làm chi cực bấy trời,
Này ai vu thác cho người hợp tan! (660)
Búa rìu bao quản thân tàn,
Nỡ đầy đọa trẻ, càng oan khốc già.
Một lần sau trước cũng là,
Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau!
Theo lời càng chảy dòng châu, (665)
Liều mình ông rắp gieo đầu tường vôi.
Vội vàng kẻ giữ người coi,
Nhỏ to nằng lại tìm lời khuyên can:
Về chi một mảnh hồng nhan,
Tóc tơ chưa chút đèn ơn sinh thành. (670)
Dâng thư đã then nằng Oanh,
Lại thua ả Lý bán mình hay sao?
Cỗi xuân tuổi hạc càng cao,
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.
Lòng tơ dù chẳng dứt tình, (675)
Gió mưa âu hắt tan tành nước non.
Thà rằng liều một thân con,
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.
Phận sao đành vậy cũng vậy,
Cầm như chẳng đậu những ngày còn xanh. (680)
Cũng đừng tính quần lo quanh,
Tan nhà là một thiệt mình là hai.
Phải lời ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt vắn giọt dài ngổn ngang.
Mái ngoài họ Mã vừa sang, (685)
Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao.
Trăng già độc địa làm sao?
Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự nhiên.
Trong tay đã sẵn đồng tiền,
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì! (690)
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm đã đặt, tụng kỳ cũng xong.
Việc nhà đã tạm thông dong,
Tinh kỳ giục già đã mong độ về.
Một mình nàng ngọn đèn khuya, (695)

Áo dầm giọt lệ, tóc xe môi sâu.
Phận dầu, dầu vậy cũng dầu,
Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời!
Công trình kẻ biết mấy mươi.
Vì ta khăng khít, cho người dở dang. (700)
Thề hoa chưa ráo chén vàng,
Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa.
Trời Liêu non nước bao xa.
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi.
Biết bao duyên nợ thề bồi. (705)
Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì.
Tái sinh chưa dứt hương thề.
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khỏi tình mang xuống tuyền đài chưa tan. (710)
Nỗi riêng riêng những bàng hoàng,
Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thấm khăn.
Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han:
Cơ trời dâu bể đa đoan, (715)
Một nhà để chị riêng oan một mình,
Cớ chi ngồi nhẩn tàn canh?
Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?
Rằng: Lòng đương thỏn thức đầy,
Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong. (720)
Hở môi ra cũng thẹn thùng,
Đề lòng thì phụ tấm lòng với ai.
Cậy em, em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đường đứt gánh tương tư, (725)
Loan giao chấp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
Sự đâu sóng gió bất kỳ,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai! (730)
Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.

Chiếc thoa với bức tờ mây, (735)
Duyên này thì giữ vật này của chung.
Dù em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.
Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa. (740)
Mai sao dầu có bao giờ.
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề, (745)
Nát thân bồ liễu, đền nghi trúc mai;
Dạ đài cách mặt khuất lời,
Rây xin chén nước cho người thác oan.
Bây giờ trâm gãy bình tan,
Kẻ làm sao xiết muôn vàn ái ân. (750)
Trăm nghìn gửi lại tình quân,
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
Phận sao phận bạc như vôi,
Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng.
ôi Kim lang! Hỡi Kim lang! (755)
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!
Cạn lời hồn ngắt máu say,
Một hơi lặng ngắt đôi tay giá đồng.
Xuân Huyền chợt tỉnh giắt nồng,
Một nhà tấp nập, kẻ trong người ngoài. (760)
Kẻ thang người thuốc bời bời,
Mới dần cơn vụng, chưa phai giọt hồng.
Hỏi: Sao ra sự lạ lòng?
Kiều càng nức nở mở không ra lời.
Nỗi nàng Vân mới rỉ tai, (765)
Chiếc thoa này với tờ bồi ở đây...
Này cha làm lỗi duyên may,
Thôi thì nỗi ấy sau này đã em.
Vì ai rụng cải rơi kim,
Để con bèo nổi mây chìm vì ai. (770)
Lời con dặn lại một hai,
Dầu mòn bia đá, dăm sai tác vàng.
Lậy thôi, nàng lại thừa chiêng,

Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
Sá chi thân phận tôi đòi, (775)
Dẫu rằng xương trắng quê người quản đâu.
Xiết bao kẻ nổi thăm sâu!
Khắc canh đã giục nam lâu mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
Quản huyền đâu đã giục người sinh ly. (780)
Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá tơ chia rũ tằm.
Trời hôm mây kéo tối râm,
Rầu rầu ngọn cỏ đầm đầm cảnh sương.
Rước nàng về đến trú phường, (785)
Bốn bề xuân khóa một nàng ở trong.
Ngập ngừng then lục e hồng,
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen.
Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hoài công nặng giữ mưa gìn với ai: (790)
Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.
Vì ai ngăn đón gió đông,
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.
Trùng phùng dầu họa có khi, (795)
Thân này thôi có còn gì mà mong.
Đã sinh ra số long đong,
Còn mang lấy kiếp má hồng được sao?
Trên yên sẵn có con dao,
Giấu cầm nàng đã gói vào chéo khăn: (800)
Phòng khi nước đã đến chân,
Dao này thì liệu với thân sau này.
Đêm thu một khắc một chầy,
Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.

Kiều rơi vào tay Tú bà và Mã Giám Sinh
Chẳng ngờ gã Mã Giám Sinh, (805)
Vẫn là một đứa phong tình đã quen.
Quá chơi lại gặp hội đen,
Quen mùi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.
Lầu xanh có mụ Tú Bà,
Làng chơi đã trở về già hết duyên. (810)

Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mặt cưa mướp đấng đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn bán phần bán hương đã lè.
Đạo tìm khắp chợ thì quê, (815)
Giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi.
Rủi may âu cũng tại trời,
Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên.
Xót nàng chút phận thuyền quyên,
Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn. (820)
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sính nghi rẻ giá nghênh hôn sẵn ngày.
Mừng thầm: Cờ đã đến tay!
Càng nhìn vẻ ngọc càng say khúc vàng.
Đã nên quốc sắc thiên hương, (825)
Một cười này hảnh nghìn vàng chẳng ngoa.
Về đây nước trước bể hoa,
Vương tôn quý khách ắt là đua nhau.
Hắn ba trăm lạng kém đâu,
Cũng đà vừa vốn còn sau thì lời, (830)
Miếng ngon kẻ đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc của trời cũng tham.
đào tiên đã bén tay phàm,
Thì vin cành quít cho cam sự đời!
Dưới trần mấy mặt làng chơi, (835)
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
Nước vỏ lựu máu mào gà,
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên.
Mập mờ đánh lận con đen,
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi? (840)
Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công mất một buổi quỳ mà thôi.
Vả đây đường xá xa xôi,
Mà ta bất động nữa người sinh nghi.
Tiếc thay một đóa trà mi, (845)
Con ong đã tỏ đường đi lối về.
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng,

Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ. (850)
Giọt riêng tâm tã tuôn mưa,
Phân căm nổi khách phân dơ nổi mình:
Tuồng chi là giống hôi tanh,
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng.
Thôi còn chi nữa mà mong? (855)
Đời người thôi thế là xong một đời.
Giận duyên tủi phận bời bời,
Cầm dao nàng đã toan bài quyền sinh.
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
Một mình thì chớ hai tình thì sao? (860)
Sao dầu sinh sự thế nào,
Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân.
Nổi mình âu cũng giãn dần,
Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi.
Những là đo đản ngược xuôi, (865)
Tiếng gà nghe đã gáy sôi mái tường.
Lầu mai vừa rúc còi sương,
Mã Sinh giục giã vội vàng ra đi.
Đoạn trường thay lúc phân kỳ!
Vó câu khắp khênh bóng xe gập ghềnh. (870)
Bề ngoài mười dặm trường đình,
Vương ông mở tiệc tiễn hành đưa theo.
Ngoài thì chủ khách dập dìu,
Một nhà huyên với một Kiều ở trong.
Nhìn càng lã chã giọt hồng, (875)
Rỉ tai nàng mới giải lòng thấp cao:
Hổ sinh ra phận thơ đào,
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong?
Lỡ làng nước đục bụi trong,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây. (880)
Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Thân con chẳng kéo mắc tay bợm già!
Khi về bỏ vắng trong nhà,
Khi vào dùng dằng khi ra vội vàng.
Khi ăn khi nói lỡ làng, (885)
Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.
Khác màu kẻ quý người thanh,
Ngấm ra cho kỹ như hình con buôn.

Thôi con còn nói chi con?
Sống nhờ đất khách thác chôn quê người! (890)
Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
Vài tuần chưa cạn chén khuyên.
Mái ngoài nghỉ đã giục liền ruỗi xe.
Xót con lòng nặng trĩu trĩ, (895)
Trước yên ông đã nắn nì thấp cao:
Chút thân yếu liễu tơ đào,
Rợp nhà đến nỗi giấn vào tôi người.
Từ đây góc bể bên trời,
Nắng mưa thui thui quê người một thân. (900)
Nghìn tâm nhờ bóng tùng quân,
Tuyệt sương che chở cho thân cát đẳng.
Cạn lời khách mới thừa rằng:
Buộc chân thôi cũng xích thẳng nhiệm trao.
Mai sau dầu đến thế nào, (905)
Kìa gương nhật nguyệt nọ dao qui thần!
Đùng đùng gió giục mây vùn,
Một xe trong cõi hồng trần như bay.
Trông vời gạt lệ chia tay,
Góc trời thăm thẳm đêm ngày dăm dăm. (910)
Nàng thì dậm khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá đen rằm ngàn mây.
Vi lô san sát hơi may,
Một trời thu để riêng ai một người.
Dậm khuya ngất tạnh mù khơi, (915)
Thấy trắng mà thẹn những lời non sông.
Rừng thu từng biếc xen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.
Những là lạ nước lạ non,
Lâm Truy vừa một tháng tròn tới nơi. (920)
Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoắt trông nhón nhọt màu da,
Ăn gì cao lớn đẩy đà làm sao!
Trước xe lơ lả han chào, (925)
Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mây ngài,

Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương án hắt hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày. (930)
Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên sư,
Hương hôm hoa sớm phụng thờ.
Cô nào xấu vía có thừa mỗi hàng,
Cởi xiêm lột áo sổ sàng, (935)
Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lầm râm.
Đổi hoa lót xuống chiếu nằm,
Bướm hoa bay lại ầm ầm tứ vi!
Kiều còn ngơ ngẩn biết gì,
Cứ lời lay xuống mụ thì khấn ngay: (940)
Cửa hàng buôn bán cho may,
Đêm đêm Hàn thực ngày ngày Nguyên tiêu.
Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
Xôn xao oanh yến rập rìu trúc mai.
Tin nhận vẫn lá thư bài, (945)
Đưa người cửa trước rước người cửa sau.
Lạ tai nghe chữa biết đâu,
Xem tình ra cũng những màu dỏ dang.
Lễ xong hương hỏa gia đường,
Tú Bà vắt nóc lên giường ngồi ngay. (950)
Dạy rằng: Con lay mẹ đây,
Lay rồi sang lay cậu mày bên kia.
Nàng rằng: Phải bước lưu ly,
Phận hèn vâng đã cam bề tiểu tỉnh.
Điều đâu lấy yến làm oanh, (955)
Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì?
Đủ điều nạp thái vu qui,
Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi.
Giờ ra thay mặt đổi ngôi,
Dám xin gửi lại một lời cho mình. (960)
Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên:
Này này sự đã quả nhiên,
Thôi đà cướp sống chồng mình đi rồi.
Bảo rằng đi dạo lấy người, (965)
Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.

Tuồng vô nghĩa ở bất nhân,
Buồn mình trước đã tàn mần thử chơi.
Màu hồ đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn liếng đi đòi nhà ma! (970)
Con kia đã bán cho ta,
Nhập ra phải cứ phép nhà tao đây.
Lão kia có giở bài bầy,
Chẳng vãng vào mặt mà mảy lại nghe.
Cớ sao chịu tốt một bề, (975)
Gái tơ mà đã ngửa nghề sớm sao?
Phải làm cho biết phép tao!
Chập bì tiên rắp sẵn vào ra tay.
Nàng rằng: Trời thăm đất dày!
Thân này đã bỏ những ngày ra đi. (980)
Thôi thì thôi có tiếc gì!
Sẵn dao tay áo tức thì giở ra.
Sợ gan nát ngọc liễu hoa!
Mụ còn trông mặt nàng đà quá tay.
Thương ôi tài sắc bậc này, (985)
Một dao oan nghiệt đứt dây phong trần.
Nỗi oan vỡ lở xa gần,
Trong nhà người chạt một lần như nêm.
Nàng thì bản bật giấc tiên,
Mụ thì cầm cập mặt nhìn hồn bay. (990)
Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người coi sóc chạy thầy thuốc thang.
Nào hay chưa hết trần duyên,
Trong mê đường đã đứng bên một nàng.
Rỉ rằng: Nhân quả dở dang, (995)
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao?
Số còn nặng nợ má đào,
Người dầu muốn quyết trời nào đã cho.
Hãy xin hết kiếp liễu bồ,
Sông Tiền đường sẽ hẹn hò về sau. (1000)
Thuốc thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe đã dầu dầu vừa tan.
Tú bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn man gỡ dần:
Một người dễ có mấy thân! (1005)

Hoa xuân đương nhụy, ngày xuân còn dài.
Cũng là lỡ một lần hai,
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây!
Lỡ chun trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non. (1010)
Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng là con cái nhà.
Làm chi tội báo oán gia,
Thiệt mình mà hại đến ta hay gì?
Kề tai mấy mỗi nần nì, (1015)
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi.
Vả suy thân mộng mấy lời,
Túc nhân âu cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau! (1020)
Lặng nghe, thấm thía gót đầu,
Thưa rằng: Ai có muốn đâu thế này?
Được như lời, thế là may,
Hắn rằng mai có như rày cho chẳng!
Sợ khi ong bướm đái đẳng, (1025)
Đến điều sống đục, sao bằng thác trong!
Mụ rằng: Con hãy thông dong,
Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi!
Mai sau ở chẳng như lời,
Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi. (1030)
Thấy lời quyết đoán hẳn hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.
Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa, tấm trăng gần, ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông, (1035)
Cát vàng còn nọ, bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ. (1040)
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa, (1045)
Có khi gốc tử đã vừa người ôm?
Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác, biết là về đâu? (1050)
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi
Chung quanh những nước non người, (1055)
Đau lòng lưu lạc, nên vài bốn câu.

Kiều rơi vào tay Tú bà và Mã Giám Sinh
Chẳng ngờ gã Mã Giám Sinh, (805)
Vẫn là một đứa phong tình đã quen.
Quá chơi lại gặp hội đen,
Quen mùi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.
Lầu xanh có mụ Tú Bà,
Làng chơi đã trở về già hết duyên. (810)
Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mặt cửa mướp đấng đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn bán hương đã lè.
Dạo tìm khắp chợ thì quê, (815)
Giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi.
Rủi may âu cũng tại trời,
Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên.
Xót nàng chút phận thuyền quyên,
Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn. (820)
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sính nghi rẻ giá ghênh hôn sẵn ngày.
Mừng thầm: Cờ đã đến tay!
Càng nhìn vẻ ngọc càng say khúc vàng.
Đã nên quốc sắc thiên hương, (825)
Một cười này hắt nghìn vàng chẳng ngoa.
Về đây nước trước bể hoa,
Vương tôn quý khách ắt là đua nhau.
Hắt ba trăm lạng kém đâu,

Cũng đà vừa vốn còn sau thì lời, (830)
Miếng ngon kẻ đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc của trời cũng tham.
Đào tiên đã bén tay phàm,
Thì vin cành quýt cho cam sự đời!
Dưới trần mấy mặt làng chơi, (835)
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
Nước vỏ lựu máu mào gà,
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên.
Mập mờ đánh lận con đen,
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi? (840)
Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công mất một buổi quỳ mà thôi.
Vả đây đường xá xa xôi,
Mà ta bất động nữa người sinh nghi.
Tiếc thay một đóa trà mi, (845)
Con ong đã tỏ đường đi lối về.
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ. (850)
Giọt riêng tầm tã tuôn mưa,
Phản cảm nổi khách phản dơ nổi mình:
Tuồng chi là giống hôi tanh,
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng.
Thôi còn chi nữa mà mong? (855)
Đời người thôi thế là xong một đời.
Giận duyên tử phận bời bời,
Cầm dao nàng đã toan bài quyên sinh.
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
Một mình thì chớ hai tình thì sao? (860)
Sao dầu sinh sự thế nào,
Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân.
Nổi mình âu cũng giãn dần,
Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi.
Những là đo đản ngược xuôi, (865)
Tiếng gà nghe đã gáy sôi mái tường.
Lâu mai vừa rúc còi sương,
Mã Sinh giục già vội vàng ra đi.

Đoạn trường thay lúc phân kỳ!
Vó câu khắp khênh bóng xe gập ghềnh. (870)

Bề ngoài mười dặm trường đình,
Vương ông mở tiệc tiễn hành đưa theo.

Ngoài thì chủ khách dập dìu,
Một nhà huyền với một Kiều ở trong.

Nhìn càng lã chã giọt hồng, (875)

Rỉ tai nàng mới giải lòng thấp cao:

Hồ sinh ra phận thơ đào,
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong?

Lỡ làng nước đục bụi trong,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây. (880)

Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Thân con chẳng kéo mắc tay bọm già!

Khi về bỏ vắng trong nhà,
Khi vào dùng dằng khi ra vội vàng.

Khi ăn khi nói lỡ làng, (885)

Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.

Khác màu kẻ quý người thanh,
Ngẫm ra cho kỹ như hình con buôn.

Thôi con còn nói chi con?

Sống nhờ đất khách thác chôn quê người! (890)

Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.

Vài tuần chưa cạn chén khuyên.

Mái ngoài nghỉ đã giục liền ruổi xe.

Xót con lòng nặng trĩu trĩ, (895)

Trước yên ông đã nằn nì thấp cao:

Chút thân yếu liễu tơ đào,

Rớt nhà đến nỗi giấn vào tôi người.

Từ đây góc bể bên trời,

Nắng mưa thui thủi quê người một thân. (900)

Nghìn tâm nhờ bóng tùng quân,

Tuyết sương che chở cho thân cát đẳng.

Cạn lời khách mới thừa rằng:

Buộc chân thôi cũng xích thẳng nhiệm trao.

Mai sau dầu đến thế nào, (905)

Kìa gương nhật nguyệt nợ dao qui thân!

Đùng đùng gió giục mây vùn,

Một xe trong cõi hồng trần như bay.
Trông vời gạt lệ chia tay,
Góc trời thăm thẳm đêm ngày dăm dăm. (910)
Nàng thì dậm khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá đen rằm ngàn mây.
Vi lô san sát hơi may,
Một trời thu để riêng ai một người.
Dậm khuya ngất tạnh mù khơi, (915)
Thấy trắng mà thẹn những lời non sông.
Rừng thu từng biếc xen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.
Những là lạ nước lạ non,
Lâm Truy vừa một tháng tròn tới nơi. (920)
Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoắt trông nhòn nhọt màu da,
Ăn gì cao lớn đẩy đà làm sao!
Trước xe lời lả hân chào, (925)
Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mảy ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương án hắt hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày. (930)
Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên sư,
Hương hôm hoa sớm phụng thờ.
Cô nào xấu vía có thừa mối hàng,
Cởi xiêm lột áo sổ sàng, (935)
Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lằm rằm.
Đổi hoa lót xuống chiếu nằm,
Bướm hoa bay lại âm âm tứ vi!
Kiêu còn ngơ ngẩn biết gì,
Cứ lời lay xuống mục thì khẩn ngay: (940)
Cửa hàng buôn bán cho may,
Đêm đêm Hàn thực ngày ngày Nguyên tiêu.
Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
Xôn xao oanh yến rập riu trúc mai.
Tin nhận vẫn lá thư bài, (945)
Đưa người cửa trước rước người cửa sau.

Lạ tai nghe chữa biết đâu,
Xem tình ra cũng những màu dỏ dang.
Lễ xong hương hỏa gia đường,
Tú Bà vắt nóc lên giường ngồi ngay. (950)
Dạy rằng: Con lạy mẹ đây,
Lạy rồi sang lạy cậu mày bên kia.
Nàng rằng: Phải bước lưu ly,
Phận hèn vâng đã cam bề tiểu tỉnh.
Điều đâu lấy yến làm oanh, (955)
Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì?
Đủ điều nạp thái vu qui,
Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi.
Giờ ra thay mặt đổi ngôi,
Dám xin gửi lại một lời cho mình. (960)
Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên:
Này này sự đã quả nhiên,
Thôi đà cướp sống chồng mình đi rồi.
Bảo rằng đi dạo lấy người, (965)
Dem về rước khách kiếm lời mà ăn.
Tuồng vô nghĩa ở bất nhân,
Buồn mình trước đã tàn mần thử chơi.
Màu hồ đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma! (970)
Con kia đã bán cho ta,
Nhập ra phải cứ phép nhà tao đây.
Lão kia có giở bài bày,
Chẳng vãng vào mặt mà mày lại nghe.
Cớ sao chịu tốt một bề, (975)
Gái tơ mà đã ngựa ghề sớm sao?
Phải làm cho biết phép tao!
Chập bì tiên rắp sẵn vào ra tay.
Nàng rằng: Trời thăm đất dày!
Thân này đã bỏ những ngày ra đi. (980)
Thôi thì thôi có tiếc gì!
Sẵn dao tay áo tức thì giở ra.
Sợ gan nát ngọc liều hoa!
Mụ còn trông mặt nàng đà quá tay.
Thương ôi tài sắc bậc này, (985)

Một dao oan nghiệt đứt dây phong trần.
Nỗi oan vỡ lở xa gần,
Trong nhà người chật một lần như nêm.
Nàng thì bần bật giấc tiên,
Mụ thì cầm cập mặt nhìn hồn bay. (990)
Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người coi sóc chạy thầy thuốc thang.
Nào hay chưa hết trần duyên,
Trong mê đường đã đứng bên một nàng.
Rỉ rằng: Nhân quả dở dang, (995)
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao?
Số còn nặng nợ má đào,
Người dầu muốn quyết trời nào đã cho.
Hãy xin hết kiếp liễu bồ,
Sông Tiền đường sẽ hẹn hò về sau. (1000)
Thuốc thang suốt một ngày trâu,
Giấc mê nghe đã dầu dầu vừa tan.
Tú bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn man gỡ dần:
Một người dễ có mấy thân! (1005)
Hoa xuân đương nhụy, ngày xuân còn dài.
Cũng là lỡ một lầm hai,
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây!
Lỡ chun trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non. (1010)
Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng là con cái nhà.
Làm chi tội báo oán gia,
Thiệt mình mà hại đến ta hay gì?
Kề tai mấy mỗi nần nì, (1015)
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi.
Vả suy thân mệnh mấy lời,
Túc nhân âu cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau! (1020)
Lặng nghe, thấm thía gót đầu,
Thưa rằng: Ai có muốn đâu thế này?
Được như lời, thế là may,
Hắn rằng mai có như rày cho chăng!

Sợ khi ong bướm đái đẳng, (1025)
Đến điều sông đục, sao bằng thác trong!
Mụ rằng: Con hãy thông dong,
Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi!
Mai sau ở chẳng như lời,
Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi. (1030)
Thấy lời quyết đoán hăn hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.
Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa, tấm trăng gần, ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông, (1035)
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ. (1040)
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa, (1045)
Có khi gốc tử đã vừa người ôm?
Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác, biết là về đâu? (1050)
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi
Chung quanh những nước non người, (1055)
Đau lòng lưu lạc, nên vài bốn câu.

Kiều mắc lừa Sở Khanh

Ngậm ngùi rủ bước rèm châu,
Cách tường, nghe có tiếng đầu họa vắn.
Một chàng vừa trạc thanh xuân,
Hình dong chải chuốt, áo khăn dịu dàng. (1060)
Nghĩ rằng cũng mạch thư hương,

Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh.
Bóng Nga thấp thoáng dưới màn,
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai.
Than ôi! sắc nước hương trời, (1065)
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây?
Giả đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao, hoa khéo đọa đầy bấy hoa?
Tức gan riêng giận trời già,
Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng? (1070)
Thuyền duyên ví biết anh hùng,
Ra tay tháo cũi, sổ lồng như chơi!
Song thu đã khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng mấy lời sắt đánh.
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình, (1075)
Cám lòng chua xót, nhạt tình chơ vơ.
Nhưng là lần lửa nắng mưa,
Kiếp phong trần biết bao giờ mới thôi?
Đánh liều nhấn một hai lời,
Nhờ tay tể độ vớt người trầm luân. (1080)
Mảnh tiên kẻ hết xa gần,
Nổi nhà báo đáp, nổi thân lạc loài.
Tan sương vừa rạng ngày mai,
Tiện hồng nàng mới nhấn lời gửi sang.
Trời tây lãng đăng bóng vàng, (1085)
Phúc thư đã thấy tin chàng đến nơi.
Mở xem một bức tiên mai,
Rành rành tích viết có hai chữ đề.
Lấy trong ý tứ mà suy:
Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng? (1090)
Chim hôm thoi thót về rừng,
Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành.
Tường đông lay động bóng cành,
Rẽ song, đã thấy Sở Khanh lên vào.
Sượng sùng đánh dạn ra chào, (1095)
Lay thôi, nàng mới rỉ tai ân cần.
Rằng: Tôi bèo bọt chút thân,
Lạc đàn mang lấy nợ nần yển anh.
Dám nhờ cốt nhục tử sinh,
Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau! (1100)

Lặng nghe, lẩm nhẩm gật đầu:
Ta đây phải mượn ai đâu mà rằng!
Nàng đà biết đến ta chẳng,
Bể trầm luân, lấp cho bằng mới thôi!
Nàng rằng: Muôn sự ơn người, (1105)
Thế nào xin quyết một bài cho xong.
Rằng: Ta có ngựa truy phong,
Có tên dưới trướng, vốn dòng kiện nhi.
Thừa cơ lén bước ra đi,
Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn. (1110)
Dù khi gió kếp, mưa đơn,
Có ta đây cũng chẳng con có gì!
Nghe lời nàng đã sinh nghi,
Song đà quá đổi, quản gì được thân.
Cũng liều nhắm mắt đưa chân, (1115)
Mà xem con Tào xoay vần đến đâu!
Cùng nhau lén bước xuống lầu,
Song song ngựa trước, ngựa sau một đoàn.
Đêm thâu khắc lậu canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương. (1120)
Lối mòn cỏ nhọt mù sương,
Lòng quê đi một bước đường, một đau.
Tiếng gà xao xác gáy mau,
Tiếng người đâu đã mái sau dậu dàu.
Nàng càng thôn thức gan vàng, (1125)
Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào!
Một mình khôn biết làm sao,
Dậm rừng bước thấp, bước cao hải hùng.
Hóa nhi thật có nữ lòng,
Làm chi dày tía, vò hồng, lấm nau! (1130)
Một đoàn đồ đến trước sau,
Vuốt đâu xuống đất, cánh đâu lên trời.
Tú bà tóc thẳng đến nơi,
Hầm hầm áp điệu một hơi lại nhà.
Hung hăng chẳng nói chẳng tra, (1135)
Đang tay vui liễu, gặp hoa toi bời.
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng, thắm rời chẳng đau.
Hết lời thú phục, khăn cầu,

Uốn lưng thịt đỏ, cắt đầu máu sa. (1140)

Rằng: Tôi chút phận đàn bà,
Nước non lìa cửa, lìa nhà, đến đây.

Bây giờ sống chết ở tay,
Thân này đã đến thế này thì thôi!

Nhưng tôi có sá chi tôi, (1145)
Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu?

Thân lươn bao quản lấm đầu,
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa!

Được lời mụ mới tùy cơ,
Bắt người bảo lĩnh làm tờ cung chiêu. (1150)

Bày vai có ả Mã Kiều,
Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.

Mụ càng kể nhặt, kể khoan,
Gạn gùng đến mực, nồng nàn mới tha.

Vực nàng vào nghỉ trong nhà, (1155)
Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời:

Thôi đà mắc lận thì thôi!

Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh?

Bạc tình, nổi tiếng lâu xanh,
Một tay chôn biết mấy cảnh phù dung! (1160)

Đà đào lập sẵn chước dùng,
Lạ gì một cốt một đồng xưa nay!

Có ba mươi lạng trao tay,
Không dung chi có chuyện này, trò kia!

Rồi ra trở mặt tức thì, (1165)
Bớt lời, liệu chớ sân si, thiệt đời!

Nàng rằng: Thề thốt nặng lời,
Có đâu mà lại ra người hiểm sâu!

Còn đương suy trước, nghĩ sau,
Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào. (1170)

Sở Khanh lên tiếng rêu rao:
Rằng nghe mới có con nào ở đây.

Phao cho quyen gió rủ mây,
Hãy xem có biết mặt này là ai

Nàng rằng: Thôi thế thì thôi! (1175)
Rằng không, thì cũng vâng lời là không!

Sở Khanh quát mắng dùng dùng,
Sấn vào, vừa rắp thị hùng ra tay,

Nàng rằng: Trời nhé có hay!
Quyến anh, rủ yền, sự này tại ai? (1180)
Đem người giẫy xuống giếng khơi,
Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay!
Còn tiên tích viết ở tay,
Rõ ràng mặt ấy, mặt này chứ ai?
Lời ngay, đông mặt trong ngoài, (1185)
Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương!
Phụ tình án đã rõ ràng,
Dơ tuồng, nghĩ mới kiếm đường tháo lui.
Buồng riêng, riêng những sứt sùi:
Nghĩ thân, mà lại ngậm ngùi cho thân. (1190)
Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong trần, cũng phong trần như ai!
Tẻ vui cũng một kiếp người,
Hong nhan phải giống ở đời mãi ru!
Kiếp xưa đã vụng đường tu, (1195)
Kiếp này chẳng kéo đèn bù mới xuôi!
Dù sao bình đã vỡ rồi,
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!
Vừa tuần nguyệt sáng, gương trong,
Tú bà ghé lại thông dong dặn dò: (1200)
Nghề chơi cũng lắm công phu,
Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.
Nàng rằng: Mưa gió dập dìu,
Liều thân, thì cũng phải liều thế thôi!
Mụ rằng: Ai cũng như ai, (1205)
Người ta ai mất tiền hoài đến đây?
Ở trong còn lắm điều hay,
Nỗi đêm khếp mở, nỗi ngày riêng chung.
Này con thuộc lấy nằm lòng,
Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề. (1210)
Chơi cho liễu chán, hoa chê,
Cho lẫn lóc đá, cho mê mẩn đời.
Khi khước hạnh, khi nét ngài,
Khi ngậm ngời nguyệt, khi cười cợt hoa.
Điều là nghề nghiệp trong nhà, (1215)
Đủ ngần ấy nét, mới là người soi.
Gót đầu vâng dạy mấy lời,

Dường chau nét nguyệt, đường phai vẽ hồng.
Những nghe nói, đã thẹn thùng,
Nước đời lắm nổi lạ lòng, khát khe! (1220)
Xót mình cửa các, buồn khuê,
Vỡ lòng, học lấy những nghề nghiệp hay!
Khéo là mặt dạn, mày dày,
Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
Thương thay thân phận lạc loài, (1225)
Dấu sao cũng ở tay người biết sao?
Lầu xanh, mới rủ trướng đào,
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.
Biết bao bướm lả, ong lời,
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm. (1230)
Dập dìu lá gió, cành chim,
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràn Khanh.
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong gấm rủ là, (1235)
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân?
Mặt người mưa Sở, mây Tần,
Những mình nào biết có xuân là gì! (1240)
Đôi phen gió tựa, hoa kề,
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ!
Đôi phen nét vẽ, câu thơ, (1245)
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa,
Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri âm đó, mặn mà với ai?
Thờ ơ gió trúc, mưa mai,
Ngân ngơ trăm nỗi, giúi mãi một thân. (1250)
Ôm lòng đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau!
Nhớ ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngả bóng dâu tà tà.
Dặm ngàn, nước thăm, non xa, (1255)
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!

Sân hòe đôi chút thơ ngây
Trân cam, ai kẻ đỡ thay việc mình?
Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi ai có thấu tình chẳng ai? (1260)
Khi về hỏi liễu Chương đài,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay.
Tình sâu mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?
Mối tình đòi đoạn vò tơ, (1265)
Giác hương quan luống lẫn mơ canh dài.
Song sa vò võ phương trời,
Nay hoàng hôn, đã lại mai hôn hoàng.
Lần lần thỏ bạc ác vàng,
Xót người trong hội đoạn tràng đòi con! (1270)
Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân!
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi!

Kiều gặp Thúc Sinh

Khách du bồng có một người, (1275)
Kỳ Tâm họ Thúc cũng nòi thư hương.
Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm tri.
Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi,
Thiếp hồng tìm đến hương khuê gửi vào. (1280)
Trướng tô giáp mặt hoa đào,
Vẻ nào chẳng mặn nét nào chẳng ưa?
Hải đường mơn mớn cành tơ,
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng.
Nguyệt hoa hoa nguyệt nảo nùng, (1285)
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng?
Lạ gì thanh khí lẽ hằng,
Một dây một buộc ai giằng cho ra.
Sớm đào tối mặn lân la,
Trước còn trăng gió sau ra đá vàng. (1290)
Dịp đầu may mắn lạ đường,
Lại vừa gặp khoảng xuân đường lại quê.
Sinh càng một tỉnh mười mê,

Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân.
Khi gió gác khi trăng sân, (1295)
Bầu tiên chuốc rượu câu thần nói thơ.
Khi hương sớm khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước đường tơ họa đàn.
Miệt mài trong cuộc truy hoan,
Càng quen thuộc nét càng dan díu tình. (1300)
Lạ cho cái sóng khuynh thành,
Làm cho đồ quán xiêu đình như chơi.
Thúc sinh quen thói bốc rời,
Trăm nghìn đồ một trận cười như không.
Mụ càng tô lục chuốt hồng, (1305)
Máu tham hể thấy hơi đồng thì mê.
Dưới trăng quyền đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.
Buồng the phải buổi thông dong,
Thang lan rủ bức trướng hồng tẩm hoa. (1310)
Rõ màu trong ngọc trắng ngà!
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.
Sinh càng tỏ nét càng khen,
Ngụ tình tay thảo một thiên luật đường.
Nàng rằng: Vâng biết ý chàng. (1315)
Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu.
Hay hèn lẽ cũng nói điều,
Nổi quẻ nghĩ một hai điều ngang ngang.
Lòng còn gửi áng mây Vàng.
Họa vắn xin hãy chịu chàng hôm nay. (1320)
Rằng: Sao nói lạ lòng thay!
Cảnh kia chẳng phải cõi này mà ra?
Nàng càng ủ dột thu ba,
Đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh:
Thiếp như hoa đã lìa cảnh, (1325)
chàng như con bướm lượn vành mà chơi.
Chúa xuân đành đã có nơi,
Vấn ngày thôi chớ dài lời làm chi.
Sinh rằng: Từ thuở tương tri,
tám riêng riêng những nặng vì nước non. (1330)
Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.

Nàng rằng: Muôn đội ơn lòng.
Chút e bên thú bên tòng dễ đâu.
Bình Khang nắn ná bấy lâu, (1335)
Yêu hoa yêu được một màu điểm trang.
Rồi ra lạt phấn phai hương,
Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng?
Vả trong thềm quế cung trăng,
chủ trương đành đã chị Hằng ở trong. (1340)
Bấy lâu khăng khít dải đồng,
Thêm người người cũng chia lòng riêng tây.
Vẻ chi chút phận bèo mây,
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.
Trăm điều ngang ngửa vì tôi, (1345)
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho?
Nhu chàng có vững tay co,
Mười phần cũng đắp điểm cho một vài.
Thế trong dầu lớn hơn ngoài,
trước hàm sư tử gửi người đằng la. (1350)
Cúi đầu luôn xuống mái nhà,
Giấm chua lại tội băng ba lửa nồng.
Ở trên còn có nhà thông,
Lượng trên trong xuống biết lòng có thương?
Sá chi liễu ngõ hoa tường? (1355)
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh.
Lại càng dơ dáng đại hình,
Đành thân phận thiệp ngại danh giá chàng.
Thương sao cho vẹn thì thương.
Tính sao cho vẹn mọi đường xin vâng. (1360)
Sinh rằng: Hay nói dè chừng!
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao
Đường xa chớ ngại Ngô Lào,
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
Đã gần chi có điều xa? (1365)
Đá vàng đã quyết phong ba cũng liều.
Cùng nhau căn vặn đến điều,
Chỉ non thề bể nặng gieo đến lời.
Nỉ non đêm ngắn tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương. (1370)
Mượn điều trúc viện thừa lương,

Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ mượn người dò la.
Bắn tin đến mặt Tú bà, (1375)
Thua cơ mụ cũng cầu hòa dám sao.
Rõ ràng của dẫn tay trao,
Hoàn lương một thiệp thân vào cửa công.
Công tư đôi lẽ đều xong,
Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai. (1380)
Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.
Hương càng đượm lửa càng nồng,
Càng sôi vẻ ngọc càng lòng màu sen.
Nửa năm hơi tiếng vừa quen, (1385)
Sân ngô cảnh biếc đã chen lá vàng.
Giậu thu vừa nẩy giò sương,
Gối yên đã thấy xuân đường đến nơi.
Phong lôi nổi trận bời bời,
Nặng lòng e áp tính bài phân chia. (1390)
Quyết ngay biện bạch một bề,
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.
Thấy lời nghiêm huấn rành rành,
Đánh liều sinh mới lấy tình nài kêu.
Rằng: Con biết tội đã nhiều, (1395)
Đầu rằng sấm sét búa rìu cũng cam.
Trót vì tay đã nhúng chàm,
Đại rồi còn biết khôn làm sao đây.
Cùng nhau vả tiếng một ngày,
ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành. (1400)
Lượng trên quyết chẳng thương tình,
Bạc đen thôi có tiếc mình làm chi.
Thấy lời sắt đá tri tri,
Sốt gan ông mới cáo quì cửa công.
Đất bằng nổi sóng ùng ùng, (1405)
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra.
Cùng nhau theo gót sai nha,
Song song vào trước sân hoa lạy quì.
Trông lên mặt sắt đen sì,
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời: (1410)

Gã kia đại nét chơi bời,
Mà con người thế là người đong đưa.
Tuồng chi hoa thả hương thừa,
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.
Suy trong tình trạng nguyên đơn, (1415)
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
Phép công chiếu án luận vào.
Có hai đường ấy muốn sao mặc mình.
Một là cứ phép gia hình,
Một là lại cứ lầu xanh phó về. (1420)
Nàng rằng: đã quyết một bề!
Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần.
Đục trong thân cũng là thân.
Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình!
Dạy rằng: Cứ phép gia hình! (1425)
Ba cây chập lại một cành mẫu đơn.
Phận đành chi dám kêu oan,
Đào hoen quện má liễu tan tác mày.
Một sân làm cát đã đầy,
Gương lờ nước thủy mai gầy vóc sương. (1430)
Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy lòng càng xót xa.
Khóc rằng: Oan khốc vì ta!
Có nghe lời trước chẳng đà lụy sau.
Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu. (1435)
Để ai trắng tửu hoa sầu vì ai.
Phủ đường nghe thoảng vào tai,
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.
Sụt sùi chàng mới thừa ngay,
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân: (1440)
Nàng đà tính hết xa gần,
Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
Tại tôi húng lấy một tay,
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi.
Nghe lời nói cũng thương lời, (1445)
Dẹp uy mới dạy cho bài giải vi.
Rằng: Như hửn có thể thì
Trắng hoa song cũng thị phi biết điều.
Sinh rằng: Chút phận bọt bèo,

Theo đòi vả cũng ít nhiều bút nghiên. (1450)
Cười rằng: đã thế thì nên!
Mộc già hãy thử một thiên trình nghệ.
Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
Khen rằng: Giá đáng Thịnh đường! (1455)
Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân!
Thật là tài tử giai nhân,
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn?
Thôi đừng rước dữ curu hờn,
Làm chi lỡ nhịp cho đòn ngang cung. (1460)
Đã đưa đến trước cửa công,
Ngoài thì là lý song trong là tình.
Dâu con trong đạo gia đình,
Thôi thì dẹp nổi bất bình là xong.
Kíp truyền sắm sửa lễ công, (1465)
Kiệu hoa cất gió đuốc hồng điểm sao.
Bày hàng cổ xúy xôn xao,
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.
Thương vì hạnh trọng vì tài,
Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba. (1470)
Huệ lan sức nức một nhà,
Tùng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.

Kiều và Hoạn Thư

Những vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đà phai thắm sen vừa nẩy xanh.
Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh, (1475)
E tình nàng mới bày tình riêng chung:
Phận bồ từ vẹn chữ tòng,
Đổi thay nhận yên đã hồng đầy niên.
Tin nhà ngày một vắng tin,
Mặn tình cát lữ lạt tình tào khang. (1480)
Nghĩ ra thật cũng nên đường,
Tăm hơi ai dễ giữ giàng cho ta?
Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
Ở vào khuôn phép nói ra mỗi đường.
E thay những dạ phi thường, (1485)
Để dò rón bề khôn lường đáy sông!

Mà ta suốt một năm ròng,
Thế nào cũng chẳng giầu xong được nào
Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao,
Hoặc là trong có làm sao chẳng là? (1490)
Xin chàng kíp liệu lại nhà,
Trước người đẹp ý sau ta biết tình.
Đêm ngày giữ mức giầu quanh,
Rày lần mai lửa như hình chưa thông.
Nghe lời khuyên nhủ thông dong, (1495)
Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang.
Rạng ra gửi đến xuân đường,
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia.
Tiễn đưa một chén quan hà,
Xuân đình thoát đã dạo ra cao đình. (1500)
Sông Tần một dải xanh xanh,
Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương quan.
Cầm tay dài ngắn thở than,
Chia phôi ngừng chén hợp tan ghen lời.
Nàng rằng: Non nước xa khơi, (1505)
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
Dễ lừa yếm thắm trôn kim,
Làm chi bụng mắt bắt chim khó lòng!
Đôi ta chút nghĩa đèo bông,
Đến nhà trước liệu nói sòng cho minh. (1510)
Dù khi sóng gió bất tình,
Lớn ra uy lớn tôi đành phận tôi.
Hơn điều giầu ngược giầu xuôi.
Lại mang những việc tà trời đến sau.
Thương nhau xin nhớ lời nhau, (1515)
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau!
Người lên ngựa kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san. (1520)
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
Vàng trắng ai xẻ làm -dôi, (1525)

Nửa in gồi chiếc, nửa soi dặm trường.
Kể chi những nỗi dọc đường,
Buồn trong này nỗi chủ trương ở nhà:
Vốn dòng họ Hoạn danh gia,
Con quan Lại bộ tên là Hoạn thư. (1530)
Duyên dang thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
Ở ăn thì nét cũng hay,
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.
Từ nghe vườn mới thêm hoa, (1535)
Miệng người đã lảm tin nhà thì không.
Lửa tâm càng dập càng nồng,
Trách người đen bạc ra lòng trắng hoa:
Ví bằng thú thật cùng ta,
Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên. (1540)
Đại chi chẳng giữ lấy nền,
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?
Lại còn bung bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
Tính rằng cách mặt khuất lời, (1545)
Giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho!
Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén có bỏ đi đâu?
Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên! (1550)
Làm cho trông thấy nhân tiên,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.
Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài.
Tuần sau bỗng thấy hai người, (1555)
Mách tin ý cũng liệu bài tâng công.
Tiểu thư nổi giận dùng dùng:
Góm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi!
Chồng tao nào phải như ai,
Điều này hẳn miệng những người thị phi! (1560)
Vội vàng xuống lệnh ra uy,
Đứa thì vả miệng đứa thì bẻ răng.
Trong ngoài kín mít như bung.
Nào ai còn dám nói năng một lời!

Buồng đào khuya sớm thanh thoi, (1565)
Ra vào một mực nói cười như không.
Đêm ngày lòng những dặn lòng,
Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên.
Lời tan hợp nổi hàn huyên,
Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng. (1570)
Tẩy trần vui chén thông dong,
Nổi lòng ai ở trong lòng mà ra.
Chàng về xem ý tứ nhà,
Sự mình cũng rắp lân la giải bày.
Mấy phen cười nói tỉnh say, (1575)
Tóc tơ bất động mấy may sự tình.
Nghĩ đà bụng kín miệng bình,
Nào ai có khảo mà mình đã xưng?
Những là e ấp dùng dằng,
Rút dây sợ nữa động rùng lại thôi. (1580)
Có khi vui chuyện mua cười,
Tiểu thư lại giở những lời đầu đầu.
Rằng: Trong ngọc đá vàng thau,
Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
Khen cho những chuyện đông dài, (1585)
Bướm ong lại đặt những lời nọ kia.
Thiếp dù bụng chẳng hay suy,
Đã dơ bụng nghĩ lại bìa miệng cười!
Thấy lời thùng thỉnh như chơi,
Thuận lời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn. (1590)
Những là cười phẩn cợt son,
Đèn khuya chung bóng trắng tròn sánh vai.
Thú quê thuần hức bén mùi,
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô.
Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ, (1595)
Một màu quan tái mấy mùa gió trắng.
Tình riêng chưa dám rỉ rã,
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:
Cách năm mây bạc xa xa,
Lâm Tri cũng phải tính mà thần hôn. (1600)
Được lời như cỏi tắc son,
Vó câu chẳng ruồi nước non quê người.
Long lanh đáy nước in trời,

Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.
Roi câu vừa gióng dậm trường, (1605)
Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh.
Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen.
Nghĩ rằng: Ngựa ghẻ hờn ghen,
Xấu chàng mà có ai khen chi mình! (1610)
Vây nên ngảnh mặt làm thình,
Muru cao vốn đã rắp ranh những ngày.
Lâm Tri đường bộ tháng chầy,
Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.
Dọn thuyền lựa mặt gia nhân, (1615)
Hãy đem dây xích buộc chân nàng về.
Làm cho cho mệt cho mê,
Làm cho đau đón ê chề cho coi!
Trước cho bỏ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau. (1620)
Phu nhân khen chúc rất mau,
Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa sang buồm gió lèo mây,
Khuyên ưng lại chọn một bầy côn quang.
Dặn dò hết các mọi đường, (1625)
Thuận phong một lá vượt sang bến Tề.
Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nỗi nọ như chia mỗi sầu.
Bóng đâu đã xé ngang đầu,
Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi. (1630)
Tóc the đã chấm ngang vai,
Nào lời non nước nào lời sắt son.
Sấn bìm chút phận cỏ con,
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng?
Thân sao nhiều nỗi bất bằng, (1635)
Liều như cung Quảng ả Hằng nghĩ nao!
Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời.
Nén hương đến trước Phật đài,
Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân. (1640)
Dưới hoa dẫy lữ ác nhân,
Ầm ầm khóc quỷ kinh thân mọc ra.

Đầy sân gươm tuốt sáng lò,
Thất kinh nàng chưa biết là làm sao.
Thuốc mê đâu đã rưới vào, (1645)
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào viện sách bốn bề lửa dong.
Sẵn thầy vô chủ bên sông,
Đem vào để đó lộn sông ai hay? (1650)
Tôi đòi phách lạc hồn bay,
Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
Thúc ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời.
Tớ thầy chạy thẳng đến nơi, (1655)
Tôi bời tưới lửa tìm người lao xao.
Gió cao ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu!
Hót hơ hót hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng. (1660)
Chạy vào chốn cũ phòng hương,
Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn.
Tình ngay ai biết mưu gian,
Hắn nàng thôi lại còn bàn rằng ai!
Thúc ông sùi sụt ngắn dài, (1665)
Nghĩ con vắng vẻ thương người nét na.
Di hài nhật gói về nhà,
Nào là khâm liệm nào là tang trai.
Lễ thường đã đủ một hai,
Lục trình chàng cũng đến nơi bấy giờ. (1670)
Bước vào chốn cũ lầu thơ,
Tro than một đồng nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha tới trung đường,
Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên.
Hỡi ôi nói hết sự duyên, (1675)
Tơ tình đứt ruột lửa phiền cháy gan!
Gieo mình vật vã khóc than:
Con người thế ấy thác oan thế này.
Chắc rằng mai trúc lại vậy,
Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau! (1680)
Thương càng nghĩ nghĩ càng đau,

Dễ ai lấp thảm quạt sâu cho khuây.
Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù trí quý cao tay thông huyền.
Trên tam đảo dưới cửu tuyền, (1685)
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
Sấm sanh lễ vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
Đạo nhân phục trước tĩnh đàn,
Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương. (1690)
Trở về mình bạch nói tường:
Mặt nàng chẳng thấy việc nàng đã tra.
Người này nặng kiếp oan gia,
Còn nhiều nợ lắm sao đã thoát cho!
Mệnh cung đang mắc nạn to, (1695)
Một năm nữa mới thăm dò được tin.
Hai bên giáp mặt chiến chiến,
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!
Điều đâu nói lạ đường này,
Sự nàng đã thế lời thầy dám tin! (1700)
Chẳng qua đồng cốt quàng xiên,
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần?
Tiếc hoa những ngậm ngùi xuân,
Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên.
Nước trôi hoa rụng đã yên, (1705)
Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian.
Khuyên ưng đã đất mưu gian,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao lèo thẳng cánh suyền,
Đè chừng huyện Tích băng miền vượt sang. (1710)
Dỡ dò lên trước sảnh đường,
Khuyên ưng hai đứa nộp nàng dâng công.
Vực nàng tạm xuống môn phòng,
Hãy còn thiêm thiếp giấc nồng chưa phai.
Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai, (1715)
Cửa nhà đâu mất lâu đài nào đây?
Bàng hoàng giờ tỉnh giờ say,
Sảnh đường vắng tiếng đòi ngay lên hầu.
A hoàn trên dưới giục mau,
Hải hùng nàng mới theo sau một người. (1720)

Ngược trông tòa rộng dãy dài,
Thiên Quan Trung Tể có bài treo trên.
Ban ngày sáp thấp hai bên,
Giữa giường thất bảo ngồi trên một bà.
Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra, (1725)
Sự mình nàng phải cứ mà gửi thừa.
Bất tình nổi trận mây mưa,
Mắng rằng: Những giống bơ thờ quên thân!
Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phùng trốn chúa thì quân lộn chồng. (1730)
Ra tuồng mèo mả gà đồng,
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này.
Nào là gia pháp nọ bay! (1735)
Hãy cho ba chục biết tay một lần.
A hoàn trên dưới dạ ran,
Dẫu rằng trăm miệng không phân lẽ nào.
Trúc côn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát gan nào chẳng kinh. (1740)
Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió tan tành một phen.
Hoa nô truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào phiên thị tì.
Ra vào theo lũ thanh y, (1745)
Dãi dầu tóc rối da chì quần bao.
Quản gia có một mục nào,
Thấy người thấy nét ra vào mà thương.
Khi chèn chén khi thuốc thang,
Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh. (1750)
Dạy rằng: May rủi đã đành,
Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay.
Cũng là oan nghiệp chi đây,
Sa cơ mới đến thế này chẳng dung.
ở đây tai vách mạch rừng, (1755)
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
Kéo khi sấm sét bất kỳ,
Con ong cái kiến kêu gì được oan?
Nàng càng giọt ngọc như chan,

Nỗi lòng luống những bàng hoàng niềm tây: (1760)

Phong trần kiếp chịu đã đầy,
Lâm than lại có thứ này bằng hai.

Phận sao bạc chẳng vừa thôi,
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.

Đã đành túc trái tiền oan, (1765)
Cũng liêu ngọc nát hoa tàn mà chi.

Những là nường nấu qua thì,
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.

Mẹ con trò chuyện lân la,
Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời: (1770)

Tiểu thư dưới trướng thiếu người,
Cho về bên ấy theo đòi lầu trang.

Lãnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa ngục thiên đàng là đâu.
Sớm khuya khăn mắt lược đầu, (1775)

Phận con hầu giữ con hầu dám sai.
Phải đêm êm ả chiều trời,

Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
Lĩnh lời nàng mới lựa dây,

Nỉ non thánh thót dễ say lòng người. (1780)

Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.

Cửa người đầy đọa chút thân,
Sớm ngơ ngẩn bóng đêm nắn nỉ lòng.

Lâm Tri chút nghĩa đèo bông, (1785)
Nước bèo để chữ tương phùng kiếp sau.

Bốn phương mây trắng một màu,
Trông vời cổ quốc biết đâu là nhà.

Lần lần tháng trọn ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này. (1790)

Lâm Tri từ thuở duyên bay,
Buồng không thương kẻ thảng ngày chiếc thân.

Mây ai trắng mới in ngần,
Phần thừa hương cũ bội phần xót xa.

Sen tàn cúc lại nở hoa, (1795)
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.

Tìm đâu cho thấy cố nhân?
Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương.

Chạnh niền nhớ cảnh gia hương,
Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê. (1800)
Tiểu thư đón cửa giải giề,
Hàn huyền vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương cao cuốn bức là,
Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
Bước ra một bước một dừng, (1805)
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa:
Phải chăng nằng quáng đèn lò,
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc Sinh?
Bây giờ tình mới rõ tình,
Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai. (1810)
Chước đâu có chước lạ đời?
Người đâu mà lại có người tinh ma?
Rõ ràng thật lừa đôi ta,
Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi.
Bề ngoài thơn thớt nói cười, (1815)
Mà trong nham hiểm giết người không dao.
Bây giờ đất thấp trời cao,
Ăn làm sao nói làm sao bây giờ?
Càng trông mặt càng ngẩn ngơ,
Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời. (1820)
Sợ uy dám chẳng vâng lời,
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.
Sinh đà phách lạc hồn siêu:
Thương ơi chẳng phải nàng Kiều ở đây?
Nhân làm sao đến thế này? (1825)
Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi!
Sợ quen dám hờ ra lời,
Không ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.
Tiểu thư trông mặt hỏi tra:
Mới về có việc chi mà động dong? (1830)
Sinh rằng hiếu phục vừa xong,
Suy lòng trắc dĩ đau lòng chung thiên.
Khen rằng: Hiếu tử đã nên!
Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu.
Vợ chồng chén tạc chén thù, (1835)
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi.
Bắt khoan bắt nhặt đến lời,

Bắt quì tận mặt bắt mời tận tay.
Sinh càng như đại như ngậy,
Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén vơi. (1840)
Ngảnh đi chột nói chột cười,
Cáo say chàng đã giạm bài lảng ra.
Tiểu thư vội thét: Con Hoa!
Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đờn.
Sinh càng nát ruột tan hồn, (1845)
Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay.
Tiểu thư cười nói tỉnh say,
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.
Rằng: Hoa nô đủ mọi tài,
Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe. (1850)
Nàng đà tán hoán tê mê,
Vâng lời ra trước bình the vắn đàn.
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.
Cùng chung một tiếng tơ đồng, (1855)
Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.
Giọt châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt Tương.
Tiểu thư lại thét lấy nàng:
Cuộc vui gảy khúc đoạn trường ấy chi? (1860)
Sao chẳng biết ý tứ gì?
Cho chàng buồn bã tội thì tại người.
Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua.
Giọt rồng canh đã điểm ba, (1865)
Tiểu thư nhìn mặt dường đà can tâm.
Lòng riêng khắp khởi mừng thầm:
Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay.
Sinh thì gan héo ruột đầy,
Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng. (1870)
Người vào chung gối loan phòng,
Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài:
Bây giờ mới rõ tâm hơi,
Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!
Chước đâu rẽ thúy chia uyên, (1875)
Ai ra đường nầy ai nhìn được ai.

Bây giờ một vực một trời,
Hết điều khinh trọng hết lời thị phi.
Nhẹ như bắc nặng như chì,
Gỡ cho ra nữa còn gì là duyên? (1880)
Lỡ làng chút phận thuyền duyên,
Bể sâu sóng cả có tuyền được vay?
Một mình âm ỉ đêm chày,
Đĩa dầu vơi nước mắt đầy năm canh.
Sớm trưa hầu hạ đài doanh, (1885)
Tiểu thư chạm mặt đề tình hỏi tra.
Lựa lời nàng mới thừa qua:
Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.
Tiểu thư hỏi lại Thúc Sinh:
Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao! (1890)
Sinh đà rất ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang!
Những e lại lụy đến nàng,
Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.
Cúi đầu quỳ trước sân hoa, (1895)
Thân cung nàng mới dâng qua một tờ.
Diện tiền trình với Tiểu thư,
Thoạt xem dường có ngẩn ngơ chút tình.
Liền tay trao lại Thúc Sinh,
Rằng: Tài nên trọng mà tình nên thương! (1900)
Ví chẳng có số giàu sang,
Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên!
Bể trần chìm nổi thuyền duyên,
Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời!
Sinh rằng: Thật có như lời, (1905)
Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay!
Nghìn xưa âu cũng thế này,
Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.
Tiểu thư rằng: ý trong tờ,
Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa Không. (1910)
Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.
Sẵn Quan âm các vườn ta,
Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa.
Có cỏ thụ, có sơn hồ, (1915)

Cho nàng ra đó giữ chùa chép kinh.
Tàng tàng trời mới bình minh,
Hương hoa, ngũ cúng, sắm sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước Phật đường,
Tam qui, ngũ giới, cho nàng xuất gia. (1920)
Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyên.
Sớm khuya sắm đủ dầu đèn,
Xuân, Thu, cắt sẵn hai tên hương trà.
Nàng từ lánh gót vườn hoa, (1925)
Dường gần rừng tía, đường xa bụi hồng.
Nhân duyên đâu lại còn mong,
Khỏi điều then phẩn, tủi hồng thì thôi.
Phật tiền thăm lấp sâu vùi,
Ngày pho thủ tự, đêm nôi tâm hương. (1930)
Cho hay giọt nước cành dương,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
Nâu sông từ trở màu thiền,
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu,
Cửa thiền, then nhật, lưới mau, (1935)
Nói lời trước mặt, rời châu vắng người.
Gác kinh viện sách đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.
Những là ngậm thở nuốt than,
Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà. (1940)
Thừa cơ, sinh mới lên ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
Sụt sùi giở nổi đoạn tràng,
Giọt châu tầm tã đắm tràng áo xanh:
Đã cam chịu bạc với tình, (1945)
Chúa xuân để tội một mình cho hoa!
Thấp cơ thua trí đàn bà,
Trông vào đau ruột nói ra ngại lời.
Vì ta cho lụy đến người,
Cát lăm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh! (1950)
Quản chi lên thác xuống ghềnh,
Cũng toan sống thác với tình cho xong.
Tông đường chút chữa cam lòng,
Nghĩen răng bẻ một chữ đồng làm hai.

Thẹn mình đá nát vàng phai, (1955)
Trăm thân dễ chuộc một lời được sao?
Nàng rằng: Chiếc bách sóng đào,
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may!
Chút thân quần quai vũng lầy,
Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao? (1960)
Cũng liều một giọt mưa rào,
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay!
Xót vì cầm đã bén dây,
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.
Liệu bài mở cửa cho ra, (1965)
Ấy là tình nặng ấy là ân sâu!
Sinh rằng: Riêng tưởng bấy lâu,
Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường.
Nữa khi giông tố phủ phàng,
Thiệt riêng đó cũng lại càng cực đây. (1970)
Liệu mà xa chạy cao bay,
Ai ân ta có ngần này mà thôi!
Bầu giờ kẻ ngược người xuôi,
Biết bao giờ lại nổi lời nước non?
Dẫu rằng sông cạn đá mòn, (1975)
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ!
Cùng nhau kể lẽ sau xưa,
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.
Mặt trông tay chẳng nở rời,
Hoa tì đã động tiếng người nẻo xa. (1980)
Nhận ngừng, nuốt tủi, lảng ra,
Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào.
Cười cười, nói nói ngọt ngào,
Hỏi: Chàng mới ở chốn nào lại chơi?
Dối quanh Sinh mới liệu lời: (1985)
Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh.
Khen rằng: Bút pháp đã tinh,
So vào với thiếp Lan đình nào thua!
Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng, thật cũng nên mua lấy tài! (1990)
Thiền trà cạn chén hồng mai,
Thong dong nổi gót thư trai cùng về.
Nàng càng e lệ ủ ê,

Rỉ tai, hỏi lại hoa tì trước sau.
Hoa rằng: Bà đã đến lâu, (1995)
Rón chân đứng nép độ đầu nửa giờ.
Rành rành kẽ tóc chân tơ,
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.
Bao nhiêu đoạn khổ, tình thương,
Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thở than. (2000)
Ngăn tôi đứng lại một bên,
Chán tai rồi mới bước lên trên lầu.
Nghe thôi kinh hãi xiết đầu:
Đàn bà thế ấy thấy âu một người!
Ấy mới gan ấy mới tài, (2005)
Nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng rời!
Người đâu sâu sắc nước đời,
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay!
Thực tang bắt được đường này,
Máu ghen ai cũng chau mày nghiền răng. (2010)
Thế mà im chẳng đãi dàng,
Chào mời vui vẻ nói năng dịu dàng!
Giận dầu ra dạ thế thường,
Cười dầu mới thực khôn lường hiểm sâu!
Thân ta ta phải lo âu, (2015)
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này!
Ví chẳng chấp cánh cao bay,
Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa!
Phận bèo bao quản nước sa,
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh. (2020)
Chỉ e quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no!
Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.
Bên mình giắt để hộ thân, (2025)
Lần nghe canh đã một phần trống ba.
Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lần đường theo bóng trăng tà về tây.

Kiều gặp Từ Hải
Mịt mù dặm cát đồi cây,
Tiếng gà điểm nguyệt dấu giày cầu sương. (2030)

Canh khuya thân gái dặm trường,
Phần e đường xá, phần thương dãi dẫu!
Trời đông vừa rặng ngàn dâu,
Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà!
Chùa đâu trông thấy nẻo xa, (2035)
Rành rành Chiêu ân am ba chữ bài.
Xăm xăm gõ mái cửa ngoài,
Trụ trì nghe tiếng, rước mời vào trong.
Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác duyên sư trưởng lành lòng liền thương. (2040)
Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lòng nàng hãy tìm đường nói quanh:
Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh,
Qui sư, qui Phật, tu hành bấy lâu.
Bản sư rồi cũng đến sau, (2045)
Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh.
Rày vâng diện hiến rành rành,
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
Xem qua sư mới dạy qua:
Phải nơi Hằng Thủy là ta hậu tình. (2050)
Chỉ e đường sá một mình,
Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày.
Gửi thân được chốn am mây,
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong.
Kệ kinh câu cũ thuộc lòng, (2055)
Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay.
Sớm khuya lá bối phướn mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.
Thấy nàng thông tuệ khác thường,
Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân. (2060)
Cửa thuyền vừa tiết cuối xuân,
Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân ngang trời.
Gió quang mây tạnh thanh thời,
Có người đàn viết lên chơi cửa Già.
Giở đồ chuông khánh xem qua, (2065)
Khen rằng: Khéo giống của nhà Hoạn nương!
Giác Duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
Nghĩ rằng khôn nổi giấu mâu,

Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay: (2070)

Bây giờ sự đã đường này,
Phận hèn dù rủi, dù may, tại người.

Giác Duyên nghe nói rưng rờ,
Nửa thương, nửa sợ, bồi hồi chẳng xong.

Rỉ tai nàng mới giải lòng: (2075)

Ở đây cửa Phật là không hẹp gì;
E chẳng những sự bất kỳ,

Để nàng cho đến thế thì cũng thương!

Lánh xa, trước liệu tìm đường,
Ngồi chờ nước đến, nên đường còn quê! (2080)

Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương.

Nhấn sang, dẫn hết mọi đường,

Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân.

Những mừng được chốn an thân, (2085)

Vội vàng nào kịp tính gần tính xa.

Nào ngờ cũng tổ bợm già,

Bạc bà học với Tú bà đồng môn!

Thấy nàng mặt phấn tươi son,

Mừng thầm được mỗi bán buôn có lời. (2090)

Hư không đặt để nên lời,

Nàng đà nhón nhác rưng rờ lắm phen.

Mụ càng xua đuổi cho liền,

Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần.

Rằng: Nàng muôn dăm một thân, (2095)

Lại mang lấy tiếng dữ gần, lành xa.

Khéo oan gia, của phá gia,

Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây!

Kíp toan kiếm chốn xe dây,

Không dung chưa dễ mà bay đường trời! (2100)

Nơi gần thì chẳng tiện nơi,

Nơi xa thì chẳng có người nào xa.

Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,

Cùng trong thân thích ruột rà, chẳng ai.

Cửa hàng buôn bán châu Thai, (2105)

Thực thà có một, đơn sai chẳng hề.

Thế nào nàng cũng phải nghe,

Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.

Bấy giờ ai lại biết ai,
Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh. (2110)
Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
Trái lời nẻo trước lụy mình đến sau.
Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dằm.
Nghĩ mình túng đất, sẩy chân, (2115)
Thế cùng nàng mới xa gần thở than:
Thiếp như con én lạc đàn,
Phải cung rày đã sợ làn cây cong!
Cùng đường dù tính chữ tòng,
Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao? (2120)
Nữ khi muôn một thế nào,
Bán hùm, buôn sói, chắc vào lưng đâu?
Dù ai lòng có sở cầu,
Tâm mình xin quyết với nhau một lời.
Chúng mình có đất, có Trời, (2125)
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì?
Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân, đặt trác, rửa bình, thắp nhang. (2130)
Bạc sinh quì xuống vội vàng,
Quá lời nguyện hết Thành hoàng, Thổ công.
Trước sân lòng đã giải lòng,
Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên.
Thành thân mới rước xuống thuyền, (2135)
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thành thôi,
Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hành viện xưa nay,
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người. (2140)
Xem người định giá vừa rồi,
Mỗi hàng một, đã ra mười, thì buồng.
Mượn người thuê kiệu rước nường,
Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa!
Kiệu hoa đặt trước thềm hoa, (2145)
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.
Đưa nàng vào lạy gia đường,

Cũng thân mây trắng, cũng phường lầu xanh!
Thoắt trông nàng đã biết tình,
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao. (2150)
Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!
Nghĩ đời mà chán cho đời,
Tài tình chi lắm, cho trời đất ghen!
Tiếc thay nước đã đánh phèn, (2155)
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!
Hong quân với khách hong quần,
Đã xoay đến thế, còn vẩn chữa tha.
Lỡ từ lạc bước bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi. (2160)
Đầu xanh đã tội tình chi?
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.
Lần thu gió mát trăng thanh, (2165)
Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi,
Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài. (2170)
Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải, vốn người Việt đông.
Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.
Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều, (2175)
Tấm lòng nhi nữ cùng xiêu anh hùng.
Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa.
Từ rằng: Tâm phúc tương cò
Phải người trắng gió vờ hay sao? (2180)
Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Mắt xanh chẳng để ai vào có không?
Một đời được mấy anh hùng,
Bỏ chi cá chậu, chim lồng mà chơi!
Nàng rằng: Người dạy quá lời, (2185)
Thân này còn dám xem ai làm thường!

Chút riêng chọn đá thử vàng,
Biết đâu mà gởi can tràng vào đâu?
Còn như vào trước ra sau,
Ai cho kén chọn vàng thau tại mình. (2190)
Từ rằng: Lời nói hữu tình,
Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân.
Lại đây xem lại cho gần,
Phỏng tin được một vài phần hay không?
Thưa rằng: Lượng cả bao dong, (2195)
Tấn Dương được thấy mây rồng có phen.
Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau!
Nghe lời vừa ý gật đầu,
Cười rằng: Tri kỷ trước sau mấy người! (2200)
Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già!
Một lời đã biết tên ta,
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau!
Hai bên ý hợp tâm đầu, (2205)
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân!
Ngỏ lời nói với băng nhân,
Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn.
Buồn riêng sửa chốn thanh nhàn,
Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên. (2210)
Trai anh hùng, gái thuyền nguyên,
Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cười rồng.
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.
Trông vời trời bể mệnh mang, (2215)
Thanh gươm, yên ngựa lên đàng thẳng rong.
Nàng rằng: Phận gái chữ tòng,
Chàng đi thiếp cũng quyết lòng xin đi!
Từ rằng: Tâm phúc tương tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình? (2220)
Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường
Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia,
Bằng ngay bốn bể không nhà, (2225)

Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?
Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy chẵng là một năm sau vội gì?

Quyết lời rút áo ra đi,
Cánh bằng tiện gió cất lìa dặm khơi. (2230)
Nàng thì chiếc bóng song mai,
Đêm thâu đằng đẵng, nhật cài then mây.
Sân rêu chẳng vẽ dấu giày,
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.
Đoái thương muôn dặm tử phần (2235)
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa;
Xót thay huyên cỗi xuân già,
Tấm lòng thương nhớ, biết là có nguôi.
Chốc là mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương. (2240)
Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
Dấu lìa ngó ý còn vương tơ lòng!
Duyên em dù nói chỉ hồng,
May ra khi đã tay bông tay mang.
Tắc lòng cố quốc tha hương, (2245)
Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.
Đêm ngày luống những âm thầm,
Lửa binh đâu đã âm âm một phương, (2250)
Ngất trời sát khí mơ màng,
Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh.
Người quen kẻ thuộc chung quanh
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng: Trước đã hẹn lời, (2255)
Dấu trong nguy hiểm dám rời ước xưa.
Còn đương dùng dằng ngần ngại
Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng loa.
Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng gửi: nào là phu nhân? (2260)
Hai bên mười vị tướng quân,
Đặt gươm, cưỡi giáp, trước sân khấu đầu.
Cung nga, thể nữ nói sau,
Rằng: Vâng lệnh chỉ rước châu vu qui.
Sẵn sàng phượng liễn loan nghi, (2265)
Hoa quan pháp phối hà y rõ ràng.
Dựng cờ, nổi trống lên đàn,

Trúc tơ nổi trước, kiệu vàng theo sau.
Hoả bài tiền lộ ruổi mau,
Nam đình nghe động trống châu đại doanh. (2270)
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
Rõ mình, là vẻ cân đai,
Hãy còn hàm én mây ngài như xưa.
Cười rằng: Cá nước duyên ưa, (2275)
Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
Anh hùng mới biết anh hùng,
Rầy xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?
Nàng rằng: Chút phận ngây thơ,
Cũng may dây cát được nhờ bóng cây. (2280)
Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trướng mai tự tình.
Tiệc bày thưởng tướng khao binh (2285)
Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Kiều gặp Từ Hải

Mịt mù dặm cát đời cây,
Tiếng gà điểm nguyệt dấu giày cầu sương. (2030)
Canh khuya thân gái dặm trường,
Phần e đường xá, phần thương dải dầu!
Trời đông vừa rạng ngàn dâu,
Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà!
Chùa đầu trông thấy nẻo xa, (2035)
Rành rành Chiêu ẫn am ba chữ bài.
Xăm xăm gõ mái cửa ngoài,
Trụ trì nghe tiếng, rước mời vào trong.
Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác duyên sư trưởng lạnh lòng liền thương. (2040)
Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lòng nàng hãy tìm đường nói quanh:
Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh,
Qui sư, qui Phật, tu hành bấy lâu.

Bản sư rồi cũng đến sau, (2045)
Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh.
Rày vâng diện hiến rành rành,
Chuông vàng khánh bạc bên mình giờ ra.
Xem qua sư mới dạy qua:
Phải nơi Hằng Thủy là ta hậu tình. (2050)
Chỉ e đường sá một mình,
Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày.
Gửi thân được chốn am mây,
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong.
Kệ kinh câu cũ thuộc lòng, (2055)
Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay.
Sớm khuya lá bối phướn mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.
Thấy nàng thông tuệ khác thường,
Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân. (2060)
Cửa thuyền vừa tiết cuối xuân,
Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân ngang trời.
Gió quang mây tạnh thanh thời,
Có người đàn viết lên chơi cửa Già.
Giở đồ chuông khánh xem qua, (2065)
Khen rằng: Khéo giống của nhà Hoạn nương!
Giác Duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
Nghĩ rằng khôn nổi giấu màu,
Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay: (2070)
Bây giờ sự đã đường này,
Phận hèn dù rủi, dù may, tại người.
Giác Duyên nghe nói rụng rời,
Nửa thương, nửa sợ, bồi hồi chẳng xong.
Rỉ tai nàng mới giải lòng: (2075)
Ở đây cửa Phật là không hẹp gì;
E chẳng những sự bất kỳ,
Đề nàng cho đến thế thì cũng thương!
Lánh xa, trước liệu tìm đường,
Ngồi chờ nước đến, nên đường còn quê! (2080)
Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương.
Nhấn sang, dẫn hết mọi đường,

Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân.
Những mừng được chốn an thân, (2085)
Vội vàng nào kịp tính gần tính xa.
Nào ngờ cũng tổ bọm già,
Bạc bà học với Tú bà đồng môn!
Thấy nàng mặt phấn tươi son,
Mừng thầm được mỗi bán buôn có lời. (2090)
Hư không đặt để nên lời,
Nàng đà nhón nhác rụng rời lấm phen.
Mụ càng xua đuổi cho liền,
Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần.
Rằng: Nàng muôn dậm một thân, (2095)
Lại mang lấy tiếng dữ gần, lành xa.
Khéo oan gia, của phá gia,
Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây!
Kíp toan kiếm chốn xe dây,
Không dung chứa dễ mà bay đường trời! (2100)
Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
Cùng trong thân thích ruột rà, chẳng ai.
Cửa hàng buôn bán châu Thai, (2105)
Thực thà có một, đơn sai chẳng hề.
Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.
Bấy giờ ai lại biết ai,
Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh. (2110)
Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
Trái lời nẻo trước lụy mình đến sau.
Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dằm.
Nghĩ mình túng đất, sẩy chân, (2115)
Thế cùng nàng mới xa gần thở than:
Thiếp như con én lạc đàn,
Phải cung rày đã sợ làn cây cong!
Cùng đường dù tính chữ tòng,
Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao? (2120)
Nữa khi muôn một thế nào,
Bán hùm, buôn sói, chắc vào lưng đâu?

Dù ai lòng có sở cầu,
Tâm mình xin quyết với nhau một lời.
Chứng minh có đất, có Trời, (2125)
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì?
Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân, đặt trác, rửa bình, thắp nhang. (2130)
Bạc sinh quì xuống vội vàng,
Quá lời nguyện hết Thành hoàng, Thổ công.
Trước sân lòng đã giải lòng,
Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên.
Thành thân mới rước xuống thuyền, (2135)
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thành thoi,
Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hành viện xưa nay,
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người. (2140)
Xem người định giá vừa rồi,
Mỗi hàng một, đã ra mười, thì buông.
Mượn người thuê kiệu rước nường,
Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa!
Kiệu hoa đặt trước thêm hoa, (2145)
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.
Đưa nàng vào lạy gia đường,
Cũng thần mây trắng, cũng phường lầu xanh!
Thoắt trông nàng đã biết tình,
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao. (2150)
Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!
Nghĩ đời mà chán cho đời,
Tài tình chi lắm, cho trời đất ghen!
Tiếc thay nước đã đánh phèn, (2155)
Mà cho bùn lại vắn lên mấy lần!
Hong quân với khách hong quần,
Đã xoay đến thế, còn vắn chữa tha.
Lỡ từ lạc bước bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi. (2160)
Đầu xanh đã tội tình chi?

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.
Lần thu gió mát trăng thanh, (2165)
Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi,
Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài. (2170)
Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải, vốn người Việt đông.
Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.
Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều, (2175)
Tấm lòng nhi nữ cùng xiêu anh hùng.
Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa.
Từ rằng: Tâm phúc tương cờ
Phải người trắng gió vật vờ hay sao? (2180)
Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Mắt xanh chẳng để ai vào có không?
Một đời được mấy anh hùng,
Bỏ chi cá chậu, chim lồng mà chơi!
Nàng rằng: Người dạy quá lời, (2185)
Thân này còn dám xem ai làm thường!
Chút riêng chọn đá thử vàng,
Biết đâu mà gởi can tràng vào đâu?
Còn như vào trước ra sau,
Ai cho kén chọn vàng thau tại mình. (2190)
Từ rằng: Lời nói hữu tình,
Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân.
Lại đây xem lại cho gần,
Phỏng tin được một vài phần hay không?
Thưa rằng: Lượm cả bao dong, (2195)
Tấn Dương được thấy mây rồng có phen.
Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau!
Nghe lời vừa ý gật đầu,
Cười rằng: Tri kỷ trước sau mấy người! (2200)

Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già!
Một lời đã biết tên ta,
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau!
Hai bên ý hợp tâm đầu, (2205)
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân!
Ngỏ lời nói với băng nhân,
Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn.
Buồn riêng sửa chốn thanh nhàn,
Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên. (2210)
Trai anh hùng, gái thuyền nguyên,
Phi nguyên sánh phượng, đẹp duyên cưới rồng.
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.
Trông vời trời bể mệnh mang, (2215)
Thanh gươm, yên ngựa lên đường thẳng rong.
Nàng rằng: Phận gái chữ tòng,
Chàng đi thiếp cũng quyết lòng xin đi!
Tù rằng: Tâm phúc tương tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình? (2220)
Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường
Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia,
Bằng ngay bốn bể không nhà, (2225)
Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?
Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy chẵng là một năm sau vội gì?
Quyết lời rút áo ra đi,
Cánh bằng tiện gió cát lìa dặm khơi. (2230)
Nàng thì chiếc bóng song mai,
Đêm thâu đằng đẵng, nhật cái then mây.
Sân rêu chẵng vẽ dấu giày,
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.
Đoái thương muôn dặm tử phần (2235)
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa;
Xót thay huyên cỗi xuân già,
Tấm lòng thương nhớ, biết là có nguôi.
Chốc là mười mấy năm trời,

Còn ra khi đã da mồi tóc sương. (2240)
Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng!
Duyên em dù nổi chỉ hồng,
May ra khi đã tay bông tay mang.
Tắc lòng cố quốc tha hương, (2245)
Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.
Đêm ngày luống những âm thầm,
Lửa binh đâu đã âm âm một phương, (2250)
Ngất trời sát khí mơ màng,
Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh.
Người quen kẻ thuộc chung quanh
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng: Trước đã hẹn lời, (2255)
Dẫu trong nguy hiểm dám rời ước xưa.
Còn đương dùng dằng ngẩn ngơ
Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng loa.
Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng gửi: nào là phu nhân? (2260)
Hai bên mười vị tướng quân,
Đặt gươm, cưỡi giáp, trước sân khấu đầu.
Cung nga, thể nữ nói sau,
Rằng: Vâng lệnh chỉ rước châu vu qui.
Sẵn sàng phượng liễn loan nghi, (2265)
Hoa quan pháp phối hà y rõ ràng.
Dựng cờ, nổi trống lên đàn,
Trúc tờ nổi trước, kiệu vàng theo sau.
Hoả bài tiền lộ ruổi mau,
Nam đình nghe động trống châu đại doanh. (2270)
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
Rõ mình, là vẻ cân đai,
Hãy còn hàm én mảy ngài như xưa.
Cười rằng: Cá nước duyên ưa, (2275)
Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
Anh hùng mới biết anh hùng,
Rầy xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?

Nàng rằng: Chút phận ngây thơ,
Cũng may dây cát được nhờ bóng cây. (2280)
Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trướng mai tự tình.
Tiệc bày thưởng tướng khao binh (2285)
Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Kiều báo thù

Trong quân có lúc vui vầy,
Thông dong mới kể sự ngày hàn vi: (2290)
Khi Vô Tích, khi Lâm Tri,
Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.
Tấm thân rày đã nhẹ nhàng,
Chút còn ân oán đôi đành chưa xong.
Từ Công nghe nói thủy chung, (2295)
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang.
Nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng,
Dưới cờ một lệnh vọi vàng ruổi sao.
Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ra Vô Tích, đạo vào Lâm Tri, (2300)
Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh tầm nã bắt về hỏi tra.
Lại sai lệnh tiễn truyền qua,
Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên.
Mụ quản gia, vãi Giác Duyên, (2305)
Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời.
Thệ sư kể hết mọi lời,
Lòng lòng cũng giận, người người chấp uy!
Đạo trời báo phục chửi ghê,
Khéo thay! Một mẻ tóm về đây nơi, (2310)
Quân trung gươm lớn áo dài,
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi.
Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,
Bác đồng chặt đất, tinh kỳ rợp sân.
Trướng hùm mở giữa trung quân, (2315)

Từ Công sánh với phu nhân cùng ngôi.
Tiên nghiêm trông chữa dứt hồi
Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên.
Từ rằng: ân, oán hai bên,
Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình (2320)
Nàng rằng: Nhờ cậy uy linh,
Hãy xin báo đáp ân tình cho phu.
Báo ân rồi sẽ trả thù.
Từ rằng: Việc ấy phó cho mặc nàng.
Cho gươm mời đến Thúc lang, (2325)
Mặt như chàm đỏ, mình giường giẽ run.
Nàng rằng: Nghĩa trọng nghìn non,
Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ không?
Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai, há dám phụ lòng cô nhân? (2330)
Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân,
Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là!
Vợ chàng quý quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau!
Kiến bò miệng chén chưa lâu, (2335)
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.
Thúc Sinh trông mặt bấy giờ,
Mồ hôi chàng đã như mưa ướt đầm.
Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,
Sợ thay mà lại mừng thầm cho ai. (2340)
Mụ già, sư trưởng thứ hai,
Thoắt đưa đến trước vội mời lên trên:
Dắt tay mở mặt cho nhìn:
Hoa Nô kia với Trạc Tuyên cũng tôi.
Nhớ khi lỡ bước xảy vời, (2345)
Non vàng chưa dễ đền bồi tám thương.
Nghìn vàng gọi chút lễ thường,
Mà lòng phiêu mẫu mấy vàng cho cân?
Hai người, trông mặt tần ngần,
Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui. (2350)
Nàng rằng: Xin hãy đón ngôi,
Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù!
Kíp truyền chư tướng hiến phù,
Lại đem các tích phạm tù hậu tra.

Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra, (2355)
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư.
Thoạt trông nàng đã chào thưa:
Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây?
Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan? (2360)
Dễ dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều!
Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,
Khấu đầu dưới trướng, liệu điều kêu ca.
Rằng: Tôi chút dạ đàn bà, (2365)
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình,
Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Vội khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
Lòng riêng riêng những kính yêu;
Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai. (2370)
Trót lòng gây việc chồng gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng?
Khen cho: Thật đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời,
Tha ra thì cũng may đời, (2375)
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
Đã lòng tri quá thì nên,
Truyền quân lệnh xuống trường tiền tha ngay.
Tạ lòng lạy trước sân may,
Cửa viên lại dặt một dây dẫn vào, (2380)
Nàng rằng: Lòng lộng trời cao,
Hại nhân, nhân hại sự nào tại ta?
Trước là Bạc Hạnh, Bạc Bà,
Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở Khanh.
Tú Bà cùng Mã Giám Sinh, (2385)
Các tên tội ấy đáng tình còn sao?
Lệnh quân truyền xuống nội đao,
Thề sao thì lại cứ sao gia hình,
Máu rơi thịt nát tan tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời. (2390)
Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người, chẳng bỏ khi người phụ ta!
Mấy người bạc ác tính ma,

Mình làm mình chịu kêu mà ai thương.
Ba quân đông mặt pháp trường, (2395)
Thanh thiên, bạch nhật rõ ràng cho coi.

Việc nàng báo phục vừa rồi,
Giác Duyên vội vã gởi lời từ qui.
Nàng rằng: Thiên tải nhất thì,
Cổ nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn. (2400)

Rồi đây bèo hợp mây tan,
Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu!
Sư rằng: Cũng chẳng bao lâu,
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
Nhớ ngày hành cước phương xa, (2405)
Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri.

Bảo cho hội ngộ chi kỳ,
Năm nay là một nữa thì năm năm.
Mới hay tiền định chẳng lầm,
Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau. (2410)

Còn nhiều ân ái với nhau,
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì?
Nàng rằng: Tiền định tiên tri,
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.
Họa bao giờ có gặp người, (2415)
Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân.

Giác Duyên vâng dặn ân cần,
Tạ từ thoát đã dời chân cỏi ngoài.

Từ Hải mắc lừa Hồ Tôn Hiến, Kiều tự vẫn
Nàng từ ân oán rạch rời,
Bể oan dường đã vơi vơi cạnh lòng. (2420)

Tạ ân lạy trước Từ công:
Chút thân bồ liễu nào mong có rày!

Trộm nhờ sấm sét ra tay,
Tác riêng như cát gánh đầy đồ đi!
Chạm xương chếp dạ xiết chi, (2425)
Dễ đem gan óc đền nghì trời mây!

Từ rằng: Quốc sĩ xưa nay,
Chọn người tri kỷ một ngày được chẳng?
Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha! (2430)

Huống chi việc cũng việc nhà,
Lọ là thâm tạ mới là tri ân.
Xót nàng còn chút song thân,
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.
Sao cho muôn dặm một nhà, (2435)
Cho người thấy mặt là ta cam lòng.
Vội truyền sửa tiệc quân trung,
Muôn binh nghìn tướng hội đồng tầy oan.
Thừa cơ trúc chẻ ngói tan,
Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài. (2440)
Triều đình riêng một góc trời,
Gồm hai vắn võ rạch đôi sơn hà.
Đòi phen gió quét mưa sa,
Huyện thành đập đổ năm tòa cỗi nam.
Phong trần mài một lưỡi gươm, (2445)
Những loài giá áo túi cơm sá gì!
Nghênh ngang một cõi biên thù,
Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương!
Trước cờ ai dám tranh cường,
Năm năm hùng cứ một phương hải tân. (2450)
Có quan tổng đốc trọng thần,
Là Hồ Tôn Hiến kinh luân gồm tài.
Đẩy xe vàng chỉ đặc sai,
Tiện nghi bát tiểu việc ngoài đồng nhung.
Biết Từ là đáng anh hùng, (2455)
Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
Đóng quân làm chúc chiêu an,
Ngọc vàng gấm vóc sai quan thuyết hàng.
Lại riêng một lễ với nàng,
Hai tên thể nữ ngọc vàng nghìn cân. (2460)
Tin vào gởi trước trung quân,
Từ công riêng hãy mười phen hồ đồ.
Một tay gây dựng cơ đồ,
Bấy lâu bề Sở sông Ngô tung hoành!
Bỏ thân về với triều đình, (2465)
Hàng thần lơ láo phận mình ra đâu?
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
Vào luôn ra cúi công hầu mà chi?
Sao bằng riêng một biên thù,

Sức này đã dễ làm gì được nhau? (2470)
Chọc trời khuấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?
Nàng thời thật dạ tin người,
Lễ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
Nghĩ mình mặt nước cánh bèo, (2475)
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.
Bằng nay chịu tiếng vương thân,
Thên thên đường cái thanh vân hẹp gì!
Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương. (2480)
Cũng ngôi mệnh phụ đường đường,
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.
Trên vì nước dưới vì nhà,
Một là đặc hiếu hai là đặc trung.
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng, (2485)
E dè sóng vỗ hãi hùng cỏ hoa.
Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng: Trong Thánh trạch dồi dào,
Tươi ra đã khắp thấm vào đã sâu. (2490)
Bình thành công đức bấy lâu,
Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao.
Ngẫm từ gây việc binh đao,
Đóng xương Vô định đã cao bằng đầu.
Làm chi để tiếng về sau, (2495)
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào!
Sao bằng lộc trọng quyền cao,
Công danh ai dứt lối nào cho qua?
Nghe lời nàng nói mặn mà,
Thế công Từ mới trở ra thế hàng. (2500)
Chỉnh nghi tiếp sứ vội vàng,
Hẹn kỳ thúc giáp quyết đường giải binh.
Tin lời thành hạ yêu mình,
Ngọn cờ ngơ ngác trống canh trễ tràng.
Việc binh bỏ chẳng giữ giàng, (2505)
Vương sư dòm đã tỏ tường thực hư.
Hò công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu khắc cờ tập công.

Kéo cờ chiêu phủ tiên phong,
Lễ nghi dàn trước bác đồng phục sau. (2510)
Từ công hờ hững biết đâu,
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên.
Hò công ám hiệu trận tiền,
Ba bề phát súng bốn bên kéo cờ.
Đương khi bất ý chẳng ngờ, (2515)
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn!
Tử sinh liêu giữa trận tiền,
Dạn dầy cho biết gan liên tướng quân!
Khí thiêng khi đã về thần,
Nhon nhon còn đứng chôn chân giữa vòng! (2520)
Trơ như đá vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng dời.
Quan quân truy sát đuổi dài.
Ầm ầm sát khí ngất trời ai đang.
Trong hào ngoài lũy tan hoang, (2525)
Loạn quân vừa dất tay nàng đến nơi.
Trong vòng tên đá bời bời,
Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ.
Khóc rằng: Trí dũng có thừa,
Bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này! (2530)
Mặt nào trông thấy nhau đây?
Thà liêu sống thác một ngày với nhau!
Dòng thu như dội cơn sầu,
Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay oan khí tương triền! (2535)
Nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra.
Quan quân kẻ lại người qua,
Xót nàng sẽ lại vực ra dần dần.
Đem vào đến trước trung quân,
Hò công thấy mặt ân cần hỏi han. (2540)
Rằng: Nàng chút phận hồng nhan,
Gặp cơn binh cách nhiều nàn cũng thương!
Đã hay thành toán miếu đường,
Giúp công cũng có lời nàng mới nên.
Bây giờ sự đã vẹn tuyền, (2545)
Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào?
Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,

Ngập ngừng mới gửi thấp cao sự lòng.
Rằng: Từ là đáng anh hùng,
Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi! (2550)
Tin tôi nên quá nghe lời,
Đem thân bách chiến làm tôi triều đình.
Ngờ là phu quý phụ vinh,
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!
Năm năm trời bể ngang tàng, (2555)
Đem mình đi bỏ chiến trường như không.
Khéo khuyên kẻ lấy làm công,
Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!
Xét mình công ít tội nhiều,
Sống thừa tôi đã nên liêu minh tôi! (2560)
Xin cho tiện thổ một doi,
Gọi là đắp diêm cho người tử sinh.
Hồ công nghe nói thương tình,
Truyền cho cáo táng di hình bên sông.
Trong quân mở tiệc hạ công, (2565)
Xôn xao tơ trúc hội đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn,
Dở say lại ép cung đàn nhật tâu.
Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay! (2570)
Ve ngâm vượn hót nào tày,
Lọt tai Hồ cũng nhận mảy rơi châu.
Hỏi rằng: Này khúc ở đâu?
Nghe ra muôn oán nghìn sầu lẫm thay!
Thưa rằng: Bạc mệnh khúc này, (2575)
Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
Cung cầm lựa những ngày xưa,
Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây!
Nghe càng đắm ngất càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình! (2580)
Dạy rằng: Hương lửa ba sinh,
Dây loan xin nối cầm lành cho ai.
Thưa rằng: Chút phận lạc loài,
Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
Còn chi nữa cánh hoa tàn, (2585)
Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân.

Rộng thương còn mảnh hồng quân,
Hơi tàn được thấy gốc phần là may!
Hạ công chén đã quá say,
Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra. (2590)
Nghĩ mình phương diện quốc gia,
Quan trên nhắm xuống người ta trông vào.
Phải tuồng trăng gió hay sao,
Sự này biết tính thế nào được đây?
Công nha vừa buổi rạng ngày, (2595)
Quyết tình Hồ mới đoán ngay một bài.
Lệnh quan ai dám cãi lời,
Ép tình mới gán cho người thổ quan.
Ông tơ thực nhẽ đa đoan!
Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên? (2600)
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao.
Nàng càng ủ liễu phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát lấp sóng vui, (2605)
Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh!
Chân trời mặt bể lênh dênh,
Năm xương biết gởi tử sinh chốn nào,
Duyên đâu ai dứt tơ đào,
Nợ đâu ai đã dặt vào tận tay! (2610)
Thân sao thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!
Đã không biết sống là vui,
Tắm thân nào biết thiệt thòi là thương!
Một mình cay đắng trăm đường, (2615)
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!
Mảnh trăng đã gác non đoài,
Một mình luống những đứng ngòai chưa xong.
Triều đâu nổi tiếng dùng dùng,
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền đường. (2620)
Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn trường là đây!
Đạm Tiên nàng nhé có hay!
Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta.
Dưới đèn sẵn bức tiên hoa, (2625)

Một thiên tuyệt bút gọi là đề sau.
Cửa bông vội mở rèm châu,
Trời cao sông rộng một màu bao la.
Rằng: Từ công hậu đãi ta,
Chút vì việc nước mà ra phụ lòng. (2630)
Giết chồng mà lại lấy chồng,
Mặt nào còn đứng ở trong cỗi đời?
Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông!
Trông vời con nước mệnh mông, (2635)
Đem mình gieo xuống giữa dòng Trường Giang.
Thỏ quan theo vớt vội vàng,
Thời đà đắm ngọc chìm hương mất rồi!
Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi! (2640)
Nhưng là oan khổ lưu ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân!
Mười lăm năm bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi!
Đời người đến thế thì thôi, (2645)
Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay.
Mấy người hiếu nghĩa xưa nay,
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương!
Giác Duyên từ tiết giả mang,
Đeo bầu quảy níp rộng đường vân du. (2650)
Gặp bà Tam Hợp đạo cô,
Thong dong hỏi hết nhỏ to sự nàng:
Người sao hiếu nghĩa đủ đường,
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi?
Su rằng: Phúc họa đạo trời, (2655)
Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có trời mà cũng tại ta,
Tu là cỗi phúc tình là dây oan.
Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành, (2660)
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vậy nên những chốn thong dong,
Ở không yên ổn ngồi không vững vàng.

Ma đưa lối quỷ đem đường, (2665)
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.
Hết nạn ấy đến nạn kia,
Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần.
Trong vòng giáo dựng gươm trần,
Kẻ răng hùm sói gởi thân tôi đòi. (2670)
Giữa dòng nước chảy sóng dồi,
Trước hàm rồng cá gieo môi thủy tinh.
Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình biết một mình mình hay.
Làm cho sóng dọa thác đầy, (2675)
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi!
Giác Duyên nghe nói rưng rờ:
Một đời nàng nhé thương ôi còn gì!
Sư rằng: Song chẳng hề chi,
Nghiệp duyên cân lại nhắc đi còn nhiều. (2680)
Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm,
Lấy tình thâm trả nghĩa thâm,
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời!
Hại một người cứu muôn người, (2685)
Biết đường khinh trọng biết lời phải chẳng.
Thừa công đức ấy ai bằng?
Túc khiên đã rửa láng láng sạch rồi!
Khi nên trời cũng chiều người,
Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau. (2690)
Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,
Tiền đường thả một bè lau rước người.
Trước sau cho vẹn một lời,
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không!
Giác Duyên nghe nói mừng lòng, (2695)
Lân la tìm thú bên sông Tiền đường,
Đánh tranh chum nóc thảo đường,
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.
Thuê năm ngư phủ hai người,
Đóng thuyền chực bến kết chài giăng sông. (2700)
Một lòng chẳng quảng mấy công,
Khéo thay gặp gỡ cũng trong duyên vắn!
Kiều từ gieo xuống duênh ngân,

Nước xuôi bỗng đã trôi dạt tận nơi.
Ngư ông kéo lưới vớt người, (2705)
Ngắm lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa!
Trên mũi lướt lướt áo là,
Tuy dầm hơi nước chưa lòa bóng gương.
Giác Duyên nhận thật mặt nàng,
Nàng còn thêm thiếp giác vàng chưa phai. (2710)
Mơ màng phách quế hồn mai,
Đạm Tiên thoát đã thấy người ngày xưa.
Rằng: Tôi đã có lòng chờ,
Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
Chị sao phận mỏng phúc dày, (2715)
Kiếp xưa đã vậy lòng này để ai!
Tâm thành đã thấu đến trời,
Bán mình là hiếu cứu người là nhân.
Một niềm vì nước vì dân,
Âm công cất một đồng cân đã già! (2720)
Đoạn trường sổ rút tên ra,
Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng thụ về lâu,
Duyên xưa tròn trặn phúc sau dồi dào!
Nàng nghe ngơ ngẩn biết sao, (2725)
Trạc Tuyền! nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình thoát tỉnh giấc mai,
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên,
Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề. (2730)
Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư.
Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trăng mát mặt muối dưa chay lòng.
Bốn bề bát ngát menh mông, (2735)
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau.
Nạn xưa trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.

Kim Trọng đi tìm Kiều
Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương. (2740)

Từ ngày muôn dặm phù tang,
Nửa năm ở đất Liêu dương lại nhà.
Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn phong cảnh cũ nay đã khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa, (2745)
Song trắng quanh quẽ vách mưa đã rời.
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Xập xè én liệng lâu không,
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày. (2750)
Cuối tường gai góc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.
Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bấy giờ hỏi ai?
Láng giềng có kẻ sang chơi, (2755)
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông ông mắc tụng đình,
Hỏi nàng nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà nhà đã dời xa,
Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy Vân. (2760)
Đều là sa sút khó khăn,
May thuê viết mượn kiếm ăn lần hồi.
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe chàng thoắt rụng rời xiết bao!
Vội han đi trú nơi cao, (2765)
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh vách đất tả toí,
Lau treo rèm nát trúc cài phen thưa.
Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao ngán nỗi càng ngơ ngẩn đường! (2770)
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra.
Dắt tay vội rước vào nhà,
Mái sau viên ngoại ông bà ra ngay.
Khóc than kể hết niềm tây: (2775)
Chàng ôi biết nỗi nước này cho chưa?
Kiều nhi phận mỏng như tờ,
Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng!
Gặp cơn gia biến lạ đường,

Bán mình nó phải tìm đường cứu cha. (2780)
Dùng dằng khi bước chân ra,
Cực trăm nghìn nỗi dằn ba bốn lần.
Trót lời hẹn với lang quân,
Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
Gọi là trả chút nghĩa người, (2785)
Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên!
Kiếp này duyên đã phụ duyên,
Dạ đài còn biết sẽ đền lai sinh.
Mấy lời ký chú đình ninh,
Ghi lòng để dạ cắt mình ra đi. (2790)
Phận sao bạc bấy Kiều nhi!
Chàng Kim về đó con thì đi đâu?
Ông bà càng nói càng đau,
Chàng càng nghe nói càng đau như dứa.
Vật mình vầy gió tuôn mưa, (2795)
Dầm dề giọt ngọc thần thờ hồn mai!
Đau đòi đoạn ngắt đòi thôi,
Tĩnh ra lại khóc khóc rồi lại mê.
Thấy chàng đau nỗi biệt ly,
Nhẫn ngừng ông mới vỗ về giải khuyên: (2800)
Bây giờ ván đã đóng thuyền,
Đã đành phận bạc khôn đền tình chung!
Quá thương chút nghĩa đèo bông,
Nghìn vàng thân ấy dễ hòng bỏ sao?
Dỗ dành khuyên giải trăm chiều, (2805)
Lửa phiền càng dập càng khôu mối phiền.
Thề xưa giờ đến kim hoàn,
Của xưa lại giờ đến đàn với hương.
Sinh càng trông thấy càng thương.
Gan càng tức tối ruột càng xót xa. (2810)
Rằng: Tôi trót quá chân ra,
Để cho đến nỗi trôi hoa dạt bèo.
Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
Những điều vàng đá phải điều nói không!
Chưa chẵn gỏi cũng vợ chồng, (2815)
Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang?
Bao nhiêu của mấy ngày đang,
Còn tôi tôi một gắp nằng mới thôi!

Nỗi thương nói chẳng hết lời,
Tạ từ sinh mới sụt sùi trở ra. (2820)
Vội về sửa chôn vườn hoa,
Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.
Thần hôn chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa.
Định ninh mai lệ chép thơ, (2825)
Cắt người tìm tội đưa tờ nhả nhe.
Biết bao công mướn của thuê,
Lâm thanh mấy độ đi về dặm khơi.
Người một nơi hỏi một nơi,
Mệnh mông nào biết bể trời nơi nao? (2830)
Sinh càng thăm thiết khát khao,
Nhung gan sắt như bào lòng son.
Ruột tằm ngày một héo don,
Tuyệt sương ngày một hao mòn hình ve.
Thần thờ lúc tỉnh lúc mê, (2835)
Máu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao.
Xuân huyên lo sợ biết bao,
Quá ra khi đến thế nào mà hay!
Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã se dây cho chàng. (2840)
Người yếu điệu kẻ văn chương,
Trai tài gái sắc xuân đương vừa thì,
Tuy rằng vui chữ vu quy,
Vui nào đã cất sâu kia được nào!
Khi ăn ở lúc ra vào, (2845)
Càng âu duyên mới càng dào tình xưa.
Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng vẻ thư phòng,
Đốt lò hương giở phím đồng ngày xưa. (2850)
Bể bai rủ rỉ tiếng tơ,
Trầm bay nhạt khói gió đưa lay rèm.
Dường như bên nóc trước thềm,
Tiếng kiêu đồng vọng bóng xiêm mớ mành,
Bởi lòng tạc đá ghi vàng, (2855)
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.
Những là phiên muện đêm ngày,

Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?
Chế khoa gặp hội trường văn.
Vương, Kim cùng chiêm bảng xuân một ngày. (2860)
Cửa trời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh hương bay dặm phần.
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung lão tạ ân chu tuyền.
Tình xưa ân trả nghĩa đền, (2865)
Gia thân lại mới kết duyên Châu Trần.
Kim từ nhẹ bước thanh vân,
Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.
Ấy ai dặn ngọc thề vàng,
Bây giờ kim mã ngọc đường với ai? (2870)
Ngọn bèo chân sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly.
Vâng ra ngoại nhậm Lâm truy,
Quan san nghìn dặm thê nhi một đoàn.
Cầm đường ngày tháng thanh nhàn, (2875)
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao.
Phòng xuân trướng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm bổng chiêm bao thấy nàng.
Tĩnh ra mới rỉ cùng chàng,
Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi. (2880)
Họ Lâm thanh với Lâm truy,
Khác nhau một chữ hoặc khi có lầm.
Trong cơ thanh khí tương tâm,
Ở đây hoặc có giai âm chẳng là?
Thăng đường chàng mới hỏi tra, (2885)
Họ Đô có kẻ lại già thừa lên:
Sự này đã ngoại mười niên,
Tôi đã biết mặt biết tên rành rành.
Tú bà cùng Mã Giám sinh,
Đi mua người ở Bắc kinh đưa về. (2890)
Thúy Kiều tài sắc ai bì,
Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ.
Kiên trình chẳng phải gan vừa,
Liều mình thế ấy phải lừa thế kia.
Phong trần chịu đã ê chề, (2895)
Tơ duyên sau lại xe về Thúc lang.

Phải tay vợ cả phũ phàng,
Bắt về Vô tích toan đường bẻ hoa.
Rút mình nàng phải trốn ra,
Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia. (2900)
Thoắt buôn về thoắt bán đi,
Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi!
Bỗng đâu lại gặp một người,
Hơn đời trí dũng nghiêng trời uy linh.
Trong tay mười vạn tinh binh, (2905)
Kéo về đóng chặt một thành Lâm truy.
Tóc tơ các tích mọi khi,
Oán thì trả oán ân thì trả ân.
Đã nên có nghĩa có nhân,
Trước sau trọn vẹn xa gần ngợi khen. (2910)
Chưa từng được họ được tên,
Sự này hỏi Thúc sinh viên mới tường.
Nghe lời đô nói rõ ràng,
Tức thì đưa thiệp mời chàng Thúc sinh.
Nỗi nàng hỏi hết phân minh, (2915)
Chồng con đâu tá tính danh là gì?
Thúc rằng: Gặp buổi loạn ly,
Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.
Đại vương tên Hải họ Từ,
Đánh quen trăm trận sức dư muôn người (2920)
Gặp nàng khi ở châu Thai,
Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên.
Vầy vùng trong bấy nhiêu niên,
Làm nên động địa kinh thiên dùng dùng.
Đại quân đồn đóng cõi đông, (2925)
Về sau chẳng biết vân mông làm sao.
Nghe tường ngành ngọn tiêu hao,
Lòng riêng chàng luống lao đao thần thờ.
Xót thay chiếc lá bơ vơ,
Kiếp trần biết giữ bao giờ cho xong? (2930)
Hoa trôi nước chảy xuôi dòng,
Xót thân chìm nổi đau lòng hợp tan!
Lời xưa đã lỗi muôn vãn,
Mảnh hương còn đó phím đàn còn đây,
Đàn cầm khéo ngân ngơ dây, (2935)

Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?
Bình bông còn chút xa xôi,
Đỉnh chung sao nữ ăn ngồi cho an!
Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha. (2940)
Dấn mình trong án can qua,
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.
Nghĩ điều trời thăm vực sâu,
Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn!
Những là nắn ná đợi tin, (2945)
Nắng mưa biết đã mấy phen đổi dời
Năm mây bỗng thấy chiếu trời,
Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành.
Kim thì cải nhậm Nam bình,
Chàng Vương cũng cải nhậm thành Châu dương. (2950)
Sắm xanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cùng thuận một đường phó quan.
Xảy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc kiến lửa tàn Chiết giang.
Được tin Kim mới rủ Vương, (2955)
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.
Hàng Châu đến đó bây giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.
Rằng: Ngày hôm nọ giao binh,
Thất cơ Từ đã thu linh trận tiền. (2960)
Nàng Kiều công cả chẳng đền,
Lệnh quan lại bắt ép duyên thổ tù.
Nàng đà gieo ngọc trầm châu,
Sông Tiền đường đó ấy mồ hồng nhan!
Thương ôi! không hợp mà tan, (2965)
Một nhà vinh hiển riêng oan một nàng!
Chiêu hồn thiết vị lễ thường,
Giải oan lập một đàn tràng bên sông.
Ngọn triều non bạc trùng trùng,
Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo. (2970)
Tình thâm bể thăm lạ điều,
Nào hồn tinh vệ biết theo chốn nào?

Cơ duyên đâu bỗng lạ sao,
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.
Trông lên linh vị chữ bài, (2975)
Thất kinh mới hỏi: Những người đâu ta?
Với nàng thân thích gần xa,
Người còn sao bỗng làm ma khóc người?
Nghe tin ngơ ngác rụng rời,
Xúm quanh kẻ lẻ rợn lời hỏi tra: (2980)
Này chồng này mẹ này cha,
Này là em ruột này là em dâu.
Thật tin nghe đã bấy lâu,
Pháp sư dạy thế sự đâu lạ thường!
Sur rằng: Nhân quả với nàng, (2985)
Lâm truy buổi trước Tiên đường buổi sau.
Khi nàng gieo ngọc trầm châu,
Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về,
Cùng nhau nung nấu cửa bồ đề,
Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa. (2990)
Phật tiền ngày bạc lân la,
Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây.
Nghe tin nở mặt nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng?
Từ phen chiếc lá lìa rừng, (2995)
Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.
Rõ ràng hoa rụng hương bay,
Kiếp sau họa thấy kiếp này hãn thôi.
Minh dương đôi ngả chắc rồi,
Cõi trần mà lại thấy người cửu nguyên! (3000)
Cùng nhau lạy tạ Giác Duyên,
Bộ hành một lũ theo liền một khi.
Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
Tình thâm luống hầy hồ nghi nửa phần.
Quanh co theo dải giang tân, (3005)
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường.
Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong vội dạo sen vàng bước ra.
Trông xem đủ mặt một nhà:
Xuân già còn khỏe huyên già còn tươi. (3010)
Hai em phương trưởng hòa hai,

Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa!
 Tuởng bây giờ là bao giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!
Giọt châu thánh thót quện bào, (3015)
 Mừng mừng tủi tủi xiết bao là tình!
 Huyền già dưới gôi gieo mình,
 Khóc than mình kể sự tình đầu đuôi:
 Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm! (3020)
 Tính rằng sông nước cát lằm,
 Kiếp này ai lại còn cầm gập đây!
 Ông bà trông mặt cầm tay,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
 Bấy chầy dải nguyệt dầu hoa, (3025)
 Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.
 Nỗi mừng biết lấy chi cân?
 Lời tan hợp chuyện xa gần thiếu đâu!
 Hai em hỏi trước han sau,
Đứng trông chàng cũng trở sâu làm tươi. (3030)
 Quây nhau lạy trước Phật đài,
 Tái sinh trần tạ lòng người từ bi.
 Kiệu hoa giục giã tức thì,
Vương ông dạy rước cùng về một nơi.
 Nàng rằng: Chút phận hoa rơi, (3035)
 Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.
 Tính rằng mặt nước chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
 Được rày tái thế tương phùng.
Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay! (3040)
 Đã đem mình bỏ am mây,
 Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa
 Mùi thiền đã bén muối dưa,
 Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.
 Sự đời đã tắt lửa lòng, (3045)
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
 Dở dang nào có hay gì,
 Đã tu tu trót quá thì thì thôi!
 Trùng sinh ân nặng bể trời,
Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi? (3050)

Ông rằng: Bĩ thử nhất thì,
Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền.
Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
Tình kia hiểu nợ ai đền cho đây?
Độ sinh nhờ đức cao dày, (3055)
Lập am rồi sẽ rước thầy ở chung.
Nghe lời nàng cũng chiều lòng,
Giã sư giã cảnh đều cùng bước ra.
Một nhà về đến quan nha,
Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy. (3060)
Tàng tàng chén cúc dở say,
Đứng lên Vân mới giải bày một hai.
Rằng: Trong tác hợp cơ trời.
Hai bên gặp gỡ một lời kết giao.
Gặp cơn bình địa ba đào, (3065)
Vây đem duyên chị buộc vào cho em.
Cũng là phận cải duyên kim,
Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao?
Những là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình! (3070)
Bây giờ gương vỡ lại lành,
Khuôn thiêng lừa lọc đã dành có nơi.
Còn duyên may lại còn người,
Còn vàng trắng bạc còn lời nguyên xưa.
Quả mai ba bảy đương vừa, (3075)
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì.
Dứt lời nàng vội gạt đi:
Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ?
Một lời tuy có ước xưa,
Xét mình dải gió dầu mưa đã nhiều. (3080)
Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi!
Chàng rằng: Nói cũng lạ đời,
Dẫu lòng kia vậy còn lời ấy sao?
Một lời đã trót thâm giao, (3085)
Dưới dày có đất trên cao có trời!
Dẫu rằng vật đổi sao dời,
Tử sinh phải giữ lấy lời tử sinh!
Duyên kia có phụ chi tình,

Mà toan sẽ gánh chung tình làm hai? (3090)

Nàng rằng: Gia thất duyên hài,

Chút lòng ân ái ai ai cũng lòng.

Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,

Hoa thơm phong nhị trắng vòng tròn gương.

Chữ trinh đáng giá nghìn vàng, (3095)

Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.

Thiếp từ ngộ biến đến giờ.

Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.

Bấy chầy gió táp mưa sa.

Mấy trăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn. (3100)

Còn chi là cái hồng nhan,

Đã xong thân thể còn toan nỗi nào?

Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,

Dám đem trần cấu dự vào bố kinh!

Đã hay chàng nặng vì tình, (3105)

Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru!

Từ rày khép cửa phòng thu,

Chẳng tu thì cũng như tu mới là!

Chàng dù nghĩ đến tình xa,

Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ. (3110)

Nói chi kết tóc xe tơ,

Đã buồn cả ruột mà dơ cả đời!

Chàng rằng: Khéo nói nên lời,

Mà trong lẽ phải có người có ta!

Xưa nay trong đạo đàn bà, (3115)

Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường,

Có khi biến có khi thường,

Có quyền nào phải một đường chấp kinh.

Như nàng lấy hiếu làm trinh,

Bụi nào cho đục được mình ấy vay? (3120)

Trời còn để có hôm nay,

Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời.

Hoa tàn mà lại thêm tươi,

Trắng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.

Có điều chi nữa mà ngờ, (3125)

Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu!

Nghe chàng nói đã hết điều,

Hai thân thì cũng quyết theo một bài.

Hết lời khôn lẽ chối lời,
Cúi đầu nàng những vẫn dài thở than. (3130)
Nhà vừa mở tiệc đoàn viên,
Hoa soi ngọn đuốc hồng chen bức là.
Cùng nhau giao bái một nhà,
Lễ đà đủ lễ đôi đà xứng đôi.
Động phòng diu đặt chén môi, (3135)
Bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa.
Những từ sen ngó đào tơ,
Mười lăm năm mới bây giờ là đây!
Tình duyên ấy hợp tan này,
Bi hoan mấy nổi đêm chầy trăng cao. (3140)
Canh khuya bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ rạng má đào thêm xuân.
Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình.
Nàng rằng: Phận thiếp đã đành, (3145)
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi có xướng tùy mảy may.
Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
Cũng đà mặt dạn mày dày khó coi! (3150)
Những như âu yếm vành ngoài,
Còn toan mở mặt với người cho qua.
Lại như những thói người ta,
Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa.
Khéo là giờ nhuốc bày trò, (3155)
Còn tình đâu nữa là thù đẩy thôi!
Người yêu ta xấu với người,
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau!
Cửa nhà dù tính về sau,
Thì còn em đó lọ cầu chi đây. (3160)
Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan!
Còn nhiều ân ái chan chan,
Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi?
Chàng rằng: Gắn bó một lời, (3165)
Bỗng không cá nước chim trời lữ nhau.
Xót người lưu lạc bấy lâu,

Tưởng thề thốt nặng nên đau đớn nhiều!
Thương nhau sinh tử đã liều,
Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình. (3170)
Chùng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vảnh ái ân.
Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm!
Bấy lâu đáy bể mò kim, (3175)
Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa?
Ai ngờ lại hợp một nhà,
Lọ là chẵn gối mới ra sắt cầm!
Nghe lời sửa áo cài trâm,
Khẩu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng: (3180)
Thân tàn gạn đục khơi trong,
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
Mấy lời tâm phúc ruột rà,
Tương tri đường ấy mới là tương tri!
Chở che đùm bọc thiếu chi, (3185)
Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay!
Thoắt thôi tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nét càng say vì tình.
Thêm nến giá nổi hương bình,
Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan. (3190)
Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng: Vì mấy đường tơ,
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi!
Ăn năn thì sự đã rồi! (3195)
Nể lòng người cũ vâng lời một phen.
Phím đàn diu dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa.
Khúc đầu đầm ấm dương hòa,
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh. (3200)
Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ quyên?
Trong sao châu nhỏ duênh quyên,
Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông!
Lọt tai nghe suốt năm cung, (3205)
Tiếng nào là chẳng náo nùng xôn xao.

Chàng rằng: Phở ấy tay nào,
Xưa sao sâu thẳm nay sao vui vầy?
Tẻ vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai? (3210)
Nàng rằng: Ví chút nghề chơi,
Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu!
Một phen tri kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa.
Chuyện trò chưa cạn tóc tơ, (3215)
Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.
Tình riêng chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao.
Cho hay thực nữ chí cao,
Phải người tối mận sớm đào như ai? (3220)
Hai tình vẹn vẽ hòa hai,
Chẳng trong chăn gối cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.
Ba sinh đã phỉ mười nguyên, (3225)
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.
Nhớ lời lập một am mây,
Khiến người thân thích rước thầy Giác Duyên.
Đến nơi đóng cửa cài then,
Rêu trùn kẻ gạch cỏ len mái nhà, (3230)
Sư đà hái thuốc phương xa,
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu?
Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
Một nhà phúc lộc gồm hai, (3235)
Nghàn năm dằng dặc quan giai lần lần.
Thừa gia chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù mộc một sân quế hòe.
Phong lưu phú quý ai bì,
Vườn xuân một cửa đề bia muôn đời (3240)
Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.
Có đâu thiên vị người nào, (3245)

Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai,
Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa. (3250)
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.
Lời quê chấp nhật đông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

Chú thích

2. Người có tài thì thường gặp mệnh bạc, hình như Tài, mệnh ghét nhau, xung khắc với nhau, hễ được hơn cái này thì phải kém cái kia.
3. Bể dâu: Trong văn chương cổ của chúng ta thường dùng thành ngữ "bãi bể nương dâu", hoặc nói tắt là "bể dâu" để chỉ những sự biến đổi thăng trầm của cuộc đời.
5. Bĩ sắc tư phong: Cái kia kém thì cái này hơn, nghĩa là: Được hơn điều này thì bị kém điều kia.
6. (Tạo hoá ghen với người đàn bà đẹp). Ý nói: Người đàn bà đẹp thường gặp cảnh ngộ không hay.
7. Cảo thơm hay Kiều thơm: do chữ phương cảo, nghĩa là pho sách thơm pho sách hay.
8. Phong tình: Chỉ những chuyện ái tình trai gái.
- Sử xanh: Thời xưa, khi chưa có giấy, người ta chép sử bằng cách khắc chữ vào những thanh trúc, cật trúc màu xanh, nên gọi là thanh sử.
9. Gia-tĩnh: Niên hiệu vua Thế Tông, nhà Minh (1522-1566).
10. Hai kinh: Tứ Bắc Kinh và Nam Kinh (Trung Quốc).
11. Viên ngoại: Một chức quan giữ việc sổ sách tại các bộ, đặt ra từ thời Lục-triều. Về sau, "Viên ngoại" dần dần trở thành một hư hàm. Chữ "Viên ngoại" ở đây được dùng theo nghĩa này.
14. Chữ: Theo lễ nghi Trung Quốc xưa, người nào cũng có "danh" là tên chính, và "tự" là tên chữ ("Danh" đặt từ khi sinh ra, còn "tự" thì đến khi hai mươi tuổi mới dựa theo "danh" mà đặt ra).
15. Tố Nga: Chỉ người con gái đẹp.
17. Thuý Kiều và Thuý Vân, mỗi người có một vẻ riêng ví như mai có "cốt cách" của mai, tuyết có "tinh thần" của tuyết.
20. Khuông trắng: Khuôn mặt đầy đặn, tròn trĩnh, xinh xắn như mặt trăng. Nét ngài: nét lông mày.
21. Thốt: Tiếng cổ có nghĩa là nói.
- Hoa cười, ngọc thốt: cười tươi như hoa, nói đẹp như ngọc.
25. Thu thủy: Nước mùa thu, Xuân sơn: Núi mùa xuân. Câu nói này ví mắt Kiều trong sáng như làn nước mùa thu, lông mày xinh đẹp như rặng núi mùa xuân.
27. Bài ca của Lý Diên Niên, đời Hán, ca ngợi sắc đẹp của một mỹ nhân có câu:
Nhất cổ khuynh nhân thành
Tái cổ khuynh nhân quốc
Nghĩa là:

Quay lại nhìn một lần thì làm nghiêng thành người

Quay lại nhìn lần nữa thì làm nghiêng nước người.

Do đó, người sau thường dùng chữ nghiêng nước (khuyh quốc), nghiêng thành (khuyh thành) để chỉ sắc đẹp phi thường của người phụ nữ.

Hai chữ một hai trong câu này dịch mấy chữ nhất cố, tái cố ở trên.

28. Câu này có nghĩa là về "sắc" thì chỉ có một mình Kiều là nhất, về "tài" thì họa may ra thì còn có người thứ hai nữa.

31. Cung, thương: Hai âm đứng đầu ngũ âm trong cung bậc nhạc cổ của Trung Quốc: Cung, thương, giốc, trủy, vũ.

Lầu bậc: Lầu thông cung bậc.

32. Hồ cầm: Một loại đàn tỳ bà.

Hồ cầm một trương: Một cây đàn hồ cầm.

34. Bạc mệnh: Tên bản đàn do Thuý Kiều sáng tác. "Bạc mệnh" nghĩa là số mệnh bạc bẽo, mỏng manh.

Não nhân: Làm cho người ta nghe mà não lòng.

35. Hồng quần: Cái quần màu hồng, hai chữ này được dùng để chỉ nữ giới.

36. Cặp kê: Đến tuổi cài trâm (Kê nghĩa là cài trâm). Theo lễ cổ Trung Quốc, con gái 15 tuổi đến thì hứa gả chồng cho nên bắt đầu búi tóc cài trâm.

38. Tường đông: Bức tường ở phía đông. Thời xưa con gái thường ở nhà phía đông. Đây dùng chữ "tường đông" để chỉ chỗ có con gái đẹp ở.

39. Con gái đưa thoi: Chim én bay đi bay lại như chiếc thoi đưa.

40. Thiều quang: ánh sáng tươi đẹp, chỉ tiết mùa xuân. Mùa xuân có 90 ngày (ba tháng), mà đã ngoài 60, tức là đã bước sang tháng ba.

43. Thanh minh: Là tiết đầu của mùa xuân nhằm vào đầu tháng ba.

44. Tảo mộ: Quét mồ. Theo tục cổ, đến tiết Thanh minh con cháu đi viếng và sửa sang lại phần mộ của cha mẹ tổ tiên.

Đạp thanh: Dẫm lên cỏ xanh, chỉ việc trai gái đi chơi xuân, dẫm lên cỏ xanh ngoài đồng, do đó mà gọi hội Thanh minh là hội Đạp thanh.

45. Yến anh: Chim yến (én), chim anh (có khi đọc là oanh), hai loài chim về mùa xuân, thường hay ríu rít từng đàn. Đây ví với cảnh những đoàn người rộng ràng đi chơi xuân.

48. Ngựa đi như nước: Ngựa xe qua lại như nước chảy, hết lớp này đến lớp khác.

áo quần như nêm: ý nói người đông đúc, chen chúc.

49. Ngổn ngang gò đồng kéo lên: Những đoàn người ngổn ngang kéo nhau lên nơi gò đồng.

50. Vàng - vó: Một loại vàng giấy, dùng trong việc đưa ma hoặc lễ hội.

53. Tiểu Khê: Ngòi nước nhỏ.

62. Ca nhi: Con hát.

65. Hồng nhan: Má hồng, chỉ người đẹp.

66. Cành thiên hương: Cành hoa thơm của trời, ví với người đẹp.

70. Trâm gãy bình rơi: ý nói người đẹp đã chết.

72. Dấu xe ngựa: Dấu vết xe ngựa của những khách đến chơi bởi trước đây.

74. Bấy: Biết bao nhiêu.

77. Nếp tử, xe châu: Quan tài bằng gỗ tử và xe đưa đám tang có rèm hạt châu. ý nói người khách mua quan

tài và thuê xe tang chôn cất Đạm Tiên một cách chu đáo.

78. Bụi hồng: do chữ hồng trần, nghĩa là đám bụi đỏ.

Đây muốn ám chỉ năm mộ nằm bên đường, một nấm mồ lưu lại trong cõi trần gió bụi.

79. Thỏ bạc, ác vàng: Người xưa cho rằng trong mặt trăng có con thỏ giã thuốc, trong mặt trời có con quạ vàng ba chân.

82. Châu: Hạt ngọc châu, đây chỉ nước mắt.

85. Hoá công: Thợ tạo hoá, tức là trời.

86. Phượng: Chim phượng trống. Loan: Chim phượng mái. Trong văn cổ, loan phượng dùng để chỉ đôi lứa vợ chồng. ở đây chỉ những khách làng chơi đi lại, chung chạ ái ân với Đạm tiên, ngày trước.

90. Tiệc lục tham hồng: ý nói luyến tiếc, ham sắc đẹp của giai nhân.

94. Suối vàng: Do chữ Hoàng tuyền ở dưới đất có mạch suối, mà đất thuộc màu vàng, nên gọi là hoàng tuyền.

97. Áy: Vàng úa.

112. Vận vào: ý nói lời nào cũng như ám chỉ vào mình.

113. Âm khí: Cái khí cõi âm, cõi chết, ở đây chỉ không khí bãi tha ma.

116. Thể: Thể xác (hữu hình). Phách: Chỉ những cái gì vô hình chỉ dựa vào thể xác mà tồn tại.

118. Hiển linh: Tỏ sự linh thiêng cho mọi người biết.

126. Tinh thành: Lòng thành thuần khiết, lòng chí thành.

128. U hiển: U là tối, chỉ cõi chết. Hiển là sáng rõ, chỉ cõi sống. ý nói: chớ nề kẻ sống, người chết, kẻ cõi âm, người cõi dương.

136. Tay khâu: Tay cầm cương ngựa. ý nói, buông lỏng dây cương cho ngựa đi thong thả.

Dẫm bằng: Như nói dẫm đường đi. Bằng là lướt đi.

137. Lưng túi gió trăng: Tức là lưng túi thơ. Những nhà thơ thời xưa hay ngâm phong vịnh nguyệt, nên người ta gọi thơ là phong nguyệt (gió trăng).

139. Câu: con ngựa, non trẻ, xinh đẹp.

142. Tự tình: Chuyện trò, bày tỏ tâm tình.

143. Hài vãn: Thứ giày thêu mà nho sĩ thời xưa thường dùng.

Dặm xanh: Dặm cỏ xanh.

144. Cây quỳnh, cành giao: Cây ngọc quỳnh và cây ngọc giao. ý nói về khôi ngô tuấn tú của Kim Trọng như làm cho cả một vùng cũng hoá thành đẹp.

146. Hai Kiều: Hai người con gái xinh đẹp, tức hai chị em Thuý Kiều.

148. Trâm anh: Trâm là cái trâm để cài búi tóc. Anh là cái dải mũ, hai thứ dùng trang sức cho cái mũ của người sĩ tử, quan chức. Nhà trâm anh: Chỉ những nhà thế tộc phong kiến, có người đỗ đạt, làm quan.

149. Phú hậu: Giàu có.

150. Nết đất: Theo lối nhà, theo dòng dõi trong nhà, mạch đất đó có truyền thống văn chương.

151. Phong tư: Dáng điệu.

Tài mạo: Tài hoa và dung mạo.

152. Phong nhã: Phong lưu nho nhã. Hào hoa: Sang trọng phong cách có vẻ quý phái. Vào trong là ở trong nhà, Ra ngoài là ra giao thiệp với đời.

154. Đồng thân: Bạn cùng học.

155. Hương lân: Làng xóm, ý nói: Vẫn nghe tiếng khen đồn đại ở vùng lân cận.

156. Đồng tước: Đời tam quốc, Tào Tháo đào sông Chương Hà, bắt được đôi chim sẻ đồng, bèn cho xây ở gần

đó một toà lâu đài, đặt tên là đài Đồng Tước (sẻ đồng), và định hễ đánh thắng Đông Ngô thì bắt hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều (là vợ Tôn sách và vợ Chu Du) đem về đây để vui thú cảnh già. Khoá xuân ở đây là khoá kín tuổi xuân, tức cấm cung, tác giả mượn điển cũ để nói lóng rằng: nhà họ Vương có hai cô gái đẹp cấm cung.

157. Buồng thêu: Buồng người con gái.

158. Chốc mòng: Tiếng cổ, nghĩa là bấy lâu, bấy nay.

159. Giải cầu tương phùng: Cuộc gặp gỡ tình cờ.

160. Đố lá: Hội đố lá, còn gọi là điệp hý, một tục chơi xuân có từ đời nhà Đường. Vào khoảng tháng ba, trai gái đi du xuân, bẻ một cành cây rồi đố nhau xem số lá chẵn hay lẻ để đoán việc may rủi. Đây là dịp để họ làm quen và tìm hiểu nhau.

161. Bóng hồng: Bóng người con gái. Phụ nữ Trung Quốc thời xưa hay mặc quần đỏ nên gọi là bóng hồng.

162. Xuân lan, thu cúc: Hai chị em Kiều, mỗi người có một vẻ đẹp riêng, người như lan mùa xuân, người như cúc mùa thu.

163. Quốc sắc: Sắc đẹp nhất nước, chỉ Thuý Kiều.

166. Chín: Tiếng cổ. Chín khôn: chẳng xong, không xong.

173. Gương nga: Theo truyền thuyết trong cung trăng có chị Hằng Nga, nên thường gọi trăng là "gương nga".

174. Vàng gieo ngấn nước: ánh trăng vàng dọi xuống ngấn nước.

175. Đông lân: Xóm bên đông, nơi có con gái đẹp ở, cũng giống nghĩa chữ "tường đông" (xem chú thích 38).

Hải đường là ngọn đông lân: Cây hải đường ở xóm đông ngả ngọn xuống.

177. Bóng nga: Bóng trăng.

179. Người mà: Chỉ Đạm Tiên.

181. Người đâu: Chỉ Kim Trọng.

186. Triện: Lan can.

187. Tiểu Kiều: Xem chú thích 146.

188. Phong vận: Yếu điệu.

Thanh tân: Thanh tú tươi tắn.

189. Ý nói mặt và thân hình người tiểu kiều đó như có sự và tuyết in phủ lấy.

190. Sen vàng: Chỉ gót chân người đẹp. Đông Hôn Hầu, đời Tề (Nam Bắc Triều), rất yêu quý phi họ Phan, từng đúc hoa sen bằng vàng lát xuống nền nhà, để cho nàng đi lên rồi khen rằng: "Bộ bộ sing liên hoa" (mỗi bước đi nở ra một hoa sen).

Lãng đãng: Tiếng cổ, có nghĩa là đi từ từ chậm chậm, chập chờn mờ tỏ.

192. Đào nguyên: Đời Tần có một người đánh cá chèo thuyền ngược theo một dòng suối đi mãi tới một khu rừng trồng toàn đào, thấy nơi đó có một cảnh sống tuyệt đẹp như nơi tiên ở. Người sau dùng chữ "nguồn đào" hay "động đào" để chỉ cảnh tiên.

193. Thanh khí: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" (cùng một thứ tiếng thì ứng với nhau, cùng một loại khí thì tìm đến nhau).

195. Hàn gia: Hèn là nghèo, gia là mọn, nhà xoàng, lạnh lẽo, nói khiêm tốn.

Tây thiên: Phía trời đằng tây, hoặc cánh đồng phía tây.

197. Hạ cổ: Trông xuống, chiếu cổ đến nhau.

198. Hạ tứ: Ban xuống, ban cho. Cả câu: Hai bài thơ của Kiều lời đẹp ý hay, thật quý báu như là ném cho những hạt châu, gieo cho những thoi vàng vậy.

200. Đoạn trường: Đứt ruột, chỉ sự đau đớn bị thương. Số đoạn trường: Số ghi tên những người phụ nữ bạc mệnh.

201. Quả kiếp nhân duyên: Quả là kết quả. Nhân là nguyên nhân, ý nói duyên (tốt). hay kiếp (xấu) cũng là có nhân với quả cả.
208. Tú khẩu, cảm tâm: Miệng thêu, lòng gấm. ý nói thơ Kiều làm rất hay.
222. Đòi cơn: Nhiều cơn.
223. Trưởng loan: Mản có thêu chim loan.
224. Nhà huyền: chỉ vào bà mẹ. Huyền là cây hoa hiên, theo thuyết cổ, có tính chất làm quên sự lo phiền.
226. Hoa lê: Ví với người đẹp, giọt mưa ví với giọt nước mắt.
228. Dưỡng sinh: Nuôi dưỡng và sinh ra, chỉ công ơn cha mẹ.
235. Mộng triệu: Điều thấy trong mộng.
238. Mạch Tương: Dòng nước mắt. Tương là tên một con sông ở tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc) chảy vào hồ Động Đình. Ngày xưa, vua Thuần đi tuần thú, chết ở phương xa, hai người vợ vua là Nga Hoàng và Nữ Anh đi tìm, đến ngồi trên bờ sông Tương, khóc rất thảm thiết, nước mắt vấy ra những khóm trúc xung quanh, làm cho trúc đó hoá thành những điểm lốm đốm. Về sau, các nhà văn thường dùng chữ mạch Tương, giọt Tương để chỉ nước mắt phụ nữ.
244. Tơ mành: Sợi tơ mong manh. Hai chữ này chỉ chung Kiều và Kim Trọng để kết thúc đoạn nói về Kim Trọng.
245. Thư song: Chỗ cửa sổ phòng đọc sách.
246. Biếng khuây: Không khuây, không khuây.
247. Sầu đông càng lắt càng đầy: ý nói mỗi sầu tương tư, càng ngày càng chồng chất lên mãi.
249. Câu này ý nói: Mây che kín cửa sổ phòng Kiều.
251. Tuần trăng khuyết: Khuyết hết cả một tuần trăng (cứ mỗi kì trăng tròn, gọi là một tuần trăng). Chỉ thời gian suốt cả tháng.
- Đĩa dầu hao: Đĩa dầu hao cạn (vì đèn bị tắt khuya).
254. Ý cả câu: Bút để lâu không viết đến ngọn bị khô đi, đàn để lâu không gảy đến dây bị chùng lại. ý nói Kim Trọng buồn trong tương tư, bỏ cả việc học hành và gảy đàn.
255. Mạch Tương: Mành làm bằng trúc núi Tương.
257. Ba sinh: Do chữ Tam sinh, nghĩa là ba kiếp luân chuyển: "Quá khứ", "hiện tại" và "vị lai" của con người.
260. Kỳ ngộ: Sự gặp gỡ kì lạ.
264. Vĩ lô: Cây lau, cây sậy.
266. Lam Kiều: Vùng đất thuộc Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc). Bùi Hàng, đời Đường, khi thi hỏng về, gặp Vân Kiều tặng bài thơ, có câu: "Lam Kiều tiền thị thân tiên quật, hà tất khi (kì) khu thượng ngọc kinh" (câu Lam là cái tổ tiên đó, hà tất phải vất vả lên để đi thi cử làm gì). Về sau, Hàng đi qua một nơi, gọi là Lam Kiều, khát nước, vào xin nước một nhà bà lão gần đấy thấy Vân Anh, (em Vân Kiều), cháu gái bà, người tuyệt đẹp, Hàng ngó ý cầu hôn, bà lão bảo: Bà cần dùng cối ngọc và chày ngọc để giã thuốc huyền sương (thứ thuốc tiên), nếu có những thứ ấy làm sính lễ sẽ gả con cho. Hàng về tìm được cối và chày ngọc đưa đến, lại ở đấy giã thuốc cho bà lão một trăm ngày, rồi lấy Vân Anh và sau hai vợ chồng cùng lên cõi tiên. ở đây, Lam Kiều chỉ chỗ nhà ở của Kiều.
268. Lá thăm: Do chữ Hồng diệp. vu Hựu, đời Đường, một hôm đi chơi, bắt được chiếc lá đỏ trôi trên ngòi nước từ cung vua chảy ra. Trên lá có đề một bài thơ, Vu Hựu bèn để lại hai câu thơ vào chiếc lá đỏ khác, rồi đem thả nơi đầu ngòi nước, cho trôi vào cung vua. Hàn thị, người cung nữ thả lá đỏ khi trước, lại bắt được lá đỏ của Vu Hựu. Về sau, nhờ dịp vua phóng thích cung nữ, Vu Hựu lấy được Hàn thị.
- Chim xanh: Người ta thường gọi sứ giả đưa tin là "chim xanh" (thanh điểu). Câu này ý nói: Khó thông tin tức mỗi manh với Thuý Kiều.
257. Ngô Việt thương gia: Nhà đi buôn ở nước Ngô, nước Việt (đi buôn xa, nay Ngô, mai Việt).

279. Đá: Đây chỉ núi già (ta thường gọi là núi non bộ) do những tảng đá xếp thành.

280. Lâm Thuý: tên cái hiên của nhà Ngô Việt thương gia. Vì có chữ Thuý trùng với một chữ trong tên Kiều nên Kim Trọng mới mừng thầm là có duyên số tiên định.

281. Bài: Bày ra, xếp đặt sẵn, do chữ "an bài".

283. Song hồ: Cửa sổ dán giấy. Cành mây: Cánh cửa sổ.

285-286. Ý nói: Cửa động bị khoá, cửa nguồn bị ngăn, cho nên tuy nhà Kiều gần có ganh tấc, mà vẫn là xa xôi cách trở.

287. Nhấn từ: Kể từ khi (tiếng cổ).

293. Tường gấm: Do chữ cẩm tường, bức tường gạch có vẽ hoa như gấm (một cách tô điểm văn hoa).

294. Kim thoa: Cái thoa chải tóc bằng vàng.

296. Khuê các: Buồng lầu, nơi ở của con gái nhà sang trọng.

305. Hư không: Bỗng không, tự nhiên.

306. Hợp phố: Tên một quận, trước thuộc Giao châu, nay thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Theo Hán sử: Nguyên xưa, ven bể quận Hợp Phố có loại trai sinh ra một loại ngọc quý, nhưng vì bọn quan tước tham nhũng, bắt nhân dân đi mò ngọc cho chúng, dân tình khổ cực, nên ngọc trai biến đi nơi khác hết. Về sau, có vị quan thanh liêm là Mạnh Thường đến nhận chức, cải cách, chính sự, bãi lệnh mò ngọc, thì ngọc trai lại dần dần trở về. Do đó, người ta thường nói "Châu về Hợp Phố" (Hợp Phố châu hoàn), để chỉ những trường hợp vật báu đã bị mất lại trở về với chủ cũ.

311. Lân lí: Nguyên nghĩa là xóm và làng, đây dùng như nghiã bà con láng giềng.

316. Niềm tây: Nỗi lòng, chút tâm sự riêng.

319. Thang mây: Do chữ vân thê, nguyên là một khí cụ của quân đội thời dùng để treo vào thành bên địch (thanh cao, tưởng có thể bắc tới mây được).

320. Người hâm nọ: Người gặp gỡ hôm đi thanh minh.

Chăng nhe: (từ cổ) phải chăng là.

322. Kê: Chỉ Kim Trọng. Người: Chỉ Kiều, Kim Trọng nhìn tỏ mặt Kiều, mà Kiều thì e thẹn cúi đầu.

323. Ngẫu nhĩ: Tình cờ, cũng như "ngẫu nhiên".

324. Chồn: Mệt mỏi, ý nói sốt ruột lắm.

325. Xương mai: Xương vóc gầy. Cây mai, thân và cành nhỏ bé, nên người ta thường gọi những người xương vóc gầy là mai cốt (xương mai).

Rũ mồn: Gầy mồn, ý nói tương tư mà gầy mồn đi.

327-328: Ý nói suốt tháng tâm thần như gủi ở cung trăng.

330. Đài gương: Giá cao,, trên mặt chiếc gương lớn và hộp đựng đồ trang sức của phụ nữ. Trong văn cổ, thường mượn chữ đài gương để chỉ người phụ nữ.

Dấu bèo: ý nói thân phận hèn mọn như cánh bèo trôi nổi mặt nước. ở đây là lời Kim Trọng tự nói khiêm.

332. Băng tuyết: ý nói trong sạch, thanh bạch. Chắt hăng: Một thể chất lúc nào cũng như thế.

Phỉ phong: Hai thứ rau, người ta dùng lá và củ nấu canh hoặc muối dưa làm món ăn hàng ngày. ý cả câu: Gia đình vốn thanh bạch, mà tư chất thì cũng bình thường, không có tài sắc gì, lời Kiều tự khiêm (Bốn chữ trên nói gia đình, bốn chữ dưới nói bản thân).

333. Lá thăm: đã giảng ở câu 268.

Chỉ hồng: Do chữ xích thăng (sợi dây đỏ) theo sách Tục U quái lục: Vì Cỗ, người đời Đường, đi cầu hôn, vào nghỉ quán trọ, gặp một ông già ngồi dưới bóng trăng, mở cái túi vải, đang kiểm sổ sách. Vì Cỗ hỏi, ông già trả lời: Đây là sổ sách hôn nhân, và chiếc túi vải này dùng đựng những dây đỏ (xích thăng) dùng để buộc chân đôi vợ chồng. Do điển này mà có những danh từ: "chỉ hồng", "tơ hồng" để chỉ việc nhân duyên vợ chồng, và

"Nguyệt lão" (ông già dưới trăng), "Trăng già", "ông Tơ", để chỉ người làm mối mai. Tục xưa: khi cưới vợ, thường làm lễ Tơ hồng, tức là tế ông Nguyệt lão xe dây đỏ đó.

339. Dù chẳng: Dù chẳng, nếu không.

343. Khuôn thiêng: Khuôn tạo hóa, chỉ trời. Khuôn do chữ quân, tức là cái khuôn dùng để nặn đồ gốm. Người xưa ví tạo hoá đúc nặn ra muôn vật như cái khuôn nặn ra các đồ gốm, nên gọi Tạo hoá là Hồng quân, Thiên quân, (khuôn trời).

Tắc thành: Tắc lòng chân thành, thành thực.

345. Lượng xuân: Nguyên nghĩa là tấm lòng tốt đẹp như mùa xuân. Còn có thể giải là tấm lòng của người phụ nữ trẻ tuổi, xinh đẹp.

348. Chiều xuân: Như nói tứ xuân (Xuân tứ).

Nét thu: Nét thu ba, nét sóng thu, tức con mắt.

352. Đá vàng: Do chữ kim thạch. Kim đây là loài đồng, chỉ chuông đồng, vạc đồng; thạch là đá, chỉ bia đá. Thời xưa, những việc lớn, những công đức hay châm ngôn, thường được người ta khắc vào chuông đồng, bia đá, để lưu truyền thiên cổ. Do đó, người ta thường dùng danh từ kim thạch để chỉ cái gì có tính cách vĩnh cửu bền vững, không thay đổi được, như ghi tạc vào vàng đá. Đây nói: Kiều nhận lời gắn bó với Kim Trọng, và xin ghi tạc lời đó, như ghi tạc vào vàng đá.

357. Bả: Bản Trương Vĩnh Ký chú Bả là cầm.

Quạt hoa quì: Chiếc quạt bằng lá quì vẽ hoa.

359. Tắt giao: Sơn và keo, chỉ tình nghĩa gắn bó bền chặt với nhau như hai chất keo và sơn.

362. Lầu trang: Lầu trang điểm, chỉ dùng lầu ở của phụ nữ.

363. Đá biết tuổi vàng: Muốn xem vàng bao nhiêu tuổi, xấu tốt thế nào, người ta thường dùng thứ đá cuội đen để thử, gọi là hòn đá thử vàng. Qua sự trao đổi, Kim-Kiều đã hiểu biết và yêu nhau, như đá biết rõ tuổi vàng.

365. Sông thương: Hai câu này lấy ý ở bài thơ trong Tình sử:

" Quân tại Tương giang đầu,

Thiếp tại Tương giang vĩ,

Tương tư bất tương kiến,

Đồng ầm Tương giang thủy"

Dịch nghĩa:

Chàng ở đầu sông Tương,

Thiếp ở cuối sông Tương,

Nhớ nhau mà chẳng thấy nhau,

Cùng uống nước sông Tương.

367. Tuyết trở sương che: ý nói bức tường của nhà Kiều với nhà Kim Trọng như có tuyết sương ngăn trở, che khuất khiến cho hai người gặp gỡ trao đổi tin tức.

370. Thư hồng rằm lục: Màu đỏ ít đi, màu xanh rậm thêm, tức là mùa xuân sắp qua, mùa hạ sắp tới.

372. Hai đường: Do chữ song đường (xuân đường và huyền đường) chỉ cha mẹ.

375. Nhà lan: Do chữ lan thất.

377. Thì trân: Những thức ăn quý đương mùa. Thuý Kiều mang sang để tiếp Kim Trọng. Chú ý, "sẵn bày" ở đây không phải là bày biện ra bàn ở nhà Kiều.

382. Lửa hương: Hai chữ này thường dùng để chỉ tình duyên vợ chồng.

384. Hoa râu: Hoa cây râu, sắc trắng, ví mái tóc lốm đốm bạc trông như những chấm hoa râu.

386. TRI âm: Hiểu biết tiếng đàn. Đờn Xuân Thu, Bá Nha, một người giỏi đàn, Chung Tử Kỳ, một người giỏi

nghe đàn, đều nổi tiếng, cùng làm bạn với nhau. Tử Kỳ hiểu được tâm hồn bạn trong tiếng đàn, khi Bá Nha gảy đàn, như núi Thái - Sơn", khi Bá Nha nghĩ đến dòng chảy (lưu thủy), thì Tử Kỳ khen: "Tiếng đàn cuộn cuộn như sông Giang, sông Hà". Sau Tử Kỳ chết, Bá Nha đứt dây, đập đàn ra, và than rằng: "Trong thiên hạ không còn ai là tri âm (người hiểu biết tiếng đàn của mình) nữa". Về sau, tri âm dùng để chỉ bạn thân, tri kỷ, hoặc bạn tình.

389. Núi giả: Chữ Hán là giả sơn, tức là núi non bộ.

391. Động đào: Tức động Đào nguyên.

392. Thiên thai: Tên một núi ở tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, Tương truyền đời Hán, Lưu Thần và Nguyễn Triệu lên núi Thiên Thai hái thuốc gặp tiên nữ rồi cùng nhau kết duyên ở đây.

394. Vạn phúc: Lời chào hỏi chúc mừng khi gặp nhau. Hàn thuyên: lạnh ấm, lời hỏi thăm sức khỏe.

396. Phong nguyệt: Lời thơ trăng gió vui chơi. Non sông: Lấy núi sông mà nguyện ước (sông cạn, núi mòn, lời thề cũng không thay đổi).

397. Yên: Bàn sách, Bút giá: Cái giá để gác bút. Thi đồng: Cái ống đựng thơ.

398. Đạm thanh: Màu xanh nhạt, chỉ màu bức tranh cây thông của Kim Trọng.

399. Phong sương: Gió và sương. Bức tranh cây thông vẽ rất tự nhiên như có đượm cả phong sương.

402. Phẩm đề: Đề lời vịnh bức tranh. Thêm hoa: Thêm vẻ đẹp. ý nói bức tranh mới vẽ xong, xin đề mấy vần thơ cho tăng thêm vẻ đẹp.

403. Tay tiên: Bàn tay người đẹp, người tiên.

405. Nhả ngọc phun châu: Tài xuất khẩu thành thơ hay, như nhả ra ngọc, phun ra châu.

406. Nàng Ban: Nàng Ban Chiêu, đời Đông Hán. Nàng học rộng tài cao, được vua Hán vời đến giúp soạn sách.

Ả Tạ: Nàng Tạ Đạo Uẩn, đời Tấn, là người thông minh, có học thức.

410. Ngọc bội: Đồ đeo bằng ngọc. Chữ dùng chỉ chung người ta đã hiến đạt và có quan chức.

Kim môn: Tức Kim mã môn nói tắt, tên cửa cung Vị ương của vua nhà Hán (cửa cung có để tượng ngựa đồng nên gọi là Kim mã). Đời Hán Vũ Đế, thường cho những người có văn tài đến đợi ở đây, để chờ nhà vua hỏi han về chính sự. Kiều muốn nói Kim Trọng không là nhà quan cũng là người học cao.

412. Khuôn xanh: Cũng như khuôn thiêng, sự sắp đặt của trời.

414. Tướng sĩ: Thày xem tướng.

415. Anh hoa: Những cái tinh hoa tốt đẹp.

419. Giải cẩu: Cuộc gặp gỡ tình cờ.

420. Nhân định thắng thiên: ý nói: Người ta cũng có thể làm thay đổi được cả số trời.

421. Giải kết: Giải là cởi, kết là mối buộc. ý nói, chúng ta đã ràng buộc với nhau, nếu có sự chia rẽ thì quyết liều thân để giữ lời vàng đá.

423. Trung khúc: Những sự uỷ khúc ở trong lòng, như nói tâm tình, tâm sự.

424. Tàng tàng: Say say, ngà ngà.

425. Giang: ý nói ngày ngắn lắm.

428. Song sa: Cửa sổ có che vải sa, cũng như song the, chỉ phòng ở của Kiều.

430. Hai thân: Cha mẹ, do chữ song thân, tức thân phụ (cha) và thân mẫu (mẹ).

433. Nhật thừa: Mau và thừa, chỉ ánh trăng. Ánh trăng giọi bóng cành lá cây xuống làm cho mặt đất chỗ sáng, chỗ tối.

434. Trưởng huỳnh: Trưởng là cái màn, huỳnh là con đom đóm. Đời Tấn, Xa Dận ham học, nhà nghèo, đêm khôn có đèn, phải bắt con đom đóm đựng vào túi lụa thưa để mà đọc sách. Chỉ phòng học của Kim Trọng.

437. Tiếng sen: Bước chân của người đẹp. Giấc hòe: Theo sách Nam kha ký: Thuần Vu Phần đời Đường, ngày

sinh nhật, uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hoè già ở phía nam nhà ông, liền mộng thấy đến một nước gọi là "Đại Hoè An", được vua nước ấy gả công chúa, và cho làm quan Thái thú quận Nam Kha, vinh hiển hơn hai mươi năm. Khi tỉnh dậy, chỉ thấy dưới gốc hoè một tổ kiến lớn, trong có con kiến chúa, mới hiểu đó là nước và vua Hoè An (gốc hoè yên ổn), còn Nam Kha tức là cảnh hoè phía nam nhằm thẳng xuống tổ kiến. Do đó, người ta nói "giấc Nam Kha" hay "giấc hoè" để chỉ cuộc phú quý hư ảo.

438. Đây nói, Kim Trọng sức tình thấy ánh trăng đưa bóng hoa lê tới gần.

439. Đỉnh Giáp: Đỉnh núi Vu Giáp (hay Vu Sơn). Vua Sở Hoài Vương đi chơi quán Cao Đường, mộng thấy một người đàn bà đẹp, và tự xưng là thần núi Vu Sơn, sớm làm mây, chiều làm mưa. Do tích này, người ta thường dùng chữ "mây mưa" để chỉ việc ân ái giữa trai gái.

Non thần: núi Thần nữ chỗ ở của nàng tiên gặp vua Sở nói trên.

446. Đài sen: Cái để thả nên làm hình hoa sen.

Song đào: Chỗ cửa sổ có trồng cây đào.

447. Tiên thề: Giấy hoa tiên (giấy viết thư từ có vẽ hoa ghi chép lời thề).

452. Đồng: Đồng tâm, cùng một lòng với nhau. Người xưa, thường tặng nhau dây lưng gấm, kết thành vòng hồi văn, ngụ ý thân yêu quấn quýt, gọi là cái "đồng tâm kết".

453. Hà: Ráng mặt trời. Chén hà do chữ hà bôi thứ chén bằng ngọc màu ráng đỏ, đây dùng nói chén quý.

Quỳnh tương: nước ngọt, ví như rượu ngon quý.

454. Ý nói Kiều với Kim Trọng, ngồi kề nhau, mùi hương quần áo như là hoà lộn với nhau, mà trong bình gương, bóng hai người cũng như lồng đôi với nhau.

457. Chày sương, cầu Lam: đã chú ở câu 266.

458. Sầm sờ: Là lời không đứng đắn.

459. Hồng điệp, xích thẳng: xen câu 268 và 238.

460. Tương tri: Biết lòng nhau, thông cảm nhau.

461. Nguyệt nọ, hoa kia: Chuyện trai gái bất chính.

463. Cầm đài: Cái đài ngồi gảy đàn của Tư Mã Tương Như, một nhà giỏi đàn đời Tây Hán.

464. Nước non: Do chữ lưu thủy, cao sơn (nước chảy, non cao), những tiếng đàn của Bá Nha mà Chung Tử Kỳ nghe và phân biệt được. Đây Kim Trọng đề cao Kiều lên ngang tài với Bá Nha, và tự cho mình là Chung Tử Kỳ.

465. Tiệp Kỳ: Nghề mọn, lời nói nhún.

467. Cầm trăng: Túc nguyệt cầm, ta gọi là đàn nguyệt.

468. Tây nâng ngang mày: Thái độ tỏ ý trân trọng.

470. Bận lòng: khó nghĩ. Lắm thân: tiếng cổ, có nghĩa là "lắm thay".

471. Vũ, văn: Vũ là dây đàn to, văn là dây đàn nhỏ.

472. Cung thương: xem câu 31.

473. Hán sở chiến trường: Bãi chiến trường giữa đời Hán, và nước Sở. Cuối đời Tần, Lưu Bang (Hán Cao tổ) và Hạng Vũ (Sở Bá vương) đánh nhau nhiều trận kịch liệt.

474. Tiếng sắt, tiếng vàng: Tiếng khí giới bằng sắt, bằng kim loại va chạm xô xát nhau.

475. Tư mã phượng cầu: Tư mã Tương Như người đời Hán, có văn tài, ở đất Lâm Cùng, Trác Vương Tôn, có con gái là Văn Quân, người đẹp mà mới góa chồng. Tương Như gảy khúc đàn "Phượng cầu hoàng" để tỏ tình với Văn Quân cảm tiếng đàn, đêm ấy, bỏ nhà trốn theo Tương Như.

477. Kê Khang, Quảng Lăng: Kê Khang, đời Tam quốc, đêm gảy đàn cầm ở đình Hoa Dương, bỗng có người khách lạ tới dạy cho khúc "Quảng Lăng tán", âm điệu tuyệt hay.

478. Lưu thủy, hành vân: Nước chảy, mây bay. Ý nói khúc đàn thanh thoát lưu loát.

479. Quá quan: Đi qua cửa ải. Chiêu Quân: Tên chữ của Vương Tường, một cung nữ đời Hán Nguyên đế, bị gả cho chúa Hung nô, khi qua cửa ải, vào đất Hung nô, Chiêu Quân thường gảy khúc đàn tỳ bà để tỏ nỗi lòng nhớ nhà, nhớ nước.

482. Tiếng suối: Tiếng đàn nghe đục như tiếng âm ì của dòng suối dội ở lưng chừng núi xuống.

488. Chín khúc: Chỉ các khúc ruột chứ không nhất thiết phải đúng chín khúc ruột.

491. Tiêu tao: Chính nghĩa là tiêu điều, thê lương, đây dùng chỉ tiếng đàn buồn rầu, sầu não.

492. Dột: ứ dột.

Nao nao: Xao xuyến, đau xót.

495. Lời vàng: Lời khuyên quý giá.

497. Hoa hương: Hoá có hương thơm. Thức hồng: vẻ hồng. Càng đàn, càng thơ, nàng Kiều càng đẹp, tình ý đôi bên càng nồng nàn.

501. Làm chơi: Xem vấn đề là thường, không quan trọng.

503. Yêu đào: Cây đào non, lấy chữ ở thơ "Đào yêu", Kinh thi: Đào chi yêu yêu (cây đào non mơn mớn) ví với người con gái trẻ mà đẹp, đã đến tuổi đi lấy chồng.

505. Bồ kinh: Bồ là vài, kinh là cây kinh, một loại cây mọc thành cụm, hoa màu tím nhạt, cành và thân cứng rắn, thời xưa, những phụ nữ nghèo thường dùng cành nó làm trâm cài tóc.

Ở đây, ý Kiều nói: Đã cho vào hang người vợ chính thức như hạng bồ kinh thời xưa (không phải là nhân tình, nhân ngãi).

506. Tòng phu: Theo chồng, chỉ cái đạo làm vợ, theo quan niệm Nho giáo xưa.

507. Trên Bộc, trong dâu: Trong bãi dâu, trên sông Bộc. Xưa ở nước Vệ, đời Xuân Thu, có tục trai gái hẹn hò, tụ hội nhau ở bãi dâu trên sông Bộc để hát hổng, đùa bỡn, làm việc dâm đẳng.

511. Kỳ ngộ: Cuộc gặp gỡ kỳ lạ, chỉ cuộc nhân duyên tốt đẹp của đôi tài tử giai nhân.

514. Thôi, Trương: Theo Tây sương ký: Thôi Oanh và Trương Cung, tên tự là Quân Thuy, đời Đường, là đôi trai tài, gái sắc, đẹp đôi, vừa lứa, đã gặp gỡ và yêu nhau ở chái tây chùa Phổ Cứu, đất Bồ Đông, nhưng vì đã đi lại ăn nằm với nhau, nên về sau chán nhau mà bỏ nhau.

Đá vàng: Đây chỉ tình vợ chồng chung thủy, đoan chính.

514. Yến anh: Đây ví với cặp trai gái.

515. Chắp cánh liền cành: Nói khi ăn nằm ân ái với nhau. Theo bài Trường hận ca của Bạch Cư Dị, vua Đường Huyền tông và Đường quý phi nguyện với nhau trong đêm "thất tịch": Tại thiên nguyện tác ti dục diểu, tại địa nguyện vi liên lí chí (trên trời nguyện làm đôi chim liền cánh, dưới đất nguyện là hai cây liền cành).

517. Mái tây: Do chữ tây sương, tức chái tây chùa Phổ Cứu, nơi Thôi, Trương gặp gỡ nhau.

Hương nguyên: Nén hương để thề nguyện.

519. Gieo thoi: Các sách thường dẫn điển sau đây: Tà Côn đời Tấn, gheo người con gái đang ngồi dệt cửi, bị cô ta cần cái thoi ném vào mặt, gãy mất hai cái răng (theo Tấn thư).

524. Vì: Nể, tiếng cổ, cũng có nghĩa là yêu (yêu vì Nặng lòng xót liễu vì hoa).

525. Bóng tàu: Bóng mái nhà (Tàu: Miếng gỗ dài đặt dọc ở mái hiên, để đỡ lấy mái nhà, gần chỗ giọt tranh).

Vẻ ngân: Vẻ sáng như bạc, chỉ ánh trăng.

528. Sân đào: Sân có trồng cây đào.

530. Gia đồng: Người phục dịch công việc ở trong nhà.

Thúc phụ: Chú ruột.

Từ đường: Từ bỏ nơi nhà ở, tức là chết.

532. Lữ thẩn: Chết nhưng mà chưa chôn, quan tài còn tạm ở nơi đất khách.

533. Liêu dương: Tên đất, nay thuộc tỉnh Liêu Ninh (Trung Quốc) nơi chủ ruột Kim Trọng chết.

Sơn khô: Núi và khe ngòi.

534. Xuân đường: Cha, Xuân là một loại cây sống rất lâu. Người sau nhân gọi cha là xuân hay Xuân đường (nhà xuân), có ý mong cha được tuổi thọ như cây ấy.

Hộ tang: Trông coi việc tang.

535. Măng: Tiếng cổ.

Măng tin: Mới chợt nghe tin.

536. Đài trang: Do chữ trang đài, nơi trang điểm của phụ nữ.

537. Đinh ninh: cẩn kễ, đến nơi đến chốn.

539. Đồi hồi: Giải bày, trò chuyện hết lời với nhau.

540. Trao tơ: Chỉ việc kết hôn. Theo sách Khai nguyên Thiên bảo di sự: Trương Gia Trinh, tể tướng nhà Đường, có năm con gái, muốn gả một người cho Quách Nguyên Chấn, đô đốc Lương Châu, người đẹp mà có tài nghệ, bèn bảo năm con đứng sau một bức màn, mỗi người cầm một sợi dây tơ dài, dòng ra ngoài, và cho Nguyên Chấn tùy ý kéo lấy một sợi, trúng sợi nào thì lấy người cầm sợi ấy. Nguyên Chấn được kéo sợi tơ đỏ, lấy người con thứ ba, rất đẹp.

543. Ba đồng: Ba năm để tang.

544. Chầy: Còn chậm, còn lâu ngày.

545. Gìn vàng giữ ngọc: Giữ thân thể cho được khoẻ mạnh, và cũng ngụ ý giữ gìn mối tình cho được thủy chung, trong sạch.

556. Ôm cầm thuyền ai: Ôm đàn sang thuyền của người khác, tức là đi lấy chồng khác.

566. Quyên: Chim đỗ quyên, tức chim quốc. Đây tả cảnh cuối hè, sang thu. Tiếng quyên kêu còn ra rả (nhặt) đầu cành và bóng nhạn đã thấy bay loáng thoáng (thưa) ở chân trời.

567. Cữ, tuần: Người xưa thường tính bảy ngày là một cữ, và mười ngày là một tuần.

568. Tương tư: Nguyên nghĩa là ở xa cách mà cùng nhớ nhau, sau người ta mượn để nói sự nhớ nhau của đôi trai gái yêu nhau.

570. Chín hồi: Do chữ cửu hồi, ruột chín lần bị đau quặn lại..

574. Ngoại hương: Làng ngoại, quê ngoại.

Giải đề: Giải bày, chuyện trò.

576. Sai nha: Nha lại do quan trên sai phái đi.

577. Thước: Tay thước, một thứ vũ khí cổ, bằng gỗ, dài độ một thước tây, cạnh vuông bốn góc, dùng để đánh người.

Nách thước: Nách cặp tay thước.

Đao: Dao to, mã tấu, thứ vũ khí bằng sắt, lưỡi to.

579. Già: Cái gông. Giang: Khiêng đi, giải đi. ở đây nói cha con viên ngoại và Vương quan bị đóng gông lại.

583. Tế nhuyễn: Nhỏ bé, mềm mại, chỉ chung những đồ vàng ngọc quý giá và trang sức, quần áo để mang đi.

585. Bay buộc: ý nói cái tai vạ tự đâu bay đến, buộc vào.

586. Dậm: Một dụng cụ đánh cá.

588. Xưng xuất: Xưng ra, khai ra.

590. Loà mây: Làm mờ cả bầu trời. ý nói: một vụ hết sức oan uổng.

594. Hạ từ: Hạ lời, nói lời thanh minh để kêu cầu van xin.

Lân tuất: Thương xót, thương tình. ý cả câu: tội sai nha cứ phủ tay đánh đập, mặc những lời kêu van của nhà

Kiều, chúng chỉ làm điếc làm ngơ.

593. Rường cao: Thanh rường nhà bắc ở trên cao. Dây oan: Dây trói oan uổng. Tội sai nha trói và treo ngược hai cha con họ Vương lên rường nhà.

599. Cốt nhục: Ruột thịt, chỉ Vương ông và Vương Quan.

600. Ngộ biến tông quyền: Gặp cảnh biến phải theo đạo "quyền" (không thể giữ nguyên đạo "kinh" như lúc bình thường được). ý nói: Phải tuý theo hoàn cảnh mà xử sự cho thích hợp.

601. Hội ngộ: Gặp gỡ gần bó nhau. Chỉ mối tình duyên giữa Kiều với Kim Trọng.

Cù lao: Công ơn sinh dưỡng khó nhọc của cha mẹ.

603. Thệ hải minh sơn: Chỉ non thề bể.

604. Sinh thành: Công ơn cha mẹ sinh ra và nuôi dưỡng nên người.

605. Hạ tình: Tỏ bày ý nghĩ.

606. Rẽ cho: Lời gạt đi ý kiến những người khác để nói lên ý kiến của mình một cách kiên quyết.

607. Lại già: Người già lại già.

608. Nha dịch: Người làm việc ở nơi gia môn, tức nơi công sở của các phủ huyện.

614. Qui liệu: Thu xếp, lo liệu.

617. Tử biệt sinh ly: Chết vĩnh biệt nhau gọi là "tử biệt", sống mà xa lìa nhau gọi là "sinh ly". Đó là hai cảnh thương tâm lớn của đời người. Tuy là hai cảnh, nhưng người ta thường dùng làm một thành ngữ, để nói chung cho người gặp cảnh "tử biệt" cũng như người gặp cảnh "sinh ly".

619. Hạt mưa: Chỉ thân phận người con gái

Ca dao:

Thân em như hạt mưa sa,

Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cấy.

620. Tắc cỏ, ba xuân: Do chữ tẩn thảo, tâm xuân. Thơ tả tình đi chơi xa nhớ mẹ của Mạnh Giao đời Đường có câu: Dục tương thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy (Ai bảo cái lòng của ngọn cỏ một tắc (ngọn cỏ ngắn) báo đáp được ánh sáng ấm áp của ba tháng xuân). Tắc cỏ: Ví với người con. Ba xuân Ví với công ơn cha mẹ.

621. Bằng nhân: Người làm mối.

622. Tin sương: Do chữ sương tín. Tin sương là ngụ ý chỉ tin tức truyền đi.

624. Viễn khách: Khách phương xa.

625. Giám sinh: Sinh viên học tại Quốc tử giám, một thứ trường đại học của triều đình phong kiến, lập ở kinh đô để đào tạo người ra làm quan.

626. Lâm thanh: Một huyện thuộc tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc).

627. Tử tuần: Bốn mươi tuổi (mỗi một tuần là mười tuổi).

630. Nỗi mình: Nỗi riêng của mình, chỉ cuộc tình duyên dở dang với Kim Trọng. Nỗi nhà: Nỗi tai vạ của toàn gia đình họ Vương.

635. Rợn gió: Sợ gió.

638. Điệu: Cách điệu, cốt cách.

644. Sinh nghi: Đồ dẫn cưới, tiền dẫn cưới.

645. Nghìn vàng: Đời hán, một nghìn vàng tức là một cân vàng, sau dùng để chỉ nghìn lạng vàng.

646. Rớp nhà: Nhà gặp lúc hoạn nạn.

649. Êm dằm: ý nói sự việc đã lo lốt xong xuôi, êm thấm, giống như chiếc thuyền đã đứng êm dằm, khôn còn trôi thành nữa.

650. Canh thiếp: Lá thiếp biên tên, tuổi (nhân trong thiếp có biên tuổi, tức niên canh, nên gọi là canh thiếp). Theo hôn lễ xưa, khi bắt đầu đàm hỏi, nhà trai, nhà gái trao đổi canh thiếp của trai gái để đính ước với nhau.

651. Nạp thái: Chỉ lễ dẫn đồ cưới.

Vu qui: Về nhà chồng, chỉ lễ đón dâu.

654. Khất tử: Đơn xin (Nhà Kiều làm đơn xin tạm tha cho Vương ông).

658. Gieo cầu: Hán Vũ đế kén phò mã, cho công chúa ngồi lên lầu, ném quả cầu xuống, ai cướp được thì làm phò mã.

660. Vu thác: Vu là đổ tội cho, thác là đặt điều ra.

669. Một mảnh hồng nhan: Như nói một mụn con gái.

671. Nàng Oanh: Nàng Đề Oanh. Theo Liệt nữ truyện: Đề Oanh người đời Hán, khi cha nàng là Thuấn Vu ý, phạm tội, bị hạ ngục ở Trảng An, chờ ngày hành hình, Đề Oanh dâng thư lên vua Văn đế, xin nộp mình làm giá hầu cho các nhà quan để chuộc tội cho cha, Văn đế cảm động, xuống chiếu tha cho cha nàng.

672. ả Lý: Nàng Lý Ký. Theo sách Đường đại tông thư: Lý Ký, đời Đường nhà nghèo, tự nguyện bán mình cho người làng đem cúng thần rắn, để lấy tiền nuôi cha mẹ. Về sau nàng chém chết thần rắn, rồi lấy vua Việt vương.

673. Cối xuân: Gốc cây xuân, chỉ người cha. Sách xưa nói: Tuổi hạc: Tuổi con chim hạc, như nói tuổi thọ. Sách xưa nói, chim hạc sống lâu một nghìn năm.

675. Lòng tơ: Tấm lòng thương con vương vẫn không dứt.

676. Gió mưa: Chỉ những tai biến xảy đến.

Nước non: Chỉ cơ nghiệp nhà (nước non cũng như giang sơn).

678. Hoa dù ră cánh: Tức cây còn xanh lá, nói Vương ông được an toàn.

679. Cũng vậy: cũng vậy, cũng thế thôi.

680. Đậu: Một cái hoa kết được thành quả, hay một cái quả giữ được đến lúc chín, không bị nửa chừng rụng đi, thì người ta gọi là cái hoa đậu, cái quả đậu. Cả câu: ý nói cũng xem như là đã chết ngay từ lúc còn nhỏ tuổi.

691. Giúp vì: Giúp đỡ.

692. Lễ tâm: Lễ vật của dân sự "thành tâm" đem dứt lốt cho bọn quan lại. Tụng kỳ: Kỳ xử kiện, tức phiên xử án.

694. Tinh kỳ: Người ta thường dùng chữ tinh kỳ để chỉ cái ngày thành hôn, vì theo hôn lễ xưa, người ta đón dâu vào buổi tối.

697. Dầu: Cũng như nghĩa đành (dầu lòng, đành lòng).

698. Một lời: Một lời thề nguyện. ý Kiều nói: Số phận ra sao cũng đành, nhưng chỉ đau lòng là trót đeo đẳng lời thề với Kim Trọng.

703. Trời liêu: Liêu dương.

707. Tái sinh: Một kiếp sống nữa, kiếp sau cũng như nói lại sinh

Hương thề: Mảnh hương thề nguyện. Xem chú thích 517.

708. Trâu ngựa: Theo thuyết luân hồi nhà Phật: Người nào kiếp này mắc nợ ai mà chưa trả được, thì kiếp sau phải hoá làm thân trâu ngựa nhà người ta để đền trả cho xong.

Nghi: Tức là chữ "nghĩa" được đọc chệch ra.

Trúc mai: Tình nghĩa bền chặt thân thiết như vậy cây trúc, cây mai thường được trồng gần nhau.

710. Khối tình: Tình sử: Xưa có một cô gái yêu một người lái buôn. Người lái buôn đi mãi chưa về, cô ta ốm tương tư mà chết. Khi hoá táng, quả tim kết thành một khối rắn, đốt không cháy, đập không vỡ. Sau người lái buôn trở về, thương khóc, nước mắt nhỏ vào khối ấy liền tan ra thành huyết.

Tuyền đài: Nơi ở dưới suối vàng, tức nơi ở của người chết.

711. Bàn hoàn: ở đây có nghĩa là nghĩ quanh, nghĩ quẩn mãi không dứt.

713. Giấc xuân: Giấc ngủ ngon lành.

715. Cơ trời: Tức thiên cơ, máy trời.

Dâu bể: Cũng như "bể dâu".

Đa đoan: Nhiều mối nhiều việc.

717. Nhẫn: Tiếng cổ, ngồi nhẫn là ngồi mãi suốt đêm.

726. Kéo loan: do chữ loan giao, tức thứ keo chế bằng máu chim loan. Tương truyền người xưa thường dùng để nối dây đàn và dây cung.

Mối tơ thừa: Ví dây tơ tình với dây đàn, dây tơ tình bị đứt.

723. Lời non nước: Lời thề nguyện chỉ non thề bể.

734. Chín suối: Do chữ cửu tuyền, chỉ nơi suối vàng.

735. Tờ mây: Tờ giấy vẽ mây, tức tờ giấy ghi lời thề nguyện của Kim, Kiều.

740. Mảnh hương nguyên: Những mảnh gỗ thơm đã đốt dở trong cuộc thề nguyện của Kim, Kiều. Thời xưa, khi thề nguyện với nhau, người ta thường đốt hương.

746. Bồ liễu: Một loại cây ưa mọc gần nước. Cây bồ liễu rụng lá sớm hơn hết các loài cây, vì cái thể chất yếu đuối đó nên trong văn cổ thường dùng để ví với người phụ nữ.

747. Dạ dài: Đêm tối, nghĩa bóng là cõi chết.

749. Trâm gãy bình tan: Thơ Bạch Cư Dị, đời Đường: Bình trạc trâm chiết thị hà như, tự thiếp kim triêu dĩ quân biệt. (Cái cảnh bình rơi trâm gãy là thế nào? nó giống như cảnh biệt ly của thiếp với chàng buổi sáng nay). Đây dùng chỉ cuộc tình duyên tan vỡ.

751. Tình quân: Người tình, cũng như tình lang.

753. Phận bạc: Chính nghĩa là phận mỏng, tức bạc mệnh.

754. Nước chảy hoa trôi: Hoa rụng xuống, nước trôi đi, nguyên chỉ cảnh xuân tàn, sau thường mượn để nói sự tàn tạ của đời người.

759. Xuân huyên: Xuân đường, huyên đường, tức cha mẹ.

762. Vững: Cơn ngất, bất tỉnh nhân sự.

Giọt hồng: Giọt nước mắt có máu, giọt lệ thảm.

769. Nói tình duyên nửa chừng bị chia lìa, tan vỡ.

772. Mòn bia đá: Chỉ một khoảng thời gian rất lâu.

Tắc vàng: Tắc lòng bền vững như vàng.

773. Chiềng: Trình, tiếng cổ.

775. Tôi đòi: Kiều bán mình làm vợ lẽ nàng tự xem như kẻ ăn người ở.

Mấy hồi:_MANY hồi trống tan canh.

780. Quân huyên: Chính nghĩa là ống trúc và dây đàn, thường dùng chỉ đàn. Đây nói họ Mã đưa các đồ âm nhạc đến đón Kiều.

782. Đại ý cả câu: Giọt lệ rơi xuống, có thể thấm qua cả đá, tơ ruột rút ra, có thể làm chết rử cả con tằm.

785. Trú phường: Chỗ phố trọ, nhà trọ.

786. Xuân khoá: Chữ xuân ở đây không phải là mùa xuân. Chú ý: lúc Mã Giám sinh đón Kiều là mùa thu: Đêm thu một khắc một chầy.

787. Lục hồng: Màu lá xanh, màu hoa đỏ thường dùng để chỉ sắc đẹp của phụ nữ.

788. Nghĩ lòng: Nghĩ riêng trong lòng.

Đòi phen: Nhiều phen, nhiều lúc.

789. Phẩm tiên: Cửa trên cõi tiên. Hèn hạ, tục tằn.

790. Nặng giữ mưa gìn: ý nói giữ gìn trinh tiết một cách thận trọng.

792. Nhị đào: Hoa đào còn phong nhị ví với người con gái còn trinh.

793. Gió đông: Tiếp ý chữ nhị đào ở trên, ý nói: Không để cho người tình chung bề nhị đào, giống như ngăn đón gió đông không cho đến với nhị đào vậy.

795. Trùng phùng: Gặp gỡ lần thứ hai, ý nói đến sau này lại gặp Kim Trọng.

799. Yên: Cái án, một loại bàn cổ, chân cao, bề mặt hẹp và dài.

806. Phong tình: ăn chơi phóng đãng bất chính.

809. Lầu xanh: Do chữ thanh lâu: Cái lầu sơn màu xanh. Chữ thanh lâu nguyên chỉ lầu ở của phái quyền quý hay vua chúa, hoặc chỉ lầu ở của mỹ nhân. Về sau thanh lâu mới có nghĩa là nhà hát, nhà điểm.

810. Làng chơi: thuộc loại gái điểm gái làng chơi.

812. Mạt cửa mướp đẳng: Chuyện cổ tích: "Một người lấy mạt cửa làm cám, đợi lúc nhá nhem tối, đem ra chợ bán, lại gặp một người đem mướp đẳng giả làm dưa chuột ra bán. Hai người bán lẫn cho nhau, thế là bợm lại mắc bợm". Đây nói Mã Giám sinh và Tú bà cùng là phường bịp.

814. Buôn phẩn bán hương: Mua những con gái ở các nơi về làm gái điểm. Phẩn và hương là hai thứ nữ giới dùng để trang điểm, nên mượn để chỉ chung nữ giới.

Đã lẽ: ý nói đã thành nề nếp, đã quen nghề.

815. Chợ: Kẻ chợ, tức nơi thành thị, đô hội. Khấp chợ thì quê: Lối nói cổ, có nghĩa là: khắp chợ cùng quê, khắp vùng kẻ chợ đến miền thôn quê.

816. Giả danh hầu hạ: Mượn tiếng là tìm nàng hầu vợ lẽ để về hầu hạ.

Dạy nghề ăn chơi: Dạy nghề làm gái điểm kiếm tiền.

819. Thuyền duyên: Nguyên nghĩa là óng ả xinh tươi để chỉ người phụ nữ đẹp.

821. Mẹo lừa: mưu mẹo lừa dối.

Khuôn: Như nói vành, đã mắc vào vành không ra được nữa.

822. Nghinh hôn: Đón dâu.

823. Cờ đến tay: Đây mượn câu tục ngữ: Cờ đến tay ai, người nấy phất, để nói ý nghĩ của Mã: Kiều đã vào tay mình rồi muốn làm gì thì làm.

824. Vẻ ngọc: Vẻ mặt đẹp như ngọc.

Khúc vàng: Khúc lòng.

826. Câu này do chữ nhất tiểu thiên kim: Một nụ cười của người đẹp đáng giá nghìn vàng.

827. Bẻ hoa: Tức phá trinh tiết của Kiều.

828. Vương tôn: Chỉ con gái các nhà quý phái.

834. Câu này ý nói: Đào tiên đã tới tay, thì vin cành bẻ phất đi cho thoả sự đời (tức là làm ngay cái việc "nước trước bẻ hoa" ở trên).

835. Dưới trần: Như nói trong cõi đời, ở đời. Mấy mặt: Mấy người.

836. Biết hoa: Biết giá trị của hoa. ý nói: Bọn làng chơi đã dễ mấy người phân biệt được gái tân với gái mất tân.

837. Nước vỏ lựu, mái mào gà: Theo sách Bắc lý chi: Gái thanh lâu tiếp khách xong, lại lấy nước vỏ lựu máu mào gà sống để rửa, giả làm gái còn tân để đánh lừa khách chơi.

838. Chiêu tập: Dùng cách sửa chữa làm như còn nguyên vẹn.

839. Con đen: Những người còn trẻ tuổi mà khờ dại, đây chỉ những khách chơi không sành sỏi.
845. Trà mi: Một thứ hoa nở về mùa xuân đầu hạ, hoa màu vàng nhạt rất đẹp.
848. Ngọc, hương: Ngọc đẹp, hương thơm, ví với người đẹp.
850. Đuốc hoa: Do chữ hoa chúc: đuốc hoa, nến hoa.
858. Quyên sinh: Bỏ đời sống, tức tự tử.
860. Hai tình: Chỉ cha mẹ. ý nói: Một mình thì tự tử chẳng sao, nhưng còn cha mẹ thì làm thế nào?
862. Truy nguyên: Tìm đến căn nguyên, gốc rễ của sự việc.
863. Giãn: Nới ra. Nỗi lòng của Kiều lúc trước như bị bóp nghẹt, nay nghĩ đi nghĩ lại, thấy nới dần ra.
864. Một lần: Một lần chết. Kiều nghĩ: chóng hay chậm, cũng một lần chết, nếu bây giờ nàng chết đi tất liên lụy đến cha mẹ.
866. Gáy sôi:: Gáy ồm ỹ, dồn dập. Chữ "sôi" có hàm ý giục giã.
867. Lầu mai: Chòi canh về sáng.
- Còi sương: Tiếng tù và thổi lúc sớm tinh sương.
869. Đoạn trường: Đứt ruột có nghĩa đau đớn quá (như đứt từng khúc ruột). Phân kỳ: Chia đường, chia lìa mỗi người mỗi ngả như nói "chia tay".
870. Vó câu: Vó ngựa (Câu: ngựa non đang sức lớn). Những chữ "khấp khểnh", "ghập ghềnh" vừa tả con đường đi gồ ghề khó khăn, vừa ngụ ý thân thể Kiều đã long đong vất vả ngay từ lúc bước chân ra đi...
871. Trường đình: Đời Tần, Hán, người ta chia đường ra từng cung, cứ năm dặm là một cung ngắn, có một cái quán, gọi là "đoàn đình" (quán ngắn) mười dặm là một cung dài, lại có một cái quán nữa gọi là "trường đình" (quán dài). Tục cổ, chủ thường tiễn khách ra khỏi mười dặm đường làm tiệc tiễn hành ở trường đình rồi mới trở về.
873. Chủ khách: Chỉ Vương ông Mã Giám sinh.
877. Thơ đào: Đây có nghĩa là con gái ít tuổi, ngây thơ.
884. Dừng dằng: Dừng dằng, do dự, khi Mã vào trong phòng Kiều thì do dự mà khi ở phòng ra thì vội vàng.
886. Thầy tớ: Chỉ Mã và bọn tôi tớ Mã.
893. Tuần: Tuần rượu, mỗi chén rượu đôi bên cùng uống cạn là một tuần.
- Chén khuyên: Chén khuyên mời, đây là chén rượu tiễn.
894. Nghĩ: Nó, hắn, y, thổ âm Nghệ Tĩnh đây chỉ Mã.
986. Trước yên: Trước yên ngựa của Mã.
897. Yếu liễu thơ đào: ý nói Kiều còn yếu ớt thơ dại, ví như cây liễu yếu cây đào non.
899. Góc bể chân trời: Do chữ hải giác thiên nhai: Góc biển cả, chỗ cùng nện bầu trời ý nói xa xôi hết sức.
901. Tầm: Một đơn vị đo lường cổ của Trung Quốc, dài tám thước.
- Nghìn tầm: 8000 thước, nghĩa bóng: cao lắm!
- Tùng quân: Tùng là cây thông, một thứ cây cao lớn, lthân thẳng và cứng cáp, mùa đông lá cây vẫn xanh tươi, trong văn cổ, thường dùng để tượng trưng cho người trượng phu. Quân là cây trúc, dóng thẳng đốt ngang, thân rỗng mà không cong queo, thường dùng để tượng trưng cho người quân tử.
902. Tuyết sương che chở: Tức che chở cho khỏi tuyết sương.
- Cát đẳng: Dây sắn, một loại dây phải leo bám vào những cây to, người ta thường nói "cát đẳng" "cát lũy" hay "sắn bìm" để chỉ người vợ thiếp.
904. Nhiệm trao: ý nói số trời màu nhiệm đã buộc sợi "xích thằng".
906. Gương nhật nguyệt: Gương mặt trời, mặt trăng. Chữ "gương" hàm ý soi tỏ tội lỗi. Dao quý thần: Gươm

dao của quỷ thần, hàm ý trừng phạt, ý Mã nói: nếu sau này ăn ở không thủy chung, sẽ có trời soi tỏ tội lỗi và bị quỷ thần trừng phạt.

907. Gió giục mây vần: Tả xe Kiêu đi mau lẹ, vội vã.

909. Trông vời: Tức trông với theo một cái gì đó đã đi xa.

9912. Bạc phau: Trắng phau, trắng xoá.

Cầu giá: Váng sương bám trên mặt cầu buổi sớm mai.

Ngàn mây: Những đám mây ở những nơi rừng núi. Câu này tả cảnh cuối thu, bắt đầu sang đông.

913. Hơi may: Hơi gió heo may.

915. Ngất tạnh: Bầu trời cao ngất mà tạnh ráo.

Mù khơi: Mùi mịt xa khơi.

916. Lời non sông: Kiêu thấy trăng mà nhớ đến cái "vầng trăng" đêm nào đã chứng kiến cuộc thề nguyện của hai người.

917. Từng biếc xen hồng: Rừng cây mùa thu có những lá úa màu đỏ xen giữa từng lá mùa xanh.

918. Thần hôn: Sớm hôm, chỉ sự sớm hôm chăm sóc thăm hỏi cha mẹ.

920. Lâm tri: Tên huyện, thuộc tỉnh Sơn Đông.

921. Xe châu: Xe có rèm hạt châu, thứ xe phụ nữ ngồi.

927. Mây ngài: Tức mây ả gái điếm.

930. Tượng: Bức tranh vẽ. Tượng trắng đôi lông mày tức tranh thần "Bạch mi".

932. Tiên sư: Tổ sư, ông tổ sáng lập ra một nghề. Chữ dùng hàm ý mỉa mai.

937. Đổi hoa: Như nói thái hoa, tức như lấy hoa mới để thờ, thái hoa cũ lột xuống dưới chiếu để nằm.

938. Tứ vi: Bốn phía xung quanh.

942. Hàn thực: ăn lạnh, ăn đồ nguội.

Giới Tử Thôi giúp Tấn Văn Công khôi phục lại ngôi vua, nhưng lúc ân thưởng triều thần. Văn Công lại quên mất Tử Thôi. Tử Thôi bất bình trốn vào núi ở ẩn. Đến lúc Văn Công nghĩ lại, muốn vời Tử Thôi, nhưng Tử Thôi quyết chí ở ẩn, Văn Công ra lệnh đốt rừng Tử Thôi quyết tâm chịu chết cháy ở trong núi. Văn Công hối hận vô cùng ra lệnh hàng năm đúng ngày Tử Thôi chết, cấm không được đốt lửa. Do đó mà có tục hàn thực, cứ trước...tiết thanh minh hai ngày (có sách chép một ngày) người ta cấm đốt lửa, ăn đồ nguội, và tổ chức nhiều cuộc vui: đá cầu, đánh đu, chọi gà, kết xe hoa đi dong chơi.

Nguyên tiêu: Đêm tiết thượng nguyên, tức đêm ngày rằm tháng riêng đầu năm. Đây Tú bà khẩn thần phù hộ cho cửa hàng lâu xanh của mẹ, ngày lại đêm, lúc nào khách chơi cũng ra vào đông đúc, tấp nập như những ngày hội hàn thực nguyên tiêu.

945. Tin nhận: Tô Vũ, người đời Hán, đi sứ sang Hung nô không chịu khuất phục, bị chúa Hung nô đẩy lên Bắc Hải chặn dè, nhà Hán hỏi, thì bảo là chết rồi, sau sứ Hán phải nói thác là vua Hán sẵn được con chim nhận ở vườn thượng lâm chân nó có buộc một bức thư lụa của Tô Vũ gửi về, khi ấy Hung nô mới chịu trả lại Tô Vũ cho nhà Hán. Do đó, người ta thường nói "tin nhận" để chỉ tin thư. Ở đây, tác giả dùng như nghĩa "tin tức" đơn thuần.

949. Hương hoa gia đường: Bốn chữ này nguyên chỉ nhà hay bàn thờ cúng gia tiên, đây tác giả dùng chỉ bàn thờ thần Bạch mi.

952. Cậu mày: Tức cha mày, chỉ Mã Giám sinh, Tú Bà bắt Kiêu lấy nhận mẹ là mẹ nuôi. Mã Giám sinh là cha nuôi.

954. Tiểu tinh: Sao nhỏ, chỉ vợ lẽ.

962. Tam banh: Theo sách Đạo giáo "Trong người ta có ba thần thi: Thượng Thi, tên Bành Chất, ở bụng; Hạ Thi, tên Bành Kiêu, ở chân, thường làm hại người". Do đó, người ta cho rằng: những sự hung ác giận dữ của

người là do thần "Tam thi" hay "Tam Bành" làm ra, và thường dùng chữ tam bành để chỉ cơn tức giận.

964. Min: Ta, tao (tiếng cổ).

978. Bì tiên: Cái roi bằng da.

986. Phong trần: Cối đời gió bụi. ý nói: Một nhát dao oan nghiệt cắt đứt quan hệ với cuộc đời phong trần tức là chết.

993. Trần duyên: Nhân duyên cõi trần, cõi đời.

1000. Tiền đường: Tên một con sông chảy qua gần Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc).

1006. Hoa xuân đương nhụy: Hoa xuân đương lên nhụy, tức mới nở. ý nói Kiều còn trẻ trung.

1008. Đá vàng: Đây chỉ lòng kiên trinh của phụ nữ.

1010. Khoá buồng xuân: Khoá kín vẻ xuân trong buồng, như nói cấm cung.

Đợi ngày đào non: Đợi ngày lấy chồng.

1013. Tội báo: Như nói là ác báo.

Oan gia: Kẻ oán thù, cừu thù.

1016. Thị phi rạch ròi: Lẽ phải, lẽ trái phân minh. Đại ý: Kiều nghe lời Tú Bà nói cũng có lý.

1017. Thần mộng: Lời báo mộng của quỷ thần (tức Đạm Tiên).

1018. Tức nhân: Nhân duyên có sẵn từ trước, như nói duyên số tiền định.

1025. Đãi đẳng: Tiếng cổ, nghĩa là giải bày.

Ca dao:

Cá buồn cá lội tung tăng

Em buồn em biết đãi đẳng cùng ai.

Ở đây đãi đẳng có nghĩa là điều ra tiếng vào của những người khách chơi.

1027. Thông dong: ở đây có nghĩa là khoan tâm, thư tâm.

1033. Ngưng Bích: Tên cái lầu mà Tú Bà dành cho Kiều ở.

Ngưng Bích: Nghĩa là đọng (tụ) lại màu biếc.

1036. Bụi hồng: Đây chỉ những đám bụi bốc lên ở trên đường.

1037. Bể bàng: Chán ngán, buồn tủi.

1039. Chén đồng: Chén đồng tâm, tức chén rượu thề nguyện đồng tâm với nhau.

1042. Tắm son: Tắm lòng son, đây chỉ tắm lòng thủy chung.

1044. Quạt hồng, ấm lạnh: Quạt khi nóng, ấp khi lạnh, do chữ đông ôn hạ sảnh ở Kinh Lễ.

1045. Sân Lai: Sân Lão Lai. Theo sách Cao Sĩ truyện: "Lão Lai Tử, người nước Sở, đời Xuân Thu, tuổi đã ngoài bảy mươi, mà còn cha mẹ già, ông thường mặc áo ngũ sắc sặc sỡ, ra múa ở trước sân, rồi giả cách ngã, khóc, như trẻ con, để làm cho cha mẹ vui". Đây nói bóng sân nhà cho mẹ, tức nhà mình.

1046. Gốc tử: Gốc cây tử (loài cây thị). Đây dùng chỉ cha mẹ, "gốc tử đã vừa người ôm" nói bóng cha mẹ đã già rồi.

1053. Ghềnh: Vực sâu, vũng biển.

1057. Rèm châu: do chữ Châu liêm, rèm kết bằng ngọc châu.

1061. Mạch: Dòng dãi.

1063. Bóng nga: Bóng người đẹp, chỉ Kiều.

1064. Đeo đai: Vương vấn ra vẻ quyến luyến.

1067. Trong nguyệt trên mây: ý nói có một phẩm giá khác đời, như Hằng nga trong cung nguyệt hay tiên nữ

trên cung mây.

1070. Chữ lòng ở đầu câu là Sở Khanh tự nói lòng mình còn chữ lòng ở cuối câu là Sở Khanh hỏi lòng Kiều, hai chữ chỉ riêng hai người.

1073. Song thu: Cửa sổ mùa thu (nói thời tiết khi ấy).

1080. Tể độ: Cứu vớt.

Trầm luân: Chìm đắm, đắm đuối. Ý Kiều muốn nhờ Sở Khanh cứu mình thoát nạn thanh lâu như Phật cứu vớt chúng sinh khỏi bể trầm luân.

1081. Mảnh tiên: Mảnh giấy hoa tiên, tức tờ thư.

1082. Nỗi nhà báo đáp: Nông nổi phải báo đáp ơn nhà, bán mình chuộc cha.

1084. Tiện hồng: Thuận tiện cánh chim hồng, tức là nhân có người mà gửi thư. Chữ hồng đây dùng như chữ nhận, chỉ tin tức thư từ.

1086. Tiên mai: Do chữ mai tiên, tờ tiên có vẽ cảnh hoa mai.

1090. Tuất thì: Giờ tuất, tức tám, chín giờ tối hiện nay. Hai chữ tích việt của Sở Khanh, đem tán ra theo lối tán tự, thì thành những chữ trấp nhất naật tuất lẫu, nghĩa là ngày hai mươi một, giờ tuất, chạy trốn. Đó là Sở Khanh bí mật hẹn ngày giờ đi trốn mà Kiều đã lấy ý tứ suy đoán ra.

1091. Thoi thót: Chim từng con lần lượt bay về, con này rồi đến con khác.

1092. Ngậm trăng nửa vành: ý nói buổi tối, vầng trăng chiếu vào hoa trà mi ngậm lấy nửa vành trăng.

1096. Ân cần: ở đây có nghĩa là khẩn khoản.

1097. Bèo bọt: Như bèo hay bọt trôi nổi trên mặt nước, ngụ ý lưu lạc lẻ loi.

1098. Yển anh: Đây chỉ gái nhà chứa. Ý Kiều nói: nàng như con chim lạc đàn, lại mang lấy cái nợ làm gái nhà chứa.

1099. Cốt nhục tử sinh: Do chữ sinh tử nhục cốt. Tả chuyện: Sở vị sinh tử cốt đã (thế gọi là làm sống lại người chết, làm mọc thịt nắn xương khô - làm cho người đã chết sống lại, xương đã khô mọc thịt ra). Do đó, người ta thường chỉ sự làm ơn rất sâu sắc, to lớn.

1100. Kết cỏ ngậm vành: Tả chuyện: Ngụy Thù nước Tấn, có tội người thiếp yêu, khi sắp chết còn dặn con là Ngụy Khoả phải đem cả người thiếp chôn theo. Ngụy Thù chết, Ngụy Khoả cho người thiếp về không đem chôn theo. Sau Ngụy Khoả làm tướng đi đánh giặc nước Tần, gặp tướng Tần là Đỗ Hồi, khoẻ mạnh có tiếng, đang lúc đánh nhau, tự nhiên Đỗ Hồi vấp phải đám cỏ mà ngã, bị Ngụy Khoả bắt được. Đêm về, Ngụy Khoả mộng thấy một ông già đến nói rằng: "Tôi là cha người thiếp, cảm ơn ông không chôn con gái tôi, nên tôi kết cỏ quấn chân Đỗ Hồi cho nó ngã vấp để báo ơn".

Tục Tề hài ký: Dương Biểu đến chơi núi Hoa Âm cứu sống được một con chim. Đêm ấy có một đồng tử mặc áo vàng đến tặng bốn chiếc vòng và nói rằng: "Ta là sứ giả của Tây Vương mẫu may được chàng cứu mạng, xin cảm tạ đại ân". Do đó, người ta thường nói "kết cỏ ngậm vành" để chỉ sự đền ơn trả nghĩa.

1107. Truy phong: Đuổi theo gió, nói con ngựa đi rất nhanh.

1108. Dưới trướng: Do chữ trướng hạ, nguyên chỉ quân sĩ thuộc quyền chỉ huy của một vị soái. Đây dùng để chỉ kẻ thủ hạ của Sở Khanh.

Kiện nhi: Người trẻ tuổi mà có sức khỏe. Sở Khanh khoe nhà y có ngựa tốt và thủ hạ khỏe mạnh, là có ý bảo Kiều nếu chạy trốn thì sẽ sẵn phương tiện và người hộ vệ chắc chắn không phải lo ngại gì.

1110. Ba mươi sáu chước: "Tam thập lục" là một danh từ chỉ chung tất cả các chước. Câu này Sở Khanh bảo Kiều chỉ có một kế hay nhất là chạy trốn.

1111. Gió kếp mưa đơn: ý nói dù có những trở ngại bất trắc...

1114. Quá đỗi: Quá mức, quá đà, ý nói việc đã trót dở dang rồi.

1119. Lậu: Đồng hồ nhỏ giọt. Thời xưa thường dùng "đồng hồ nước" để tính thời khắc. Đó là một cái đồng hồ bằng đồng, dưới có đục lỗ nhỏ, trong chứa nước, giữa đựng một cái tên có khắc độ; nước trong hồ do lỗ nhỏ

giọt ra, thì những độ số ở cái tên cũng dần dần lộ ra, xem đó, biết được thời khắc của ngày đêm. Danh từ đồng hồ ngày nay còn quen gọi là gốc ở đó.

1122. Lòng quê: Lòng nhớ quê hương.

1124. Dậy dàng: Xôn xao ồn ào nổi lên.

1125. Gan vàng: Có nghĩa như "lòng vàng". Kiều đoán có người đuổi theo phía sau nên hồi hộp sợ hãi...

1128. Dặm rừng: Đường rừng, lối đi trong rừng.

1130. Lăm nao: Lăm nao, có nghĩa là đến như thế sao!

1132. Vuốt: Móng sắc của loài thú. Ý nói không thoát lối nào được.

1139. Thú tội, chịu tội.

Khẩn cầu: Khẩn khoản, cầu xin.

1142. Nước non ý nói cách trở nước non, tức là nơi ở xa xôi.

1150. Bảo lĩnh: Người đứng ra đảm bảo, chịu trách nhiệm thay.

Cung chiêu: Cung khai, nhận tội Tú bà muốn bắt buộc Kiều giữ lời hứa, nên bắt làm tờ cung chiêu nhận tội, và bắt người đứng bảo lĩnh về lời cam kết của nàng.

1151. Bày vai: Cùng hàng cùng lứa.

1152. Chịu đoan: Chịu nhận trách nhiệm về Kiều.

1160. Phù dung: Hoa phù dung, ví với người đẹp.

1161. Đà đao: Khi đánh giặc, giả thua chạy để người ta đuổi theo, rồi thành linh quăng dao lại chém, gọi là "đà đao". "Đà đao" đây là một chước lừa.

1162. Một cốt một đồng: Nói Tú bà với Sở Khanh thông đồng hiệp mưu với nhau để đánh lừa Kiều.

1146. Không dưng: Nếu không thì tự nhiên làm chi có...

1166. Sân si: Phân bua, cãi cọ. Mã Kiều khuyên Kiều nên nén nổi tức giận, chớ nên đôi co với Sở Khanh mà thiệt mình.

1173. Quyển gió rủ mây: Quyển rủ mây gió đi theo. Ý nói quyến rũ Kiều.

1178. Thị hùng: Cậy sức mạnh mà ra oai đánh đập người.

1189. Anh yển: Chỉ chung những người con gái.

1181. Giếng khơi: Giếng sâu.

1182. Ăn lời: Nuốt lời, tức không giữ lời.

1184. Mặt ấy, mặt này: Mấy tiếng này, Kiều xía xói vào mặt Sở Khanh mà nói, đối đáp lại tiếng "mặt mày" của Sở Khanh ở trên.

1186. Vô lương: Cũng như bất lương, không lương thiện, không có lương tâm.

1191. Trong giá trắng ngần: Do câu tục ngữ: Trong như giá, trắng như ngần, trong như băng trắng như bạc (ngần là do chữ ngân).

1028. Khép mở, riêng chung: Chỉ giọng nói tỉ tê, nửa khép nửa mở, mỗi tình nỉ non, như riêng như chung, tức những mảnh khoé quyến rũ.

1210. Vành ngoài bảy chữ: Bảy cách đối với khách ở bề ngoài để cho khách say mê.

Vành trong tám nghề: Tám cách đối đãi trong khi ăn nằm với khách, đối với mỗi hạng người, dùng một lối riêng để làm vừa lòng họ.

1213. Khoé hanh: Khoé mắt; mắt sắc như lá hạnh.

Khi khoé hạnh, khi nét ngài: Ý nói khi mắt liếc, khi mày đưa.

1216. Người soi: Người sành sỏi, lịch lãm, biết ngón chơi.

1218. Nét nguyệt: Nét lông mày hình vành trăng.

Vẻ hồng: Vẻ mặt hồng.

1220. Khắt khe: ở đây như nói éo le, quái ác.

1221. Các khuê: Do chữ khuê các.

1227. Trưởng đào: Màn màu đỏ, phụ nữ thường dùng.

1231. Lá gió cành chim: Lá đưa gió, cành đón chim, chỉ sự đưa đón khách chơi.

1232. Tống Ngọc: Người nước Sở, đời chiến quốc, đẹp trai, có những bài Cao đường phú, Thần nữ phú, nói về chuyện mây mưa của thần núi Vu Sơn...

Tràng Khanh: (Chính là chữ Trường nhưng thường đọc là Trường hay Tràng): Tên tự của Tư Mã Tương Như, người Hán, yêu sắc đẹp của Trác Văn Quân, gảy đàn cầm gọi tình, làm cho nàng đang đêm bỏ nhà trốn theo mình.

Tống Ngọc và Tràng Khanh đều giỏi từ phú, là hai người tài tử, do đó, câu này ngụ ý khách đến chơi toàn những hạng phong lưu quý phái.

1239. Mưa Sở mây Tần: Chỉ sự ái ân trai gái.

1242. Gió tựa, hoa kè: ý nói những cảnh vui thú ở chốn thanh lâu.

1242. Tuyết ngậm: Bóng trăng tỏ soi khắp bốn bề. Hai câu 1241-1242 tả bốn cảnh: "gió, hoa, tuyết, trăng" (phong, hoa, tuyết nguyệt).

1246. Trong nguyệt: Trong bóng trăng.

Dưới hoa: Dưới dàn hoa. Hai câu 1245-1246 tả bốn thú chơi: gảy đàn, đánh cờ, ngâm thơ, vẽ tranh, (cầm, kỳ, thi, họa).

1249. Gió trúc mưa mai: Mưa gió chỉ sự ái ân (như nghĩa mưa gió dập vùi) trúc mai chỉ sự bạn. Đây tiếp ý trên: Kiều thờ ơ với tất cả những chuyện mưa gió, trúc mai...

1250. Giù mài: Như nói mơn mõi, thui thui. Cũng có ý như là bị dập vùi.

1253. Bóng dậu: Bóng mặt trời xế trên ngọn dậu. Sách Hoài nam nữ nói: Mặt trời xế về phía phương Tây, gác bóng trên ngọn cây. Người sau mượn chữ bóng dậu để ví tuổi già.

1255. Dặm nghìn: Tức nghìn dặm.

1257. Sân hoè: Sân có trồng cây hoè. Vương Hựu đời Tống tự tay trồng ba cây hoè ở sân nhà và nói: "Con cháu ta sau này thế nào cũng làm đến chức tam công" (Thời xưa, ở phía trước sân chầu nhà vua, chỗ ngồi của tam công, có trồng ba cây hoè, nên Vương Đán làm đến tể tướng. Nhân đó, người ta thường nói sân hoè để chỉ những nhà có con cái hiển đạt).

Đôi chút thơ ngây: Chỉ Thuý Vân và Vương Quan.

1258. Trân cam: Những thức ăn quý báu, ngon ngọt. Hai câu này, ý Kiều nói: Cha mẹ mỗi ngày một già, mà con cái trong nhà, thì sau khi nàng đi rồi, chỉ còn hai em nhỏ dại, lấy ai là người phụng dưỡng trân cam thay mình.

1261. Chương Đài: theo sách Thái bình quảng ký: Hàn hoàng, đời Đường lấy một danh kỳ là Liễu thị ở đường phố Chương Đài, Trường An, sau đi làm quan xa, để vợ ở lại đó ba năm, không đón đi được, có gửi cho Liễu thị bài từ rằng: Chương Đài Liễu, Chương Đài Liễu, đã ứng nhật thanh thanh kim tại phủ? Túng sử trường điều tự cứu thủy, đã ứng phan chiết tha nhân thủ! (Cây liễu Chương Đài, cây liễu Chương Đài, ngày trước xanh xanh, nay còn không? Cho dù cành dài vẫn buông rủ như cũ, song có lẽ đã vin vào tay người khác rồi!). Đây ý nói: Khi Kim Trọng đi Liêu Dương hộ tang chú trở về, sẽ hỏi người tình nhân cũ (là Thuý Kiều).

1262. Cành xuân: Cành xanh đẹp..

1263. Tình sâu: chỉ tình chị em, Nghĩa dày: Chỉ nghĩa vợ chồng. ý Kiều mong Thuý Vân lấy tình chị em thay mình, trả nghĩa cho Kim Trọng.

1264. Hoa kia, cành này: "Hoa kia" chỉ Thuý Vân, "cành này" chỉ Kim Trọng.

1266. Hương quan: Quê hương

Giấc hương quan: Giấc mộng về quê hương.

1267. Song ca: cũng như song the. Xem chú thích 240.

1268. Hoàng hôn: Về chiều tối, khi mặt trời sắp lặn, có ánh vàng vàng, gọi là hoàng hôn.

1269. Thỏ bạc, ác vàng: Như nói "thỏ lặn, ác tà" tức ngày và đêm lần lượt qua đi.

1275. Khách du: Khách đi chơi, đi du lãm.

1276. Kỳ tâm: Tên của họ Thúc, theo truyện Thanh tâm tài nhân thì Kỳ Tâm là tên tự của Thúc sinh.

1277. Huyện Thích, Châu Thường: tức huyện Vô Tích, phủ Thường Châu, thuộc tỉnh Giang Tô (Trung Quốc).

1278. Nghiêm đường: Túc cha. Cha tính nghiêm nghị, mẹ tính hiền từ, nên người ta gọi cha là "nghiêm đường", "nghiêm phụ", mẹ là "từ mẫu", "từ thân".

1279. Thiếp hồng: Do chữ hồng tiên, thứ thiếp hồng gửi thăm người đẹp. Hương khuê: Phòng hương, phòng ở của phụ nữ, tục xưa phụ nữ hay dùng hương thơm, nên gọi là "hương khuê".

1281. Trường tô: do chữ lưu tô trường, thứ màn có tua kết bằng lông chim năm sắc.

1287. Lễ hằng: Lễ thường như thế.

1289. Đào mạo: Nói bóng sắc đẹp của người con gái.

1290. Đá vàng: Chỉ sự đồng tâm gắn bó với nhau.

1296. Chuốc: So chữ Chúc, rót rượu mời nhau.

Nổi thơ: Nổi câu thơ, do chữ "liên cú" một lối chơi của các tao nhân mặc khách thời xưa, thường hai người, hoặc nhiều người nối lời nhau làm chung một bài thơ.

1297. Hương sớm, trà trưa: Xông hương buổi sớm, uống trà buổi trưa.

1298. Bàn vây: Bàn cờ vây. Trung Quốc có hai lối chơi cờ:

Vi kỳ: Cờ vây

Tượng kỳ: tức cờ tướng.

1299. Truy hoan: Theo đuổi sự vui chơi.

1301. Sóng khuy nh thành: Chỉ cái liếc nhìn của người đàn bà đẹp.

1303. Bốc rời: Tiền rời cứ bốc từng nắm mà chi, không cần đếm là bao nhiêu, ý nói vung phí không tiếc tiền.

1306. Hơi đồng: Tức mùi tiền bạc. Thời xưa, tiền tiêu đúc bằng đồng, nên nói "đồng" tức là tiền.

1308. Lửa lựu: Hoa lựu khi nó nở trông đỏ chói như lửa chỉ cảnh mùa hè.

1312. Ý nói Kiều có một thân thể đầy đặn xinh đẹp.

1314. Luật Đường: Tức lối thơ ngũ ngôn luật (luật năm chữ) hay thất ngôn luật (luật bảy chữ), mỗi bài tám câu, năm vần, theo đúng niêm luật bằng trắc. Lối này có từ đời Đường, nên gọi là luật Đường.

1317. Nổi điều: Nổi đuôi con điều. "Điều" là một loài chuột ở rừng núi miền lạnh, đuôi to, lông dài đến một tấc, màu vàng hoặc đen tía. Đời Hán, theo quan chế, các quan hầu cận vua đều đội thứ mũ có cắm đuôi con điều làm ngù. Đến đời Tần, Triệu Vương Luân cướp ngôi Huệ đế, phong quan tước cho bọn tôi tớ, mỗi khi triệu hội, ngồi đầy những người đội mũ đuôi điều, nên người thời ấy đã chê giễu: Điều bất tức, cầu vĩ tục (đuôi điều không đủ, lấy đuôi chó nổi vào). Người sau nhân chữ cầu vĩ tục điều (nổi điều) để chỉ sự việc gì có tính chất học đòi. Chữ "nổi điều" ở đây, là lời Kiều tự khiêm về việc họa lại thơ Thúc sinh.

1318. Nỗi quê: Nỗi lòng nhớ quê hương.

1319. Mây vàng: Nói ý nhớ nhà, do câu thơ cổ: Tần Trung đa bạch vân. Thực trung đa hoàng vân, cổ tư gia giả vị chi cư hoàng vân (đất Tần nhiều mây trắng, đất Thục nhiều mây vàng, cho nên nhớ nhà gọi là nhớ mây vàng).

1322. Cành kia, cổ này: Chỉ Kiều và Tú bà. Thúc sinh tưởng Kiều là con đẻ của Tú bà.

1323. Thu ba: Sóng mùa thu, chỉ con mắt (nói con mắt trong suốt như suối mùa thu).

1327. Chúa xuân: Người chủ vườn xuân, chủ hoa xuân, đây chỉ Thúc sinh. Câu này ý nói: Thúc Sinh ở nhà đã có vợ rồi.

1329. Tương tri: Hiểu biết nhau thông cảm với nhau.

1330. Nước non: Sông núi tức lời thề nguyện kết làm vợ chồng.

1334. Thú, tòng: Thú là "thú thiếp": lấy vợ lẽ, chỉ bên Thúc sinh; tòng "tòng lương": trở về lương, tức bỏ chỗ lâu xanh để trở về, đi lấy chồng, chỉ bên Kiều. Hai bên cùng gặp nhiều khó khăn.

1335. Bình Khang: Đời Đường, ở kinh thành Trường an, gần cửa Bắc, có một xóm gọi là Bình Khang cho kỹ nữ ở, sau nhân dùng làm danh từ chỉ chung xóm kỹ nữ.

1339. Thềm quế: Thềm điện quế. Dâu đương tạc trở chép: Trên mặt trăng có cây quế tiêu, cao năm trăm trượng, do đó, khi tả mặt trăng, người ta thường dùng chữ điện quế, cung quế.

1340. Chị Hằng: Chị Hằng Nga, người chủ trương trong điện quế, nói bóng vợ cả Thúc sinh.

1341. Giải đồng: Giải đồng tâm.

1342. Thêm người, người cũng... chữ người chỉ Kiều, chữ người dưới chỉ Thúc sinh.

1343. Bèo mây: Nói thân phận trôi nổi bất định như bèo mặt nước, mây trên không.

1344. Bể ái: Bể ân ái, tức tình yêu vợ chồng.

1347. Vững tay co: Cái tay co vững. Kiều nói: Nếu chàng có cứng tay, tức có quyền lực đối với vợ cả.

1349. Trong ngoài: Chỉ vợ cả và Thúc sinh. Theo lễ giáo xưa: Nam t ự ngoại, nữ t ự nội: Đàn ông trong coi việc bên ngoài, đàn bà trông coi việc trong nhà. ý Kiều nói: Nếu thế lực vợ cả lớn hơn thế lực chàng.

1350. Hàm sư tử: Đời Tống, Trần Tháo, hiệu Long Khâu cư sĩ, hay nói chuyện đạo Phật, vợ là Liễu thị, tính dữ tợn mà cả ghen, mỗi khi Tháo thết tiệc tân khách, có ca kỹ, thì ở trong nhà, Liễu thị lấy gậy đập vào vách, hò hét, khách phải giải tán. Tô Thức, Bạn Tháo, viết mấy câu thơ đùa:

"Thùy t ự Long Khâu cư sĩ hiền,

Đàm không thuyết hữu dạ bất miên,

Hốt văn Hà Đông sư tử hồng

Trụ trượng lạc thủ tấm mang nhiên".

Dịch nghĩa:

"Ai giỏi như Long Khâu cư sĩ

"Nói những thuyết không, thuyết có, đêm không ngủ

"Bỗng nghe sư tử Hà Đông rống lên

"Tay rơi gậy chống, lòng bàng hoàng.

Đăng la: Những loài dây leo (chính nghĩa là dây bìm, dây tơ hồng) dây dùng như chữ cát đằng dây bìm, ví với phận lẽ mọn.

1352. Một số cổ lão ở Nghệ - Tĩnh thuộc hai chữ đầu câu này là Dấm vui hay Nhúm vui. ý nói: lửa bếp vui âm ỉ cháy (chỉ thói ghen tuông) còn khó chịu hơn cả lửa hồng.

1353. Nhà thông: Nhà thung, đọc chệch ra, tức nhà xuân, do chữ xuân đường chỉ bố Thúc sinh.

1355. Liễu ngõ, hoa tường: Nói ví gái lâu xanh như liễu bên đường, hoa đầu tường, ai vin ai hái cũng được.

1363. Ngô, Lào: Nước Ngô (Trung Quốc), nước Lào (Ai Lao) tác giả dùng nghĩa bóng. ý nói: Đường nghĩ ngợi xa xôi, quanh quẩn làm gì.

1366. Phong ba: Sóng gió, chỉ sự bất trắc xảy ra.

1370. Non đoài: Núi ở phía tây.

1371. Trúc viện: Viện trúc, nơi nghỉ mát có trồng trúc xung quanh.

Thừa lương: Hóng mát, nghỉ mát, Thúc sinh mượn cớ là đưa Kiều đi hóng mát.

1373. Chiến, hoà: ở đây, chiến là dựa chuyện kiện cáo, hoà là lựa cách điều đình. Theo Kim vân Kiều truyện của Thanh Tâm: Thúc sinh đưa Kiều về ở nhà Hoa Dương, một tay hào phú xứ ấy, rồi một mặt cậy Hoa Dương rêu rao về tội mua con gái nhà lương thiện về làm gái điếm, một mặt mượn Bộ Tồn đến điều đình việc chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh.

1376. Thua cơ: Thua mưu, thua mẹo của Thúc sinh.

1378. Hoàn lương: Gái đi bỏ nghề cũ trở về đời lương thiện.

1380. Trần ai: Bụi bặm chỉ cảnh lầu xanh.

1381. Trúc, mai: Chỉ sự giao kết thân mật của vợ chồng.

1383. Hương lửa: Chỉ tình duyên vợ chồng.

1384. Ngọc sen: Hai câu tỏ ý "sum họp" mai trúc đã về một nhà.

1386. Sân ngô: Sân có trồng cây ngô đồng. Ngô đồng là một loài cây cao, cành lá xanh biếc, nên thường gọi là bích ngô chen lá vàng giữa chòm lá xanh biếc, tức trời đã sang thu.

1387. Giậu thu: Giậu hoa mùa thu.

Giò sương: giò hoa chịu được sương, ý chỉ hoa cúc.

1389. Phong lôi: gió, sấm, nói cơn giận nổi lên dữ dội như gió, như sấm.

1390. Nặng lòng e ấp: Thúc ông trong lòng lấy làm e sợ về việc để cho con gái lầu xanh như thế, vì không những làm xấu thanh danh nhà mình, mà đối với Hoạn thư cũng sẽ có chuyện lôi thôi.

1391. Biện bạch: ở đây nghĩa là phán bảo minh mạch, rành rọt.

1393. Nghiêm huấn: Lời dạy của bố.

1396. Sấm sét: Do chữ lôi đình, chỉ sự ra uy, như quát mắng đánh đập.

Búa rìu: Do chữ phủ việt, chỉ dự gia hình, ý cả câu: Dẫu đánh mắng hay giết chết cũng xin chịu.

1397. Tay đã nhúng chàm: Cái tay đã nhúng vào chàm, thì dù rút ra cũng bị nhuộm chàm xanh rồi.

1400. Đã lấy nhau thành vợ chồng thì nữ nào lại lìa bỏ, cũng như nữ ôm đàn cầm mà gãy thì nữ nào lại đứt dây cho được.

1402. Bạc đen: Chưa thực rõ nghĩa. Có người giải bạc đen là sống chết cũng liều.

1404. Sốt gan: Nóng gan, như nói nóng tiết.

Cáo quỳ: Cáo là thừa trình, quỳ là quỳ gối, tức quỳ gối mà đề đơn thừa trình. Lệ xưa, ai vào quan thừa trình việc gì, phải quỳ gối trước công đường đầu đội lá đơn.

1405. Đất bằng nổi sóng: Do chữ Bình địa ba đào.

1406. Phủ đường: Dinh quan phủ, ở đây chỉ quan phủ.

Phiếu hồng: Tờ trát của quan.

Thôi tra: Đòi lên xét hỏi.

1408. Sân hoa: Sân phủ đường (chữ hoa ở đây chỉ đặt cho đẹp lời)

1409. Mặt sắt: Do chữ thiết diện, mặt đen và cứng rắn như sắt, thường mượn để chỉ một vị quan cương trực, nghiêm nghị.

1415. Nguyên đơn: Đơn của người nguyên cáo, tức Thúc ông (Thúc sinh và Kiều là bị cáo).

1419. Gia hình: Gia hình có nghĩa là bắt phải chịu tội, hình phạt, ở đây là phạt trượng tức dùng trường (gậy) mà đánh.

1422. Ý Kiều nói: Đã quyết tình hoàn lương rồi, không muốn lại lần nữa mắc vào cảnh lầu xanh, như con nhện

lại vương váu vào lưới tơ thêm một lần nữa.

1423. Đục, trong: ý nói: dù đục hay trong, dù dở hay hay.

1424. Yếu thơ: Yếu ớt, thơ đại.

Lôi đình: Sấm sét, chỉ hình phạt.

1426. Ba cây: Do chữ tam mộc là thứ hình cụ thể bằng gỗ thời xưa, tức già, nữ giới (cái gông cổ, cái kẹp tay và cái cùm chân). ở đây, chữ bạ cây, chỉ các hình phạt dồn vào cái thân yếu ớt của Kiều.

Mẫu đơn: Cành hoa đẹp ví nói Kiều.

1437. Phủ đường: chỉ vào quan phủ.

1440. Cầu thân: Cầu làm thân, nói việc định lấy nhau.

1446. Giải vi: Cởi, gỡ vòng vây ra, đây ý nói gỡ cho ra lối thoát để giải quyết việc rắc rối này.

1452. Mộc già: Cái gông. Đầu đề bài thơ là vịnh cái gông.

1455. Giá đáng Thịnh Đường: ý nói tương đương với thơ Thịnh Đường.

Thịnh Đường: là giai đoạn phồn thịnh nhất thơ của triều đại nhà Đường, Trung Quốc;

1458. Châu Trần: ở châu Từ, về huyện Phong, xưa kia có họ Châu và họ Trần, đời đời làm thông gia với nhau, về sau người ta dùng hai chữ Châu Trần để nói sự lấy nhau đẹp đôi xứng lứa.

1459. Rước dữ cưu hờn: Mua rước lây điều dữ và cưu mang lây sự hờn giận.

1467. Cổ xúy: Cổ là những nhạc khí dùng để đánh như chiêng, trống. Xúy là những nhạc khí để thổi, như kèn sáo.

1468. Trường đào: Màn hoa đào, đây tức là buổi cưới.

1470. Huệ lan: Hoa huệ, hoa lan, ngụ ý nói cảnh sum họp.

1473. Mảng: Tiếng cổ có ý nói mãi mê về một việc gì mà quên đi. ở đây là nghĩa này.

1474. ý nói hết mùa xuân và bắt đầu sang mùa hạ

1478. Chim én (mùa xuân) chim nhạn (mùa thu), đổi thay nhau, ý nói từ mùa nọ sang mùa kia. ở đây ý nói thời gian trôi thấm thoát gần được một năm.

1480. Tao khàng: bã rượu cám. Người vợ cùng ăn bã, ăn cám với nhau, tức là - người vợ cả lấy từ lúc còn hàn vi. Vua Quang Vũ nhà Hán muốn đem người chị gái mới góa là công chúa Hồ Dương gả cho Tống Hoảng, nhưng Hoảng đã có vợ. Vua hỏi ý Hoảng, Hoảng thưa: Tao khàng chi thê, bắt hạ đường, nghĩa là người vợ lấy trong lúc ăn tấm, ăn cám, không thể để xuống dưới nhà, ý nói không thể khinh rẻ, phụ bạc. Vua biết ý vậy, liền thôi.

1485. Phi thường: khác với người thường, ý nói người sâu sắc, hiếm độc.

1496. Hồi trang: Về quê.

1498. Ninh gia: Về thăm nhà.

1499. Quan hà: Quan cửa ải, hà là sông. Chén quan hà: Chén rượu tiễn biệt.

1500. Xuân đình: Có thể hiểu là nơi sum họp, vui vẻ.

Cao đình: Cổ thi: Cao đình tương biệt xứ, chỗ biệt nhau ở Cao đình.

1501. Sông Tần: Sông ở đất Tần Xuyên, mạn tỉnh Cam Túc. Theo Tản Đà thì sông Tần là sông Tần Hoài, thuộc tỉnh Giang Tô, quê Thúc Sinh (Vô Tích).

1502. Dương quan: Tên một cửa ải ở biên giới tỉnh Thiểm Tây, mạn tây bắc Trung Quốc.

1507. Yển thăm tròn kim: Chưa thực rõ nghĩa. Đại ý câu này nói: Kiều cho rằng việc hai người lấy nhau là việc không thể dấu kín được.

1508. Bưng mắt bắt chim: Bưng mắt lại thì không thể nào bắt được chim. ý nói không thể nào che giấu nỗi việc có vợ lẽ.

1509. Đèo bông: Có nghĩa là vương vít tình duyên.

1510. Nói sòng: Tức nói thẳng, nói trắng ra, không quanh co giấu giếm.

1519. Bào: áo. Thường thường trong khi ly biệt người ta hay nắm lấy áo nhau, tỏ tình quyến luyến. Chia bào tức là buông áo.

1520. Phong: Một loại cây ở Trung Quốc, lá chia ra nhiều cành, gần giống lá cây thầu dầu ở bên ta, đến mùa thu thì sắc lá hoá đỏ.

Quan san: Quan ải, núi non, thường được dùng để chỉ sự xa xôi cách trở.

1521. Dặm hồng: Dặm đường đi giữa bụi hồng. Chinh là đi đường xa, an là yên ngựa. Người ta thường dùng hai chữ chinh an để chỉ việc đi đường xa.

1528. Buồng trong: Chỉ vào người vợ. Cây này đại ý nói: Bây giờ hãy nói đến người vợ Thúc sinh làm chủ gia đình ở quê nhà.

1530. Lại bộ: Bộ lại, tức là quan trọng nhất trong sáu bộ của triều đình phong kiến.

1531. Duyên Đẳng: Cổ thi: Thời lai phong tống Đẳng vương các (Thời vận đến, gí đưa lại gác Đẳng Vương). ý nói gặp cơ hội may mắn.

1534. Ràng buộc: Có nghĩa là thắt buộc, cho người khác vào khuôn, vào phép của mình.

1535. Vườn mới thêm hoa: ý nói Thúc sinh có thêm vợ lẽ.

1538. Đen bạc: Cùng nghĩa như bạc béo, phụ bạc.

Trăng hoa: Do chữ hoa nguyệt mà ra, ý chỉ sự chơi bời trai gái.

1541. Nền: Nền nếp của người trên, tư thế của mình là người bề trên.

1551. Nhãn tiền: Trước mắt.

1552. Tục ngữ: Chưa thăm ván đã bán thuyền. ở đây chỉ Thúc sinh là người mới nới cũ.

1560. Thị phi: Có nghĩa là việc phải thì nói thành trái, việc trái thì nói thành phải, thù dệt phải trái làm cho người nghe mắc lằm.

1568. Lầu hồng: Do chữ hồng lâu, nhà ở bọn quyền quý, cũng dùng để chỉ chỗ ở của hạng phụ nữ giàu sang.

1571. Tẩy trần: Rửa bụi. Tục xưa, khi có người đi xa về thì đặt tiệc "tẩy trần", ý nói rửa sạch bụi bặm trong lúc đi đường.

1578. Khảo: Tra khảo.

1580. Rút dây động rừng: Tục ngữ, ý nói rút một sợi dây làm rung chuyển đến cả một khu rừng. Câu này ý nói: Thúc sinh sợ nói lộ câu chuyện lấy Kiều ra sẽ gây nên sóng gió trong gia đình.

1583-1584: Đại ý nói ngọc hay đá, vàng hay thau đôi ta đều đã biết phân biệt rạch ròi, không thể nào lằm lẩn được.

1593. Thuần: là một thứ rau, hức là một thứ cá. Trương Hàn đời nhà Tấn, đang lúc làm quan ở xa, thấy cơn gió thu, sức nhớ đến canh rau thuần và chả cá hức ở quê nhà, bèn bỏ quan mà về. Vì thế, người ta thường dùng hai chữ thuần hức để chỉ thú vui chơi nơi quê nhà.

1594. Cổ thi: Ngô đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu: (chỉ một lá ngô đồng rụng mà ai cũng biết là thu sang). Câu này đại ý nói: Thúc sinh ở quê nhà vừa bén mùi rau cá thì trời đã bắt đầu sang thu.

1596. Quan tái: cũng như quan ải, chỉ nơi núi non bờ cõi.

1599. Mây bạc: Do chữ bạch vân mà ra. Định Nhân Kiệt đời Đường đi làm quan xa, thường chỉ đám mây trên núi Thái Hàng mà nói: "Nhà cha mẹ ta ở đây". ở đây dùng để nói Thúc sinh có cha ở xa.

1606. Xe hương: Do chữ Hương xa, chỉ xe của phụ nữ.

Quy ninh là về hỏi thăm sức khoẻ của cha mẹ.

1609. Thành ngữ: Ngựa ghè hờn ghen ý nói hai điều khó chịu nhất.

1614. Hải đạo: Đường biển.

1621. Mầu: Mầu nhiệm: Mẹ Hoạn thư khen cái mưu ấy rất diệu rất hay.

1623. Buồm: Lá buồm. Lèo: dây treo buồm.

1624. Khuyển: chó, Ưng: chim cắt, hai loài vật dùng để đi săn. ở đây dùng để đặt tên cho bọn tôi tớ trung thành của họ Hoạn.

Côn quang: Cũng như côn đồ, dùng để chỉ bọn vô lại.

1626. Thuận phong: Thuận gió. Một lá: Một lá buồm, Kiều lúc ấy đang ở Lâm Tri, Lâm Tri nguyên là kinh đô nước Tề xưa, nên gọi là bến Tề.

1630. Ấm lạnh: Do chữ Ôn sảng (Đông ôn hạ sảng), ngọt bùi do chữ cam chỉ, ý nói làm con phải quật nòng ấm lạnh và phụng dưỡng những thức ngon lành cho cha mẹ.

1632. Lờ non nước: Lờ chỉ non thề biển. Lờ sắt son: Lờ trung thành vững chắc như sắt như son.

1633. Sẵn bím: Do chữ cát đẳng mà ra. Xem chú thích 902.

1636. Cung Quảng: Cung Quảng hàn trong mặt trăng, ả Hằng tức ả Hằng Nga trong cung. Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ, trộm thuốc trường sinh của chồng rồi chạy lên ở một mình trên cung trăng; Câu này đại ý nói: Thôi thì liệu sống một mình như Hằng Nga trong cung Quảng Hàn vậy.

1638. Ba sao: Do chữ Kinh Thi: Tam tinh tại thiên (ba sao ở trời). ở đây tác giả chỉ mượn câu ấy để nói đêm đó ngoài song gió thổi, giữa trời có trăng có sao v.v...

1642. Khốc quỷ kinh thần: Quỷ thần khóc, thần phải sợ, ý nói rất ghê sợ.

1667. Di hài: Hài cốt sót lại.

1668. Khâm liệm: Lễ mặc quần áo mới và bọc vải lụa cho người chết trước khi bỏ vào áo quan. Tang trai: Lễ đưa ma và làm chay.

1670. Lục trình: Đi đường bộ.

1673. Trung đường: Nhà chính giữa.

1674. Linh sàng: Giường thờ.

Bài vị: Mảnh gỗ viết tên người chết để thờ.

1680. Vĩnh quyết: Cũng như vĩnh biệt, từ biệt hẳn, không bao giờ gặp nhau nữa.

1684. Phi phù trí quỷ: đốt bùa mà gọi được quỷ đến.

Thông huyền: Thông cảm được với cõi huyền bí, tức cõi quỷ thần.

1685. Tam đảo: Ba đảo tiên: Bồng lai, Phương Trượng, Doanh Châu. Người ta thường dùng để chỉ cõi thiêng liêng hoặc cõi tiên.

Cửu tuyền: Chín suối, tức là âm phủ.

1689. Đạo nhân: cũng như đạo sĩ, chỉ ông thầy pháp.

Tĩnh đàn: Đàn thờ thần thánh của bọn thầy pháp.

1690. Xuất thần: Linh hồn thầy pháp thoát ra ngoài thể xác để đi vào cõi thần linh.

1695. Mệnh cung: Cung là bản mệnh, một trong 12 cung của số Tử vi. Sách số có câu: Cung mệnh mà có sao Bội chiếu vào thì người ấy mắc nạn. Câu này đại ý nói: Xem số Thuý Kiều thì đang mắc nạn to.

1697. Chiền chiền: Tiếng cổ, có nghĩa là rành rành, hoặc liên liên.

1701. Đồng cốt: Ông đồng, bà cốt, những người làm nghề câu đồng, câu bóng.

1709. Cảnh suyền: Cánh buồm đi nhanh.

1715. Hoàng Lương: Kê vàng. Xưa Lư sinh đời Đường đi thi gặp ông già họ Lã cho mượn cái gối nằm ngủ. Chàng mơ thấy mình thi đỗ, làm quan vinh hoa phú quý hơn 20 năm. Lúc tỉnh giấc thì nôi kê của nhà hàng nấu chưa chín. Người sau bèn dùng hai chữ hoàng lương để chỉ giấc mơ.

Hồn mai: Xưa có người gặp cô gái trong rừng, cùng uống rượu, sáng dậy thấy mình nằm dưới gốc cây mai. Đây chỉ có ý nói là giấc mơ màng.

1719. ả hoàn: các đầy tớ gái trẻ tuổi.

1722. Thiên quang trung tế: Thiên quang là loại quan đứng đầu sáu lại quan do nhà Chu đặt ra. Trung tế tức là chức tế tướng.

1724. Thất bảo: Bảy sản vật quý như vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, trân châu. ở đây chỉ cái giường có khảm các vật quý.

1731. Mèo mả gà đồng: Mèo hoang sống ở mồ mả; gà hoang sống ở ngoài đồng, người ta thường dùng để ví với hạng người lông bông, giang hồ.

1735. Gia pháp: Phép tắc trong nhà để trừng phạt gia nhân và tôi tớ.

1739. Trúc côn: Gậy tre.

1741. Đào lý: Cây đào, cây lý, thường dùng để chỉ phụ nữ.

1744. Phiên thị tỳ: Thị tỳ ở nhà quyền quý rất nhiều, chia ra từng ban và từng phiên mà hầu hạ, nên gọi là phiên thị tỳ.

1745. Thanh ly: áo xanh. Đầy tớ gái các nhà giàu sang đời xưa đều mặc áo xanh, nên gọi là thanh y.

1747. Quản gia: Trong gia đình quan lại phong kiến đời xưa thường dùng những người đàn bà đứng tuổi trông coi việc nhà và cai quản số hầu gái, gọi là quản gia.

1750. Phương tiện: ở đây có nghĩa là đối đãi, xử trí mọi việc.

Hiếu sinh: Quý trọng sinh mệnh, ý nói tránh cho người ta con đường khổ sở chết chóc.

1752. Liễu và bồ là hai giống cây mềm yếu thường được dùng để chỉ phụ nữ.

1753. Oan nghiệp: Tiền oan, nghiệp chướng, có ý nói có oan thù và tội lỗi từ thời trước để lại.

1755. Tai vách mạch rừng: Do câu thành ngữ: Rừng có mạch vách có tai.

1761. Phong trần: Nghĩa đen là gió bụi, thường được dùng để chỉ sự khổ sở mà người đời phải chịu.

1765. Túc trái tiền oan: Nợ nần, oán thù từ kiếp trước để lại.

1774. Địa ngục, thiên đường: Theo giáo lý đạo Phật thì những người độc ác sau khi chết phải xuống địa ngục để chịu tội, còn hồn những người lương thiện thì được lên thiên đường. ở đây ý nói nơi khổ ải và nơi sung sướng.

1778. Trúc tơ: Do chữ ty trúc: ty là tơ để làm dây đàn, trúc là tre để làm ống sáo. Hai chữ này thường được dùng để chỉ các thứ âm nhạc nói chung.

1786. Tương phùng: Gặp nhau. Câu này ý nói: Thuý Kiều nghĩ rằng tình nghĩa giữa mình với Thúc Sinh muốn nối lại thì hoạ chăng chỉ ở kiếp khác.

1782. Ý nói: Thuý Kiều trông ra bốn bề thì thấy đâu cũng man mác một màu mây trắng mà không thấy quê nhà.

1788. Cổ quốc: Nguyên nghĩa là nước cũ, sau cũng dùng như chữ cố hương (quê cũ).

1791. Uyên: do chữ uyên ương, giống chim ở với nhau từng đôi, nên người ta thường dùng để chỉ vợ chồng. Uyên bay: ý nói Thuý Kiều không còn nữa (con chim uyên đã bay mất).

1793. Trắng mới: Trắng đầu tháng. Câu nói đại ý nói: Thúc sinh trông thấy mặt trăng lưỡi liềm đầu tháng giống như lông mày người gái đẹp mà tưởng nhớ đến Kiều.

1794. Câu này đại ý nói: Thuý Kiều không còn nữa. Thúc sinh trông thấy phần hương của nàng còn sót lại mà thương tâm.

1797. Cố nhận: Người quen biết cũ. ở đây chỉ Thuý Kiều.

1799. Gia hương: Nhà và làng, tức quê nhà. ở đây chỉ quê hương của Thúc sinh ở huyện Vô Tích.

1803. Nhà hương: Do chữ Hương khuê.

1816. Thành ngữ: Giết người không dao. ở đây chỉ mưu mẹo nham hiểm.

1823. Phách lạc hồn xiêu: Do chữ hồn phi phách tán, ý nói sợ hãi một cách ghê gớm.

1830. Động dong: Biến đổi sắc mặt, ý nói động lòng.

1831. Hiếu phục: Tang trở cha mẹ. ở đây chỉ thúc sinh vừa hết tang mẹ.

1832. Trắc dĩ: Kinh thi có câu Trắc dĩ Dĩ hề, chiêm vọng mâu hề (lên núi Dĩ trông ngóng mẹ). Người sau bèn dùng hai chữ Trắc Dĩ để nói thương nhớ mẹ.

Chung thiên: Suốt đời, ý nói không bao giờ quên.

1833. Hiếu tử: Người con có hiếu với cha mẹ.

1834. Giải phiền: Làm cho khuây khoả sự phiền não.

1835. Thù: Chén rượu do chủ nhà rót mời khách.

Tạc: Chén rượu do khách rót cho người chủ để đáp lại. ở đây nói vợ chồng Thúc sinh uống rượu và mời mọc nhau.

1836. Trì hồ: Bưng bầu rượu. ý nói bắt Kiều đứng hầu một bên để rót rượu cho hai vợ chồng Thúc sinh uống.

1846. Bồ hòn để ám chỉ người có việc buồn khổ mà không nói ra được. ở đây ý nói: chén rượu Kiều đưa mời chàng thấy đắng như bồ hòn, nhưng vì sợ Kiều bị liên lụy phải uống hết ngay.

1856. Người ngoài là người ngoài cuộc, thi Hoạn thư: người trong là người trong cuộc chỉ Thúc sinh và Kiều.

1865. Giọt rờn: có nghĩa là thời giờ, thời khắc.

1866. Cam tâm: Thoả lòng, hả dạ.

1871. Loan phòng: Phòng nằm của đôi vợ chồng;

1875. Thuý: Chim chẻ. Uyên: Chim uyên ương. ở đây chỉ việc Hoạn Thư dùng mưu chia rẽ đôi lứa Thúc sinh và Thuý Kiều.

1885. Đài dinh: Đài các, dinh thự, chỉ chỗ ở của bọn quyền quý. ở đây mượn để chỉ nhà ở của Thúc sinh và Hoạn thư.

1896. Thân cung: Cung khai, khai trình.

1897. Diện tiền: Trước mặt.

1910. Cửa không: Do chữ không môn. Vì đạo Phật cho mọi vật trên thế gian đều là "không" nên người ta gọi đạo Phật là "Không môn".

1913. Quan âm các: Cái chùa thờ Phật Quan thế âm Bồ tát. Đây là chùa riêng của nhà Hoạn Thư.

1915. Cổ thụ: Cây lâu năm.

Sơn hồ: Núi giả và hồ đào ra để làm cảnh.

1917. Tàng tàng: Tang tảng sáng.

1918. Ngũ cúng: Năm vật cúng Phật, tức hương, hoa, đăng, trà, quả.

1920. Tam quy: Ba lễ "qui y" tức quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng, nghĩa là đem cả tâm và thân mà theo đạo Phật.

Ngũ giới: Năm điều răn, tức là răn sát sinh, răn ăn rộm, răn tà dâm, răn nói càn, răn uống rượu.

Xuất gia: Ra khỏi nhà tức đi tu.

1921. Áo xanh: Thanh y, áo các hầu gái mặc.

Cà sa: áo nhà sư mặc.

1922. Pháp danh: Tên đặt theo tập tục tôn giáo. Trạc Tuyền là pháp danh do Hoạn thư đặt cho Kiều.

1924. Xuân, thu: Tên hai người đầy tớ gái do Hoạn thư sai đến Quan âm các ở với Kiều để giúp việc hương đèn.

1926. Rừng tía: Do chữ tứ trúc lâm, chỗ ở của Phật Quan âm Bồ tát.

Bụi hồng: Do chữ hồng trần, tức cõi trần tục, cõi đời.

1927. Nhân duyên: Duyên vợ chồng. ở đây chỉ duyên phận giữa Kiều và Thúc sinh.

1930. Thủ tự: Chữ viết tay.

Tâm hương: Hương lòng. Nén hương dân lên do tấm lòng thành kính.

1931. Giọt nước cành dương: Do chữ dương chi thủy. Theo sách Phật thì Phật Quan âm có cành dương liễu và bình nước cam lộ, khi muốn cứu ai thì lấy cành dương liễu dúng nước trong bình mà rảy vào người ấy. ở đây giọt nước cành dương dùng để chỉ phép màu nhiệm của Phật.

1932. Lửa lòng: do chữ tâm hỏa, chỉ mọi thứ dục vòng do lòng người sinh ra.

Trần duyên: Duyên nợ ở cõi trần.

1937. Gác kinh: Cái gác viết kinh, chỉ chỗ ở của Kiều.

Viện sách: Tức thư viện, phòng đọc sách, chỉ chỗ ở của Thúc sinh.

1940. Vấn an: Hỏi thăm sức khoẻ.

1944. Áo xanh: Do chữ thanh sam, chỉ thứ áo xanh mà các nhà nho sĩ xưa thường mặc.

1950. Cát lằm ngọc trắng: ý nói Kiều như "ngọc trắng" mà bị cát vùi dập.

1953. Tông đường: Nhà tổ tông. ở đây dùng với nghĩa: "nối dõi tông đường". ý nói Thúc sinh nghĩ mình chưa có con trai để nối dõi tông đường.

1957. Đông tố: Cơn mưa to gió lớn. ở đây chỉ sự giận giữ ghê gớm của Hoạn thư.

1987. Bút pháp: Phép viết chữ.

1988. Thiếp Lan - đình: Do chữ Lan-đình thiếp là bản bút tích rất tốt của nhà văn Vương Hy Chi, đời Tần.

1991. Thiên trà: Nước trà của nhà chùa.

Hồng mai: Gỗ cây mai già dùng để nấu làm nước uống, sắc nước đỏ hồng, nên gọi là hồng mai.

1992. Thư trai: Nhà đọc sách, cũng như thư viện.

2008. Bó tay: Chữ hán là thúc thủ. Đặt hai chữ "bó tay" sau chữ "Thúc" là một cách chơi chữ của tác giả.

2011. Đãi đằng: ở đây lại có nghĩa là nói năng, làm ầm ĩ lên.

2014. Cổ nhân có câu: Nợ giả thường tình, tiểu giả bất khả t rặc, nghĩa là: Giận dữ là thói thường, cười thì không thể lường được. Câu này dùng ý ấy.

2018. Câu này ý nói: Bị giam giữ ở đây lâu, thế nào cũng có ngày mình bị hành hạ điều đúng hơn, hoặc bị trừ khử.

2020. Câu này ý nói: Thuý Kiều nghĩ thân phận của mình như cánh bèo trên mặt nước, ở đâu thì cũng là lệnh đênh cả, không còn quản gì.

2024. Kim ngân: Vàng bạc, chỉ các đồ thờ như chuông, khánh đúc bằng vàng bạc.

2036. Chiêu ấn: Tên ngôi chùa, nghĩa là chiêu nạp những người ấn dật.

2038. Trụ trì: Cư trú và chủ trì mọi công việc trong một ngôi chùa.

2043. Tiểu thiên: Cũng như tiểu tăng, là người đi tu nhỏ mọn (Lời Kiều tự khiêm).

2044. Qui sư, qui phật: Theo thầy, theo Phật, cũng như nói "qui tăng, qui phật".

2045. Bản sư: Vị sư thầy học mình.

2046. Pháp bảo: Chỉ các đồ thờ cúng quý giá.

Sư huynh: Vị sư đàn anh, lời xưng hô giữa các vị sư với nhau.

2047. Diện kiến: Đem dâng ngày trước mặt.

2050. Hăng Thuỷ: Tên hiệu một vị sư nữ khác mà Kiều mạo xưng là thầy học mình.

Hầu tình: Tình nghĩa đối xử hậu hĩ, thân mật.

2053. Am mây: Do chữ Vân phòng, chỗ ở nhà sư ở.

2059. Thông tuệ: Thông minh, sáng suốt;

2062. Vẻ ngân: ánh bạc, ánh trắng sáng như bạc.

2064. Đàn việt: Người đứng ra bố thí, thường thường để chỉ người có công với nhà chùa, hay người đi vãn cảnh chùa.

Cửu già: Tiếng Phạn gọi chùa là già lam.

ở đây ý nói ngồi chờ nước đến chân rồi mới nhảy là khờ dại.

2088. Đồng môn: cùng học một thầy, một trường, ý nói Bạc hà cũng một phường chủ lâu xanh như Tú bà.

2096. Tục ngữ: Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa. ở đây mượn ý ấy để nói Thuý Kiều đã mang tiếng trốn chúa và ăn cắp, thế nào cũng bị người ta dị nghị.

2097. Oan gia: Bạc bà địa đặt ra mà nói Kiều là một oan gia kiếp trước vào nhà mình để chực gây tai hoạ cho mình.

Phá gia: Phá nhà.

2099. Xe dây: Cũng như xe tơ, nghĩa là lấy chồng.

2108. Thành thân: Làm lễ hợp hôn, thành vợ chồng.

Châu thai: Chỗ Bạc Hạnh buôn bán, thuộc tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc).

2118. Cổ ngữ: Thương cung chi điệu, kiến khúc mộc nhi cao phi, nghĩa là con chim đã bị thương vì cung thì thấy cái cung cũng sợ mà bay cao.

2123. Sở cầu: Cầu đến, hỏi đến, ý nói muốn cưới làm vợ.

2124. Tân minh: Lấy lòng thực mà thề với nhau.

2132. Thành hoàng thổ công: ý nói: Bạc Hạnh thề rằng: Nếu mình không tốt với Kiều thì xin thành hoàng, thổ công chứng giám.

2134. Lễ tơ hồng: Tức là Nguyệt lão, vị thần xe dây cho người nên vợ nên chồng.

2139. Hành viện: Tên gọi khác của nhà chứa.

2151. Theo nhà thuật số đời xưa thì đào hoa làm một hung tịch, chiếu vào cung mệnh con trai thì bệnh tật, chiếu vào cung mệnh con gái thì phải làm đi.

2157. Hồng quân: Chỉ con tạo. Hồng quần: Cái quần đỏ, được dùng để chỉ người con gái.

2164. Mặt phấn: Mặt trát phấn, ý thân phận người con gái.

2166. Biên đình: Nơi biên ải xa xôi.

2167. Râu hùm, hàm én, mày ngài: Tượng mại của người anh hùng: râu dữ như râu hùm, hàm mở rộng như chim én, mày cong và to như con tằm.

2196. Anh hào: Anh hùng hào kiệt.

2170. Côn quyền: Món võ đánh bằng gậy.

Quyền: Món võ đánh bằng tay.

Lược thao: Mưu lược về các dùng binh, do chữ Lục thao, Tam lược là hai pho binh thư đời xưa mà ra.

2172. Việt Đông: Chỉ tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) ở về phía đông sông Việt, nên gọi là Việt Đông.

2176: Hoàng Sào, một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa đời Đường, có câu thơ: Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng, nhất trạo giang sơn tận địa duy (chỉ nửa vai cung kiếm mà tung hoành khắp cả gầm trời, chỉ một mái chèo mà đi khắp cả non sông).

2176. Tấm lòng nhi nữ: ý nói: Người đẹp.

Lầu hồng: do chữ hồng lâu.

2179. Tâm phúc tương cờ: Tương cờ tức tương kỳ. Lòng dạ hứa hẹn với nhau. Từ Hải muốn cùng Kiều kết thành đôi lứa tri kỷ chứ không phải là cái tình yêu đương trăng gió tạm bợ.

2182. Mắt xanh: Nguyên Tịch đời Tấn, trọng ai thì nhìn bằng con mắt xanh, khinh ai thì nhìn bằng con mắt trắng. Câu này ý nói: Từ Hải hỏi Kiều, xưa nay nàng chưa hề xem trọng ai có phải không?

2184. Cá chậu chim lồng: Chỉ hạng người tầm thường, sống trong vòng giam hãm câu thúc.

2192. Bình-nguyên quân: Chính tên là Triệu Thắng, một trong thần nhà Triệu, đời Chiến quốc được phong đất ở Bình Nguyên nên gọi là Bình nguyên quân, nổi tiếng là người hiếu khách. Cao Thích đời Đường có câu: Vị trí can đảm hưởng thụ thị, linh nhân khước ước Bình Nguyên quân, nghĩa là chẳng biết gan mật hưởng vào ai, khiến người ta lại nhớ Bình Nguyên quân.

2196. Tấn Dương: Tên đất, nơi Đường Cao tổ khởi binh đánh nhà Tùy, dựng nên đế nghiệp. Câu này ý nói: Thuý Kiều tin tưởng là Từ Hải sẽ làm nên sự nghiệp đế vương.

2200. Tri kỷ: Người hiểu biết mình.

2202. Trần ai: Bụi bậm, chỉ lúc người anh hùng còn ẩn náu, chưa có danh vụ gì để phân biệt với người thường.

2204. Nghìn tứ do chữ thiên tứ, nghìn cỗ xe chỉ cảnh giàu sang.

2205. ý hợp tâm đầu: Tâm tình và ý nghĩa đều tương đắc với nhau.

2208. Nguyên ngân: Số tiền bỏ ra khi trước.

Phát hoàn: Đưa trả lại.

2210. Bát tiên: Tám vị tiên là Chung Ly Quyền, Lã Động Tân, Trương Quả Lão, Lý Thiết Quái, Lam Thái Hoà, Tào Quốc Cửu, Hà Tiên Cô, Hàn Tương Tử. Người ta hay vẽ hình tám vị tiên này trên màn trướng.

2212. Sánh phượng, cưới rồng: Xưa Kính Trọng, người nước Tần, được quan đại phu nước Tề gả con gái cho, trong quẻ bói được câu: Phượng hoàng vu phi... (Chim phượng hoàng cùng bay). Đời Đông Hán, Hoàng Hiên và Lý Ung là hai người có danh vọng, cùng lấy con gái Hoàn Yến, người đời khen hai con gái Hoàn Yến đều cưới rồng. Câu này dùng ý hai điển ấy để nói Từ Hải, Thuý Kiều đẹp duyên với nhau.

2214. Trượng phu: ở đây có nghĩa là đàn ông tài giỏi, có chí lớn.

2219. Tâm phúc tương tri: Biết nhau từ trong thâm tâm, hiểu rõ bụng dạ của nhau.

2220. Nữ nhi thường tình: cái tính thông thường của đàn bà, con gái.

2222. Chiêng: Tức chính cổ, chỉ chung chiêng trống. Tinh: Tức tinh kỳ, chỉ chung cờ quạt, tượng trưng cho nghi vệ và đội ngũ quân lính ngày xưa.

2224. Nghi gia: Do chữ nghi kỳ thất gia ở Kinh Thi, ý nói vợ chồng hoà hợp. ở đây, hai chữ nghi gia có nghĩa là gái về nhà chồng.

2230. Bể : Một loại chim rất lớn. Sách Trang Tử có câu Bể chi tử ư Nam minh đã, đoàn phù đạo nhi thường giả cửu vạn lý (Chim bể khi rời biển Nam, vỗ cánh trong làn gió cuốn mà bay lên chín vạn dặm tầng không). Người ta thường dùng hình ảnh ấy để chỉ người anh hùng có địa bàn hoạt động rộng rãi, có mưu đồ sự nghiệp lớn lao.

2235. Hán Cao tổ quê ở Phần Du, sau khi làm vua có về làng ấy chơi. Người sau bèn dùng hai chữ phần du để chỉ quê nhà, ở đây hợp với chữ tang tử thành tử phần để chỉ quê nhà.

2236. Thơ Hàn Dũ đời Đường: Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại? Nghĩa là: Mây che ngang núi Tần, biết quê nhà ở đâu? ý nói Kiều nhớ nhà.

2242. ý nói : Kiều tuy dứt tình với Kim Trọng, nhưng lòng vẫn không quên chàng, cũng vì như ngó sen bị bẻ gãy, mà sợi tơ vẫn liền với nhau.

2245. Cổ quốc tha hương: Có nghĩa là quê nhà đất khách.

2250. Lửa binh: Do chữ binh hoả nghĩa là giặc giã.

2251. Sát khí : Cái khí dữ dội của cảnh chém giết, thường được dùng để chỉ cảnh binh đao sát phạt.

2252. Kinh ngạc : Hai giống cá to, dữ, thường được dùng để chỉ những tay kiệt hiệt trong đám giặc giã. Giáp binh : áo giáp và binh khí, đây dùng để chỉ quân lính.

2260. Phu nhân: Tiếng xưng hô đối với vợ các người tôn quý. Đây chỉ Thuý Kiều.

2263. Cung nga : Gái hầu trong cung, cung nữ. Thế nữ : Loại gái hầu kém cung nữ một bậc, ở đây tác giả dùng những danh từ ấy là có ý xem Từ Hải như một vị đế vương.

2265. Phượng liễn loan nghi: Xe, kiệu và đồ nghi trượng có chạm khắc thêu vẽ hình loan, chim phượng.

2266. Hoa quan: Mũ hoa.

Hà y: áo màu hồng như ràng mặt trời..

2269. Hoả bài: Cái thẻ bài hoả tốc, cầm đi trước để báo tin.

2270. Nam đình: Triều đình phương Nam do Từ Hải lập ra.

Đại doanh: Doanh trại lớn, nơi đóng đại quân của Từ Hải.

2272. Thân nghênh: Tự mình đích thân ra đón.

2273: Cầm: Khăn (mũ); đai: Cái đai vòng quanh áo lễ. Câu này ý nói Từ Hải lúc này ăn mặc không phải như lần gặp Kiều khi còn hàn vi, mà đã ăn mặc theo cung cách đế vương.

2275. Cá nước duyên ưa: Do câu ngư thủy duyên hài, ý nói vợ chồng đẹp duyên với nhau.

2284. Trưởng mai: Trưởng có thêu hoa mai, chỉ phòng nằm của vợ chồng.

2297. Nghiêm quân: Chinh đồn hàng ngũ quân lính.

Tuyển tướng: Lựa chọn tướng tá.

2298. Ruổi sao: Do chữ tinh trì, ý nói đi nhanh như sao đổi ngôi.

2299. Ba quân: Danh từ chỉ chung quân đội. Đời xưa các nước chư hầu có ba quân, mỗi quân 12.500 người. Và các nước thường chia quân đội làm ba bộ phận: trung quân, tả quân, hữu quân; hoặc: trung quân, thượng quân, hạ quân.

2303. Lệnh tiễn: Cờ lệnh có cắm mũi tên sắt của các tướng soái dùng để làm hiệu lệnh hoặc để làm tin.

2307. Thệ sư: Lời tuyên cáo và hiểu dụ quân sĩ trước lúc xuất quân.

2308. Chấp uy: Chấp hành uy lệnh.

2309. Báo phục: Báo trả lại, ý nói làm ân thì sẽ được trả ân, làm oán thì sẽ có lúc bị người ta trả oán.

2312. Cơ, về: Tên gọi các đơn vị quân lính đời xưa.

Thị lập: Đứng chầu.

Song phi: Dàn làm hai hàng.

2314. Bác đồng: Súng bằng đồng.

2315. Trường hùm: Dịch chữ hổ trưởng. Xưa thường dùng da hùm làm thành cái màn lớn để chủ soái họp bàn với các tướng, nên người sau quen dùng chữ "hổ trưởng" để chỉ chỗ làm việc của các tướng soái.

Trung quân: Đội quân đóng ở giữa, do chính chủ tướng chỉ huy.

2318. Cửa viên: Viên là cái cang xe. Đời xưa lúc quân đội cắm trại thường dùng xe làm cửa, nên cửa doanh trại của quân đội gọi là "viên môn".

2326. Chàm đỏ: Mặt xanh như màu chàm đỏ vào.

Giẽ run: Minh run như chim giẽ.

2329. Sâm và Thương: Theo nhận thức của người xưa, thì sao Sâm ở phương tây sao Thương ở phương đông, sao này lặn sao kia mới mọc. Hai sao này không bao giờ gặp nhau, nên người ta dùng để chỉ cảnh xa cách mỗi người một nơi. Đối chiếu thiên văn học hiện nay đó là hai sao Orion và Scorpion.

2334. Tục ngữ: Kẻ cắp gặp bà già, ý nói hai kẻ ranh ma quý quái lại gặp phải nhau.

2341. Mụ già: Chỉ bà quản gia nhà họ Hoạn.

Sư trưởng: Chỉ Giác Duyên.

2348. Phiếu mẫu: Bà làm nghề giặt sợi ở bến nước. Hàn Tín đời Hán lúc hàn vi được bà Phiếu mẫu đãi một bữa cơm, sau làm đến tước vương, tạ ơn nghìn vàng.

2353. Hiến phù: Dâng nộp những người bắt được.

2354. Hậu tra: Chờ để tra xét.

2377. Tri quá: Biết lỗi, từ mình biết nhận rằng mình có lỗi.

2382. Hại nhân, nhân hại: Làm người thì sẽ bị người làm hại.

2387. Nội đao: Quân đao phủ, chuyên việc chém người.

2395. Pháp trường: Chỗ để hành hình người có tội.

2396. Thanh thiên bạch nhật: Trời xanh ngày trắng, ý nói giữa ban ngày ban mặt, ai cũng được chứng kiến.

2398. Từ qui: Từ giã ra về.

2399. Thiên tài nhất thì: Ngàn năm mới có một dịp. Câu này thường dùng để chỉ dịp may hiếm có.

Bàn hoàn: Đây có nghĩa là gặp gỡ trò chuyện.

2404. Hạc nội: Chim hạc ở ngoài đồng nội. Mây ngàn: Đám mây bay trên rừng núi. ý nói nay đây mai đó, nơi ở không nhất định.

2405. Hành cước: Đi bộ, tiếng nhà Phật, chỉ việc các nhà sư đi vân du.

2406. Tiên tri: Biết trước mọi việc chưa xảy ra.

2407. Hội ngộ chi kỳ: Cái kỳ hẹn gặp gỡ nhau.

2409. Tiền định: Đã định sẵn từ trước.

2416. Chung thân: Trọn đời, ý nói Kiều muốn hỏi số phận của mình suốt đời ra sao.

2425. Khắc xương ghi dạ: Do chữ mình tâm khắc cốt: ý nói ơn sâu của Kiều xin ghi vào lòng, khắc vào xương không bao giờ quên.

2426. Nghì trời mây: Ơn nghĩa cao cả như trời mây.

2427. Quốc sĩ: Kẻ sĩ tài giỏi có tiếng trong nước.

2430. Cỗ ngữ: Lộ kiến bất bình, bạt dao tương trợ, ý nói người anh hùng nghĩa hiệp, giữa đường đi mà thấy điều gì không công bằng thì tuốt gươm ra mà giúp sức cho người bị áp bức. Câu này mượn ý ấy.

2432. Thâm tạ: Tạ ơn một cách sâu sắc.

Tri ân: Biết ơn của người khác đối với mình.

2434. Việt: Một xứ ở Đông nam Trung Quốc;

Tần: Một xứ ở bắc Trung Quốc. Kẻ Việt người Tần có nghĩa là cách biệt xa xôi.

2438. Tẩy oan: Rửa tội oan, ý nói Từ Hải sai mở tiệc để làm hội rửa sạch tội oan cho Kiều.

2440. Bình uy: Uy thế của quân đội. Câu này ý nói: Uy thế của quân Từ Hải từ đó vang dội trong ngoài như sấm dậy.

2444. Huyện thành: Thành trì của một huyện. Câu này ý nói: Quân Từ Hải đánh chiếm được năm huyện phía Nam Trung Quốc.

2446. Giá áo túi cơm: Cái giá để mặc áo, cái túi để đựng cơm ý nói người vô dụng hèn kém.

2448. Cô và quả: Tiếng tự xưng của bọn vua chúa đời xưa. Bá Vương cũng nghĩa như vua chúa. Câu này ý nói: Từ Hải cũng xưng cô xưng quả, làm vương làm bá một phương chứ không kém gì ai.

2449. Tranh cường: Đua tranh về sức mạnh. Câu này ý nói: Trước ngọn cờ của Từ Hải không ai dám chống lại.

2450. Hùng cứ: Lấy sức mạnh mà chiếm giữ.

Hải tần: Đất ven biển.

2452. Kinh luân: Nghĩa đen là quay tợ và bện tợ, người ta thường dùng để nói tài sắp xếp chính sự, kinh bang tế thế.

2453. Đẩy xe: Do chữ thôi cốc (đẩy bánh xe). Đời xưa, khi sai tướng đi đánh giặc, vua thường tự mình đẩy vào xe của viên tướng một cái, để tỏ ý tôn trọng. Câu này ý nói: vua nhà Minh sai Hồ Tôn Hiến đi đánh Từ Hải là một việc rất quan trọng.

2454. Tiện nghi bát tiếu: Tùy tiện mà đánh đẹp.

Đồng nhung: Trông coi, đốc suất việc quân.

2457. Chiêu an: Kêu gọi chiêu dụ cho giặc đầu hàng.

2477. Vương thần: Bề tôi của nhà vua.

2478. Thanh vân: Mây xanh, người xưa thường dùng để chỉ con đường công danh.

2481. Mệnh phụ: Vợ các quan to đời xưa, được vua ban sắc mệnh phong cho làm phu nhân.

2484. Đặc hiệu: Tròn đạo hiếu với cha mẹ.

Đặc trung: Tròn đạo trung với vua.

2485. Chiếc bách: Do chữ bách châu có nghĩa là mảnh thuyền, ý nói thân phận lênh đênh.

2491. Bình thành: Do chữ địa bình thiên thành ở Kinh thư, ý nói nhà vua sửa sang việc nước cho trời đất được bằng phẳng.

2494. Vô định: Tên một con sông ở biên thủy tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc). Ngày xưa ở con sông ấy đã xảy ra nhiều cuộc chiến tranh giữa người Hán và người Hồ, làm cho rất nhiều người bị chết.

2496. Hoàng Sào: Một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa cuối đời Đường, đã từng vây hãm kinh đô Trường An, tung hoành trong mười năm trời, sau bị thủ hạ giết chết.

2502. Thúc giáp: Bó áo giáp lại.

Giải binh: Cho quân đội nghỉ ngơi không chiến đấu nữa.

2530. Thành hạ yêu minh: Cùng nhau ăn thề dưới thành để tỏ ý không làm hại nhau và thật thà tuân theo đúng những điều đã ước hẹn.

2506. Vương sư: quân của nhà vua, tức quân của Hồ Tôn Hiến.

2507. Quyết kế thừa cơ: Quyết định cái mưu là nhân cơ hội Từ Hải trể tràng việc quân để đánh.

2508. Lễ tiên bình hậu: Phía trước thì đàn nghi lễ để chiêu hàng, phía sau thì phục sẵn binh mã để phản công.

Khắc cờ: ấn định kỳ hạn.

Tập công: Đánh úp.

2509. Chiêu phủ: Kêu gọi, vỗ về, để cho quy hàng.

Tiên phong: Toán quân đi trước. Câu này ý nói: Hồ Tôn Hiến lập mưu cho kéo cờ "chiêu phủ" đi trước.

2512. Đại quan lễ phục: ăn bận theo phục sức của vị quan lớn không mặc binh phục.

2529. Trí dũng: Trí khôn và sức mạnh.

2533. Dòng thu: Đây là chỉ nước mắt.

2535. Oan khí tương triền: Cái oan khí ức vẫn vít lại với nhau. ý nói: Giữa Từ Hải và Thuý Kiều hình như cùng chung mối uất ức.

2542. Binh cách: Binh là binh khí. Cách là áo giáp và mũ đầu mâu. Người ta thường dùng hai chữ binh cách để chỉ cuộc binh đao chinh chiến.

2543. Thành toán miếu đường: Mưu chước đã sắp đặt sẵn ở nơi tôn miếu triều đường. Câu này ý nói: đành hay

triều đình đã cso mưu kế sẵn, nhưng cũng nhờ lời nàng nói giúp mới nên việc.

2552. Bách chiến: Trăm trận đánh, ý nói Từ Hải là một người dạn dày trong chiến trận.

2553. Phu quý phụ vinh: Chồng làm nên quan sang thì vợ cũng được vinh hiển.

2555. Ngang tàng: Cũng cú nghĩa như hiên ngang, ý nói người tung hoành ngang trời dọc đất.

2561. Tiện thổ: Mướn đất xấu.

2564. Cảo táng: Chôn một cách sơ sài, không có khâm liệm quan quách gì. Di hình: Cũng như di hài.

2565. Hạ công: Mừng công (Thắng trận).

2567. Thị yến: Hầu hạ bên bàn tiệc.

2581. Hương lửa ba sinh: Do chữ tam sinh hương hoá, ý nói duyên nợ vợ chồng từ kiếp xưa để lại.

2582. Dây loan: Chỉ việc nối lại nhân duyên vợ chồng.

2586. Tiểu lân: Tên nàng Phùng Thục Phi, vợ vua Hậu chủ nước Tề, đời Nam Bắc triều. Sau khi nước Tề mất, nàng về tay người khác, nhân lúc dây đàn đứt, nàng làm bài thơ cảm hoài trong đó có câu: Dục trí tâm đoạn tuyệt, ưng khan tất thương huyền. Nghĩa là muốn biết tơ lòng đứt nát, nên xem cái dây trên đầu gối thì rõ. Câu này mượn ý câu thơ ấy.

2588. Gốc phần: Do chữ phần du.

2591. Phương diện quốc gia: vị quan đảm đang công việc một vùng đất nước.

2596. Công nha: Chỗ làm việc quan, cũng như công môn đường.v.v.

2598. Thổ quan: Cũng như thổ tù, viên quan người ở bản thổ, có thể ở vùng dân tộc ít người.

2609. Tơ đào: Cũng như tơ hồng. Câu này ý nói: Ai đã chia rẽ nhân duyên của mình, đối nghĩa với câu dưới: "Nợ dâu, ai đã giặt vào tận tay?". Nợ đây tức là việc "ép tình mới gán cho người thổ quan".

2619. Triều: Nước thủy triều. ở cửa sông Tiền Đường (Trung Quốc) khi triều lên thì có tiếng sóng ùng ùng.

2621. Thần mộng: Lời báo mộng của thần, ý nói lời Đạm Tiên dặn trong chiêm bao, lúc Kiều tự vẫn ở nhà Tú Bà: "Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau".

2626. Tuyệt bút: Bút tích cuối cùng, viết trước khi chết để kể nỗi tâm tình của mình cho người sau biết.

2627. Cửa hồng: Cửa thuyền.

Rèm châu: Rèm có trang sức châu báu, hoặc rèm sơn màu đỏ.

2635. Con nước: Tiếng quen gọi của dân chài lưới để chỉ nước thủy triều lên xuống.

2638. Người xưa thường dùng hai chữ hương ngọc để chỉ phụ nữ.

2646. Âm cực dương hồi: Khi khí âm đến hết mực thì khí dương lại trở về. Câu này cũng nghĩa như câu bỉ cực thái lai, ý nói con người ta khi vận đen đã hết thì vận đỏ trở lại.

2650. Bầu: Quả bầu khô rút ruột đi để đựng nước.

Níp: Cái tráp đan bằng tre để đựng quần áo sách vở. Hai vật thường dùng của những người đi đường thời xưa.

Vân du: Danh từ nhà Phật, ý nói nhà sư đi lang thang nay đây mai đó như đám mây bay vô định.

2655. Phúc hoạ đạo trời: Nói người ở đời gặp phúc hay gặp hoạ đều do ý trời, không phải ngẫu nhiên.

2668. Thanh lâu: Gái điếm. Thanh y: Gái hầu. Thuý Kiều làm gái điếm một lần ở Lâm Tri, một lần ở Châu Thai và làm gái hầu một lần ở nhà Hoạn bà, một lần ở nhà Hoạn Thư.

2670. Hùm sói: Người xưa thường dùng hai chữ hùm sói để chỉ các tướng giặc. Đây muốn nói Kiều phải sống với bọn ác độc.

2680. Nghiệp duyên: Danh từ nhà Phật có nghĩa là mối duyên nợ do bản thân mình làm nên từ kiếp trước.

2683. Tình thân: Do câu phụ tử tình thân. Câu này ý nói: Thuý Kiều đến bồi ơn nghĩa sâu sắc của cha mẹ.

2687. Thừa công đức: Nghĩa là cứ xem như công đức ấy.

2688. Túc khiên: Tội lỗi kiếp trước.
2697. Thảo đường: Nhà lợp bằng gianh, bằng cỏ.
2699. Ngư phủ: Người làm nghề chài lưới.
2703. Duềnh ngân: Dòng nước bạc.
2705. Ngư ông: Ông lão đánh cá, tức "ngư phủ" nói trên.
2711. Phách quế hồn mai: Do chữ quế phách mai hồn. Hai chữ "quế mai" ở đây dùng cho đẹp lời văn.
2720. Âm công: Công đức cứu người làm ngấm ngấm, không ai biết.
2732. Thảo lưu: Nhà tranh cũng nghĩa như thảo đường.
2741. Phù tang: Phù trì đám tang, cũng nghĩa như hộ tang.
2743. Vườn Thuý: Chính nghĩa là cái vườn có hiên "Lãm Thuý" chỗ Kim Trọng trọ học lúc trước. Nhưng ở đây chỉ nơi hai người đi về tình tự lúc trước.
2748. Thôi Hộ đời Đường, nhân tiết Thanh minh, đi đến nơi kỳ ngộ, tìm người con gái đã gặp gỡ năm trước thì chỉ thấy cửa đóng, người đi đâu vắng, nhân đó mà làm bài thơ, trong có câu: nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cự tiểu đông phong. Nghĩa là: mặt người không biết đi đằng nào, hoa đào vẫn cười với gió đông như cũ. Cây này dùng câu ý thơ ấy để nói không thấy bóng dáng nàng Kiều ở đâu, chỉ thấy hoa đào vẫn cười với gió đông như năm xưa mà thôi.
2757. Tụng đình: Sân kiện, nơi xử kiện. ở đây dùng với nghĩa việc chỉ kiện cáo.
2765. Di trú: Dời đi ở chỗ khác.
2779. Gia biến: Tai biến của gia đình.
2783. Lang quân: Tiếng dùng để chỉ người chồng trẻ và chỉ những người trai trẻ nói chung.
1788. Lai sinh: Kiếp sau. Câu này ý nói: nếu như chết mà thiêng thì kiếp sau xin đền bù lại.
2789. Ký chú đình ninh: Ghi chú, dặn dò cẩn kẽ.
2801. Ván đã đóng thuyền: ý nói Thuý Kiều bây giờ đã về tay người khác.
2807. Kim hoàn: Vòng vàng, vật Kim Trọng đưa cho Thuý Kiều làm tin lúc mới gặp nhau (Câu 318: Xuyến vàng đi chiếc, khăn là một vuông).
2824. Dưỡng thân: Nuôi cha mẹ. Câu này ý nói: Kim Trọng thay Kiều phụng dưỡng vợ chồng Vương ông như cha mẹ mình.
2828. Lâm thanh: Mã Giám Sinh nói dối là quê ở đó, nên Kim Trọng mới sai người đến đây hỏi thăm tin Kiều.
2859. Chế khoa: Khoa thi do ý vua mà mở ra, khác với khoa thi thường lệ.
2860. Bảng xuân: Do chữ xuân bảng, bảng thi về mùa xuân. Chiếm bảng xuân tức là thi đỗ.
2861. Cửa trời: Do chữ thiên môn, tức là cửa nhà vua.
- Đường mây: Do chữ vân lộ hay thanh vân lộ, ý nói đường công danh, sĩ hoạn.
2862. Ngõ hạnh: Tức Hạnh Viên ở kinh đô Tràng An. Đời nhà Đường các tân khoa tiến sĩ được dự tiệc và xem hoa ở đây.
- Dặm phần: Do chữ phần du mà ra, ý nói quê nhà. Xem chú thích 2235. Cây này tả cảnh vinh hoa của Kim, Vương khi thi đỗ và về vinh qui.
2864. Chu tuyền (hay chu toàn): Làm cho được tròn vẹn. Câu này ý nói: Vương quan làm rể họ Chung.
2870. Ngọc đường: Đời Tống Thái Tông, vua đề ở dinh Hàn Lâm ba chữ Ngọc đường thự. Đời sau bèn dùng những chữ Kim mã ngọc đường để nói chung cảnh quan gia phú quý.
2873. Ngoại nhậm: Làm quan ở cõi ngoài (không phải ở huyện nhà).
2874. Thê nhi: Vợ con.

2875. Phụ tử Tiễn đời Xuân thu, làm quan huyện, thường hay gảy đàn, người sau bèn gọi đình quan huyện là cầm đường.

2876. Triệu Biên đời Tống, đi làm quan, chỉ đem theo một con hạc và một cây đàn, tỏ ra người liêm khiết cao thượng.

2883. Thanh khí: Câu này ý nói: Thuý Vân, Thuý Kiều là hai chị em ruột, cho nên dễ cảm thông với nhau.

2884. Giai âm: Tin tốt.

2885. Thăng đường: Ra ngồi làm việc ở công đường.

2893. Kiên trinh: Kiên quyết giữ gìn trinh tiết.

2894. Liều mình: Chỉ việc Thuý Kiều tự vẫn lúc mới đến nhà Tú Bà.

Phải lừa chỉ việc sợ bị Sở Khanh lừa đưa đi trốn.

2907. Tóc tơ: Kể tóc chân tơ, ý nói hỏi rất tỷ mỉ.

2922. Thiên tài: Tài trời phú cho.

2924. Động địa kinh thiên: Sôi trời nổi đất.

2926. Vân mông: Tiếng cổ, nghĩa là tin tức, manh mối.

2927. Tiên hao: Cùng nghĩa với tầm hơi, tin tức.

2937. Bình: Bèo, Bồng: Cỏ bồng. Hai vật này thường hay trôi nổi theo nước và gió. ở đây để chỉ tấm thân phiêu bạt của Kiều.

2938. Đỉnh chung: Đỉnh: Cái vạc để nấu thức ăn. Chung: Cái chuông để đánh báo hiệu giờ ăn. Đỉnh chung ở đây dùng để chỉ cảnh vinh hiển phú quý.

2939. Treo ấn từ quan: Treo trả cái ấn tại công đường mà bỏ về, không làm quan nữa.

2944. Năm mây: Do chữ Ngũ vân, ý nói tờ chiếu có vẽ mây năm sắc; chiếu trời là chiếu nhà vua.

2948. Khâm ban: Chữ khâm, nguyên có nghĩa là kính, sau được dùng để chỉ nhà vua. Ví dụ: như nói khâm sai, khâm định...

Sắc chỉ: Tờ sắc ban bố mệnh lệnh của nhà vua.

2949. Cải nhậm: Đổi đi làm nơi khác. Nam - bình: Tên huyện, thuộc tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc), ở phía trên sông Tiền Đường và Hàng Châu.

2950. Châu Dương: Tức Dương Châu, tên phủ thuộc tỉnh Giang Tô (Trung Quốc), ở phía trên sông Tiền Đường và Hàng Châu.

2952. Phó quan: Đi đến chỗ làm quan, đi nhậm chức.

2954. Phúc Kiến, Chiết Giang: Hai tỉnh phía đông nam Trung Quốc, nơi cát cứ cũ của Từ Hải.

2957. Hàng Châu: Tên phủ, nay là thủ phủ tỉnh Chiết Giang.

2960. Thất cơ: Để lỡ cơ mưu, làm sai quân cơ, tức là bị mắc mưu địch.

Thu linh: thu khí thiêng, ý nói chết.

2962. Thổ tù: Người tù trưởng ở địa phương, cùng như chữ Thổ quan.

2963. Ngọc và châu: Thường được dùng để chỉ cái đẹp, cái quý giá:
"Gieo ngọc trầm châu" ở đây chỉ việc Thuý Kiều trầm mình.

2967. Chiêu hồn: Gọi hồn.

Thiết vị: Đặt bài vị viết tên hiệu người chết mà thờ cúng.

Đàn tràng: Đàn làm lễ giải oan.

2970. Cánh hồng: Cánh chim hồng. Cũng hiểu là phong thái nhẹ nhàng của cô gái đẹp.

2972. Tinh vệ: Tên một loài chim nhỏ, sống ở bãi bể. Theo sách Thuật dị ký: Xưa con gái vua Viêm để chết

đuổi ở biển, hồn hoá thành con chim tinh vệ, hàng ngày ngậm đá ở núi Tây Sơn vút xuống biển để hồng lấp biển. ở đây ví Thuý Kiều trầm mình nên mượn điểm ấy.

2973. Cơ. Cơ trời. Duyên: duyên may. Câu này ý nói: Cơ trời xui khiến, duyên số lạ lùng.

2975. Linh vị: Bài vị thờ linh hồn người chết.

2984. Pháp sư: Tiếng đồn xưng những tăng ni, đạo sĩ cấp trên.

2985. Nhân quả: ở đây có nghĩa như là nhân duyên, duyên nợ.

2989. Cửa bồ đề: Cửa Phật.

2990. Thảo am: Chùa lợp tranh.

2991. Phật tiền: Trước bàn thờ Phật.

2999. Minh dương: Cối tối và cối sáng, tức âm phủ và dương gian.

3000. Cửu nguyên: Tên một xứ ở tỉnh Sơn Tây (Trung Quốc) đời Xuân Thu là chỗ chôn các quan khách và đại phu nhà Tần, người sau bèn dùng chữ cửu nguyên để chỉ mộ địa nói chung.

3005. Giang tân: Ven sông;

3011. Phương trưởng: Khôn lớn và trưởng thành.

3020. Trần tạ: Bày tỏ lòng tạ ơn.

Từ bi: Thương người, chữ của nhà Phật.

3039. Tái thế tương phùng: Gặp nhau ở đời thứ hai, ý nói thân Kiều như chết đi sống lại để gặp gỡ gia đình.

3049. Trùng sinh: Đẻ lại lần thứ hai, ý nói làm cho mình sống lại. Chỉ vào ơn của Giác duyên.

3051. Bỉ thứ nhất thì: Do câu Bỉ nhất thì, thử nhất thì ý nói xưa kia là một thì, bây giờ là một thì, hoàn cảnh khác nhau không thể câu nệ được.

3052. Tòng quyền: Theo quyền biến, ý nói phải thay đổi việc làm cho thích nghi, không thể nhất nhất giữ đạo thường được.

3056. Lập am: Dựng chùa, ý nói sẽ làm ngôi chùa riêng, mời Giác Duyên về ở chung.

3063. Tác hợp: Do chữ Kinh thi: Thiên tác chỉ hợp, ý nói duyên trời xui khiến cho Kim Trọng, Thuý Kiều gặp gỡ và kết hợp với nhau.

3065. Bình địa ba đào: Ý nói những sự bất trắc trong đời người, chẳng khác gì đất bằng lại nổi sóng.

3068. Tục ngữ: Máu chảy ruột mềm, ý nói giữa bà con ruột thịt có sự tương quan mật thiết, như máu với ruột, hễ máu chảy thì ruột mềm.

3071. Gương vỡ lại lành: Dịch chữ Phá kính trùng viên. Nguyên đời Trần (Trung Quốc) Từ Đức Ngôn lấy Lạc Xương công chúa. Khi biết nước nhà sắp bị diệt, vợ chồng thế nào cũng bị phân ly, bèn đập vỡ cái gương, mỗi người giữ một nửa, dùng làm cửa tin để tìm gặp nhau, sau quả nhiên hai người lại nối được tình nghĩa vợ chồng. Câu này dùng điển ấy.

3075. Kinh Thi: Phiếu hữ mai, kỳ thực nhất hê... Phiếu hữu mai, kỳ thực tam hê...(Mơ rụng xuống, quả còn bảy phần..., mơ rụng xuống, quả còn ba phần) ý nói tiết xuân đã muộn nên kíp lo liệu việc hôn nhân. ở đây Thuý Vân muốn nói Kiều vẫn còn vừa tuổi đi lấy chồng.

3085. Thâm giao: Giao ước với nhau một cách ân cần, cốt thiết.

3087: Vật đổi sao dời: ý nói mọi việc trên đời đều thay đổi.

3088: Câu thơ này ý nói: trước khi đã có lời thề sống chết với nhau thì dù sống, dù chết cũng phải giữ lấy lời thề ấy.

3091: Gia thất: Tả truyện có câu: Nam hữu thất, nữ hữu gia. Nghĩa là con trai có vợ, con gái có chồng. Gia thất duyên hài: Đẹp duyên vợ chồng.

3094: Câu này ý nói: Con gái lấy chồng phải như là hoa còn phong nhị, vầng trăng chưa khuyết ý nói trinh tiết còn nguyên vẹn.

3096: Đuốc hoa: Câu này ý nói: Nếu trinh tiết còn nguyên thì đêm hợp hôn mới không hổ thẹn.

3097: Ngộ biển: Gặp phải tai biến.

3104: Trần cấu: Bụi nhơ.

3110: Cầm sắt: Kinh thi: Thê tử hảo hợp như cổ sắt cầm. (Vợ con hoà hợp như gảy đàn sắt, đàn cầm). Người sau bèn dùng hai chữ cầm sắt để chỉ tình vợ chồng.

Cầm cờ: Khi bầu bạn gặp nhau thường gảy đàn, đánh cờ làm vui, cho nên người ta thường dùng hai chữ cầm kỳ để chỉ tình bạn hữu. Câu này ý nói: Nên đem tình vợ chồng đổi làm tình bầu bạn.

3118: Quyền: Quyền biến, nghĩa là theo hoàn cảnh mà thay đổi các xử sự. Chấp kinh: Giữ theo đạo thường, lẽ thường.

3126: Chàng Tiêu: Do chữ Tiêu Lang, tiếng xưng hô của người con gái đối với tình nhân. Tình sử chép: Thôi Giao, đời Đường, có người yêu bị người ta bắt bán cho quan Liên suy. Chàng buồn rầu làm bài thơ, trong có câu: Hầu môn nhất nhập thâm tự hải, tòng thử Tiêu lang thị lộ thân (Cửa hầu vào rồi thấy sâu như biển, từ đây chàng Tiêu là người khách qua đường). Câu này ý nói: Nỡ nào lại hững hờ không nhận người yêu cũ hay sao.

3140: Câu này ý nói: Kim Trọng, Thuý Kiều cùng nhau kể kể những chuyện buồn, chuyện vui mãi cho đến khi đêm đã khuya, trăng đã cao.

3148: Xướng tuý: Do câu Phu xướng phụ tuý (Chồng xướng vợ nghe theo). Đây dùng để thay cho chữ phu phụ (vợ chồng).

3160: Câu này ý nói: Nếu Kim Trọng nghĩ đến việc sinh con đẻ cái để nối dõi tông đường về sau thì đã có Thuý Vân.

3161: Kiều ngầm ý nói rằng: Nàng sợ dĩ bị cảnh ong qua bướm lại là do hoàn cảnh bắt buộc, chứ tâm hồn nàng thì vẫn trong trắng. Chữ Trinh đây hiểu về phương diện tinh thần chứ không phải về thể xác.

3175: Đáy bể mò kim: Dịch câu Hải đề lao châm, ý nói làm một việc rất khó khăn, mất nhiều công phu.

3176: Câu này ý nói: Bấy lâu đi tìm nàng là đeo đuổi lời thề vàng đá, không phải là tìm thú trắng hoa.

3180: Cao thâm: Cao sâu, ý nói Kiều cảm tạ cái nghĩa cao ơn sâu của Kim Trọng.

3199: Dương hoà: Khí dương đầm ấm của mùa xuân.

3200: Hồ điệp: Con bướm.

Trang sinh: Tức Trang Chu, hay Trang Tử. đời Chiến Quốc. Xưa Trang Chu nằm chiêm bao thấy mình hoá thành con bướm tung bay nhơnh, tỉnh dậy bàng hoàng tự hỏi: Không hiểu ta hoá thành bướm, hay chính bướm đương hoá thành ta. ở đây nói khúc đàn tiêu dao, phiêu dật.

3202: Thục đế: Vua nước Thục.

Đỗ quyên: Con chim quốc. Tương truyền xưa vua nước Thục buồn vì mất nước, chết hoá thành con chim đỗ quyên, tiếng kêu ai oán.

3203: Duênh quyên: Vũng nước biển sáng đẹp.

3204: Lam Điền: Tên một hòn núi ở tỉnh Thiểm Tây, chỗ sản sinh nhiều ngọc quý.

3210: Khổ tận cam lai: Đẳng hết ngọt đến, ý nói vận khổ đã qua, vận sướng bắt đầu tới.

3219: Thục nữ chí cao: Người con gái hiền thục có tâm chí cao thượng.

3220: Sớm mặn tối đào: Sớm ấp mặn, tối ôm đào, ý nói người trăng gió, tình yêu không chuyên nhất. Xem chú thích 1289.

3236: Quan giai: Cấp bậc quan lại, ý nói Kim Trọng làm quan được lần lần thăng chức.

3237: Thừa gia: Đảm đương việc nhà, cũng có nghĩa là sang dòng nối dõi tông đường.

3238: Cù mộc: Chỉ vợ cả. Xem chú thích 902.

Quế hoè: Xưa họ Đậu, đời Tống, có năm người con trai đều hiển đạt, Vương Đạo có câu thơ khen: Đan quế ngũ chi phương (Quế đở năm cành thơm). Xem thêm điển Vương Hữu. Câu này dẫn mấy điển ấy để nói Kim

Trọng có đồng con cháu hiền đạt sau này.